CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=HAI BÀ TRƯNG, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101 078458
Date: 2022.03.29 19:17:22 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 300/CV-CKCT07	*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**
   - Mã chứng khoán: **CTS**
   - Địa chỉ trụ sở chính: **306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**
   - Điện thoại: **024. 3974 1771** Fax: **024. 3974 1760**
   - Email: congbothongtin@cts.vn
2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities) công bố thông tin Báo cáo thường niên 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/03/2022 tại đường dẫn: *http://cts.vn – Mục "Quan hệ cổ đông" – "Báo cáo thường niên".*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo thường niên 2021;

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Phan Hải Sâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
www.cts.vn

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH:
Trụ sở chính:
306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 024.3974 1760

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 028. 3820.0899

Chi nhánh Đà Nẵng:
Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu,
Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 023.6358 4788

VietinBank SECURITIES

VƯƠN MÌNH BỨT PHÁ 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

03

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

THÔNG ĐIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC

07

I. GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

09 Tổng quan về VietinBank Securities
11 Quá trình hình thành và Phát triển

17

II. ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

19 Thách thức năm 2021
21 Thành tựu năm 2021
22 Chỉ số tài chính nổi bật
26 Kết quả hoạt động năm 2021
27 Kết quả hoạt động kinh doanh theo mảng nghiệp vụ
37 Môi trường kinh doanh và triển vọng

49

III. TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

51 Tư vấn tài chính doanh nghiệp
55 Bảo lãnh phát hành
56 Dịch vụ chứng khoán
57 Dịch vụ hỗ trợ tài chính

59

IV. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

61 Thông tin cổ đông
62 Cơ cấu tổ chức quản trị
63 Hội đồng quản trị
66 Ban kiểm soát
68 Ban Tổng Giám đốc
71 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính
72 Báo cáo của Hội đồng quản trị
78 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
83 Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS)
85 Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ
86 Báo cáo Quản trị rủi ro

87

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

89 Mục tiêu thực hiện báo cáo
91 Định hướng phát triển bền vững của vietinbank securities
94 Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững
95 Cách thức xác định nội dung báo cáo
97 Nội dung báo cáo

107

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN TỔNG QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 13/6/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 25/05/2020.

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ông Trần Phúc Vinh
Tổng Giám đốc	Ông Võ Đức Mạnh
Trụ sở chính	Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	(024) 3974 1771
Fax	(024) 3974 1760
Website	www.cts.vn
Số lao động	175 người

Vốn điều lệ	1.064.365.760.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.070.285.524.053 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.399.614 (tại ngày 31/12/2021)
Số lượng cổ phiếu quỹ	36.962 (tại ngày 31/12/2021)
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Mã cổ phiếu	CTS

THÔNG ĐIỆP CỦA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"VietinBank Securities đã có một năm Vươn mình bứt phá, thành công toàn diện trên các lĩnh vực kinh doanh giữa bối cảnh kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn bởi tác động của Covid-19"

Kính gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác!

Năm 2021, dù dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến phức tạp nhưng TTCK Việt Nam đã phục hồi và có sự bứt phá mạnh mẽ, kéo dài xu hướng tăng trưởng trong dài hạn. Theo đó, chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới với giá đóng cửa cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index đạt 1.500,81 điểm. Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới.

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa toàn thị trường cũng tăng mạnh, đạt 9,31 triệu tỷ đồng tại ngày 31/12/2021; tăng 39,4% so với cuối năm 2020, tương đương 149,8% GDP (trong đó mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt hơn 7,7 triệu tỷ đồng). Thanh khoản trên TTCK năm 2021 tiếp tục bùng nổ với giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 25.960 tỷ đồng/phiên, tăng 250% so với năm 2020 và đã ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á. Cũng tính đến cuối năm 2021, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đã lên tới con số 4,31 triệu tài khoản, tăng 55,52% so với cuối năm 2020. Có thể nói năm 2021 là năm sôi động nhất trong lịch sử 21 năm vận hành của TTCK Việt Nam.

Trước sự bùng nổ của TTCK, VietinBank Securities nhận thấy đây chính là cơ hội để thực hiện cú chuyển mình mạnh mẽ cho Công ty khi đã xây dựng được nền tảng vững chắc, nội lực vững mạnh, có chiến lược rõ ràng, có khả năng nắm bắt và thích nghi tối ưu với yêu cầu mới của thị trường. Song song với việc tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển bền vững, mở rộng và tập trung nâng cao kiến thức tư vấn cho các nhà đầu tư – đặc biệt là nhà đầu tư mới, chú trọng hoàn thiện chất lượng đội ngũ môi giới, sản phẩm – dịch vụ và báo cáo khuyến nghị cho nhà đầu tư, VietinBank Securities còn ưu tiên nguồn lực nghiên cứu, triển khai các giải pháp về công nghệ, tăng cường khả năng tiếp cận kênh chứng khoán một cách đơn giản, nhanh chóng và thuận tiện nhất cho Quý khách hàng.

Với những tác động tích cực của thị trường cùng với kinh nghiệm và nền tảng đã tích lũy trong suốt hơn hai thập kỷ phát triển đã giúp VietinBank Securities không chỉ đồng hành cùng nhà đầu tư trong việc quản trị danh mục, đưa ra những khuyến nghị đầu tư hiệu quả, phù hợp trước những biến động của thị trường mà Công ty cũng đạt được những kết quả vượt trội, đánh dấu một năm hoạt động kinh doanh xuất sắc.

Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty năm 2021 đạt trên **1.067,66 tỷ đồng** tăng thêm gần 75% so với năm 2020. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt **481,96 tỷ đồng** tăng hơn 220% so với năm 2020 và hoàn thành vượt mức (đạt 267%) kế hoạch lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ giao là **180,483 tỷ đồng** – ghi nhận mức doanh thu và lợi nhuận cao kỷ lục từ khi Công ty đi vào hoạt động. Trong đó, hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Song hành cùng với sự bứt phá đó, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định tại các mảng nghiệp vụ, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; Công tác quản trị rủi ro được đẩy mạnh, hiệu quả quản lý điều hành được nâng cao, khẳng định bản lĩnh của một Công ty chứng khoán có bề dày hơn 21 năm phát triển.

"Năm của hành động, thời của bứt phá"

Trong năm 2022 cũng như tương lai sắp tới, chúng tôi xác định tiêu chí xuyên suốt trên tiến trình phát triển là: ***Bứt phá trên cơ sở chắc chắn – Tăng trưởng tốc độ cao nhưng đảm bảo tính bền vững.*** Mục tiêu đưa VietinBank Securities trở thành một trong những thương hiệu lớn mạnh hàng đầu trên TTCK Việt Nam, là điểm đến an toàn, tin cậy của Quý nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, là nơi các cổ đông tin tưởng sẽ tối ưu hóa giá trị đầu tư và là ngôi nhà mà cán bộ nhân viên, người lao động của Công ty yên tâm gắn kết và cống hiến.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin trân trọng tỏ lòng biết ơn chân thành tới Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã ủng hộ, đồng hành cùng VietinBank Securities, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động vì những đóng góp tận tâm, những nỗ lực không ngừng trong suốt hành trình của năm 2021 cũng như chặng đường hơn 21 năm qua để giúp VietinBank Securities vượt qua khó khăn, thử thách, vươn mình bứt phá, ngày một nâng tầm vị thế của Công ty trên thị trường tài chính Việt Nam cũng như thị trường quốc tế.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN PHÚC VINH

THÔNG ĐIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác!

Trải qua một năm 2021 đầy biến động, Việt Nam đứng trước thử thách với sự bùng nổ dữ dội của các biến chủng Covid-19 mới đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống- xã hội, đặc biệt là sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, những điều chỉnh kịp thời của Chính phủ trong công tác phòng chống dịch đã giúp Việt Nam bước đầu thành công trong khống chế dịch, kinh tế vĩ mô dần ổn định, doanh nghiệp vận hành trở lại và bước vào giai đoạn phục hồi hậu Covid-19. Kết thúc năm 2021, Việt Nam có kết quả tăng trưởng GDP dương 2,58%, lọt Top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước qua năm 2021 với nhiều sóng gió nhưng lại đạt được những thành tựu nhất định. Chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 31/12/2021 đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,7% so với 31/12/2020. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước, giá trị giao dịch bình quân năm 2021 đạt hơn 25.960 tỷ đồng/phiên, tăng 250% so với năm 2020, trong đó ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 Đông Nam Á. Số lượng nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán tăng mạnh mẽ, tính chung cả năm 2021 nhà đầu tư trong nước mở mới hơn 1,5 triệu tài khoản, tăng trên 55,52% so với năm 2020 – kỷ lục chưa từng có trong lịch sử 21 năm vận hành của thị trường chứng khoán Việt Nam.

TỶ ĐỒNG

481,9

Lợi nhuận trước thuế 2021

TỶ ĐỒNG

1.067,65

Doanh thu và thu nhập khác

2021 – VietinBank Securities: Đổi mới phát triển hướng tới thành công

Bức tranh kinh tế năm 2021 nhiều màu sắc với những khó khăn thách thức từ đại dịch, nhưng cũng nhiều cơ hội từ sự phát triển của thị trường chứng khoán. Nhờ đó VietinBank Securities đã **Vươn mình bứt phá**, từng bước thực hiện định hướng phát triển đã đặt ra từ đầu năm, hướng tới trở thành một định chế tài chính cung cấp đa dạng, đầy đủ các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và nhận diện thương hiệu của Công ty trên thị trường tài chính Việt Nam cũng như thị trường quốc tế. Kết thúc năm 2021, Công ty đã gặt hái được những thành tựu đột phá: Doanh thu và các thu nhập khác đạt 1.067,65 tỷ đồng, tăng 75% so năm 2020, Lợi nhuận trước thuế đạt 481,9 tỷ đồng, hoàn thành 267% kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

2022 – VietinBank Securities: Mở rộng quy mô – Tăng cường hiệu quả

Bước sang năm 2022, những khó khăn trong kiểm soát đợt dịch khi tiềm ẩn rủi ro xuất hiện các biến thể mới Covid-19, lạm phát leo thang, FED có khả năng sẽ điều chỉnh lãi suất tăng mạnh trong thời gian tới, hay mâu thuẫn, xung đột trong chính sách kinh tế – chính trị giữa các quốc gia có ảnh hưởng đặc biệt tới nền kinh tế toàn cầu... Theo đó, dự báo nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường chứng khoán sẽ gặp nhiều thách thức và vận hội mới. Với định hướng phát triển xuyên suốt, VietinBank Securities tiếp tục duy trì mục tiêu trở thành một định chế tài chính lớn mạnh dựa trên việc tập trung phát triển, mở rộng thị phần các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tập trung tăng quy mô vốn chủ sở hữu

Cùng với sự tăng trưởng quy mô của thị trường chứng khoán về số lượng khách hàng, giá trị giao dịch, nhu cầu của khách hàng về tư vấn đầu tư, cho vay ký quỹ, dịch vụ ngân hàng đầu tư cũng ngày càng tăng lên. Theo đó, VietinBank Securities đặt mục tiêu tập trung tăng vốn chủ sở hữu từ các nguồn như gia tăng lợi nhuận, chia cổ tức, tìm kiếm đối tác chiến lược... để nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút khách hàng, mở rộng thị phần, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng quy mô các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện nay như Hoạt động tự doanh, đầu tư các sản phẩm tài chính, cho vay ký quỹ...

Thứ hai, mở rộng thị phần hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán

Tập trung đổi mới, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, áp dụng công nghệ số, AI vào hoạt động môi giới, tư vấn nhằm tăng cường khả năng tiếp cận kênh chứng khoán đến khách hàng, mang lại những trải nghiệm dịch vụ an toàn, tối ưu nhất.

Thứ ba, tối ưu chi phí vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động

Với thành công trong năm 2021 khi ký kết nhiều hợp đồng cấp tín dụng có tổng hạn mức lên tới 100 triệu USD với các ngân hàng nước ngoài, Công ty sẽ tiếp tục khai thác lợi thế của một định chế tài chính uy tín trong nước để huy động và tăng cường nguồn lực về vốn nhằm tập trung phát triển các hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi, tận dụng nguồn vốn nước ngoài giá rẻ nhằm giảm chi phí vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện sứ mệnh hướng tới phát triển doanh nghiệp bền vững, tạo lập cơ hội thành công cho cổ đông, khách hàng cũng như đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Thay mặt Ban điều hành, tôi xin cảm ơn sự đồng hành, tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác cũng như Nhân viên, Người lao động Công ty trong suốt chặng đường 21 năm qua và mong muốn được tiếp tục đồng hành trên con đường phía trước.

Kính chúc Quý vị sức khoẻ, thành công.

"Bằng nội lực mạnh mẽ và uy tín vững vàng, VietinBank Securities hướng tới tăng trưởng bền vững đảm bảo Mở rộng quy mô – Tăng cường hiệu quả trong năm 2022."

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC MẠNH

1 GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

1. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. Vietinbank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.

SLOGAN

Tạo lập thành công – Seeding your success

TẦM NHÌN

Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư

SỨ MỆNH

Tạo lập cơ hội thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Suy nghĩ tích cực – Thái độ tích cực – Hành động tích cực

"VietinBank Securities cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam."

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ **55 tỷ đồng**
- Thành lập **chi nhánh TP HCM**

2004 – 2008

Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên **100 tỷ đồng**, **300 tỷ đồng** và **600 tỷ đồng**

2009

- Cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 01/07/2009
- Tăng vốn điều lệ lên **789,9 tỷ đồng**
- Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: **CTS**
- Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

2010

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty lần đầu lọt vào **Top 6** công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường

2011

- **Top 10** về thị phần môi giới trên HNX
- Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
- **Top 5** các công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011

2016

- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016 do HNX bình chọn.
- Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên HNX năm 2016.
- Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2016.
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà Nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2015.
- **Top 10** công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động IB cao nhất năm 2016.

2015

- Tăng vốn điều lệ lên **904,24 tỷ đồng**
- Vượt lên vị trí số 1 thị phần môi giới sàn giao dịch UPCOM
- Giải thưởng "Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu" do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn.
- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2016 do HNX bình chọn.
- Danh hiệu Công ty đóng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của TTCK Việt Nam do UBCKNN trao tặng.
- **Top 5** công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
- **Top 10** công ty chứng khoán có hoạt động IB cao nhất năm 2015.

2014

Đột phá về hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp với mức tăng **227,7%** so với năm 2013.

2013

Đứng thứ 8 về thị phần môi giới trên sàn HOSE Quý III/2013.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2017

- Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **976,5 tỷ đồng**
- Khai trương **chi nhánh tại TP. Đà Nẵng.**

2018

- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **1.084,4 tỷ đồng**
- Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (MiMosi)
- Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn
- Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán

2019

Thành viên tiêu biểu năm 2018-2019 do HNX bình chọn

2020

Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông Công ty và Ngân hàng Công thương Việt Nam giao trong năm 2020.

2021

- Kí kết thành công hợp đồng vay vốn nước ngoài với tổng trị giá lên tới **100 triệu USD** từ nhóm các Ngân hàng lớn của Đài Loan, Hàn Quốc
- Lập kỉ lục về doanh thu và lợi nhuận từ khi công ty thành lập.

3. ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM 2021

TỔNG DOANH THU

74,81%

31/12/2020 608.987 triệu đồng

31/12/2021 1.064.553 triệu đồng

TỔNG TÀI SẢN

56,44%

31/12/2020 4.273.706 triệu đồng

31/12/2021 6.685.686 triệu đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

220,21%

31/12/2020 150.513 triệu đồng

31/12/2021 481.957 triệu đồng

NHÂN SỰ

4,17%

31/12/2020 168 người

31/12/2021 175 người

2 ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

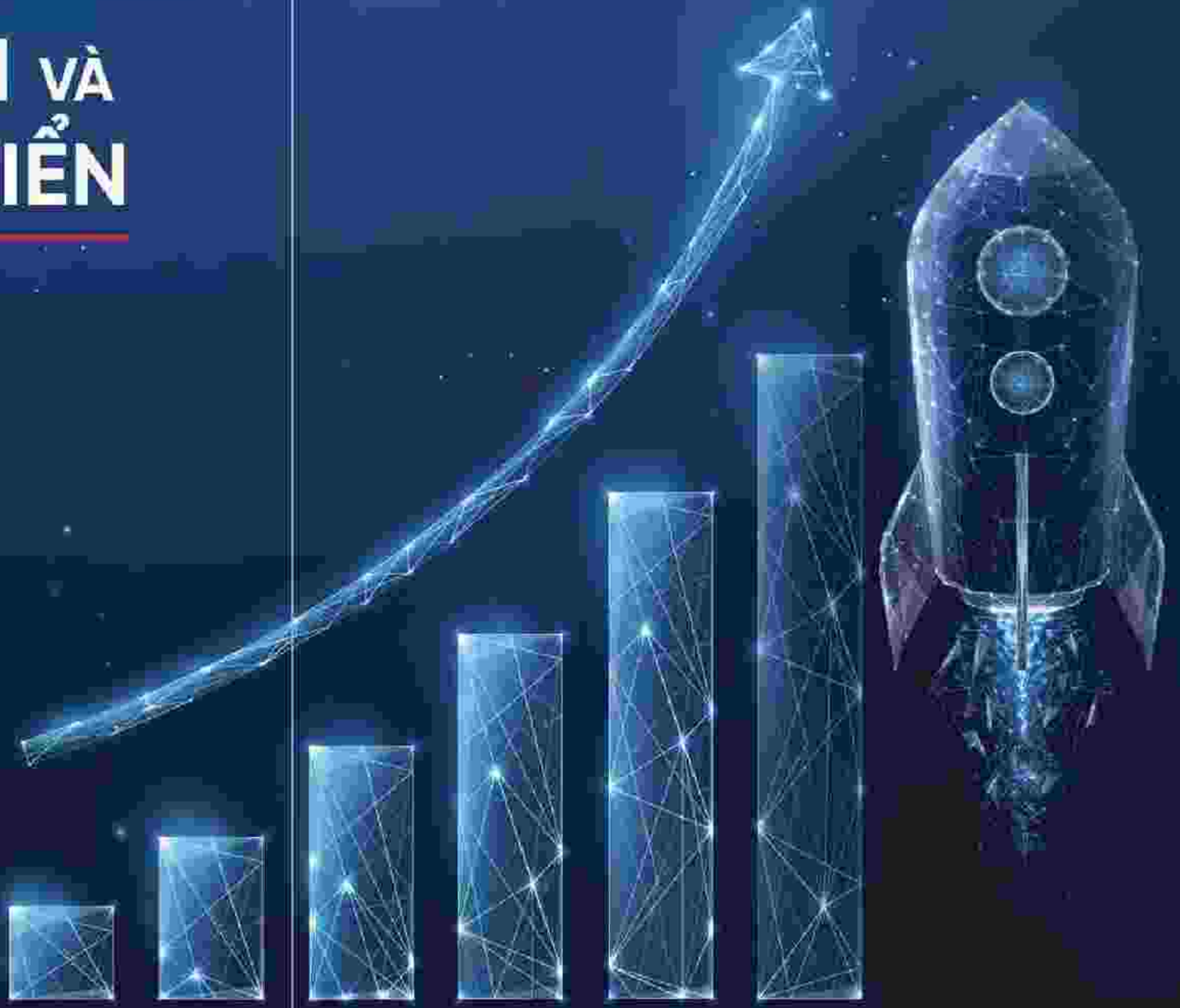

1. THÁCH THỨC NĂM 2021

Thách thức từ thị trường chung: Bất chấp tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng lên nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn được những kết quả lạc quan: GDP tăng trưởng 2,58% tuy là mức thấp nhất trong thập kỷ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 đây là thành công lớn và thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới; lạm phát ở mức 0,81%; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức 336,31 tỷ USD.

Năm 2021, đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề cho nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nỗ lực duy trì mức tăng trưởng GDP dương, thậm chí xuất khẩu đạt kỷ lục mới, vào Top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế.

Cơ sở hạ tầng của thị trường chứng khoán Việt Nam tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa ổn định. Đồng thời, dịch Covid-19 kéo dài trên toàn cầu, căng thẳng trong cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ – Trung Quốc tiềm ẩn những rủi ro về chính sách tác động đến nền kinh tế toàn cầu, sức cầu của thị trường đặc biệt là sức mua của nhà đầu tư trong nước chưa đủ lớn đã trở thành những rào cản tâm lý e ngại cho nhà đầu tư, khiến dòng tiền trở nên thận trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến quỹ đầu tiên của thị trường chứng khoán.

Thách thức từ môi trường cạnh tranh: Bên cạnh việc đồng loạt bị ảnh hưởng Covid-19 trong Quý II và III/2021, các công ty chứng khoán đã có cuộc cạnh tranh dành thị phần vô cùng khốc liệt. Việc có quá nhiều công ty chứng khoán nước ngoài "đổ bộ" vào thị trường chứng khoán Việt Nam đã tạo nên áp lực nặng nề với các công ty chứng khoán nội trong "cuộc chiến" thị phần trong năm 2020. Tuy nhiên, đây không còn là câu chuyện của năm 2021 khi các công ty chứng khoán nội đã giành lại được ưu thế. Một cuộc cạnh tranh về phí giao dịch cũng đang diễn ra song song. Theo thống kê, tỷ lệ phí giao dịch trung vị sau khi giữ ở mức 0,19% một thời gian dài đã liên tục giảm trong các năm gần đây. Đặc biệt, sau quy định không yêu cầu mức tối thiểu phí giao dịch, nhiều công ty chứng khoán trong nước đã áp dụng cả chính sách không phí giao dịch để cạnh tranh. Tuy nhiên, về lâu dài chiến lược ưu đãi sẽ không phải là bước đi bền vững vì sự chênh lệch tài chính giữa khối công ty chứng khoán nội và ngoại, lợi thế cạnh tranh lớn nhất vẫn phải là chất lượng và uy tín dịch vụ.

Thách thức từ vấn đề quản trị công ty: Ngày 27 tháng 04 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Chứng khoán Công thương đã thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên với kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 180,48 tỷ đồng. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng 20% so với thực hiện của 2020 (150,15 tỷ đồng). Với chỉ tiêu tăng trưởng hai chữ số, đây được coi là thách thức không nhỏ đối với Ban lãnh đạo trong bối cảnh diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán năm 2021.

2. THÀNH TỰU NĂM 2021

HỢP ĐỒNG

80

Hợp đồng tư vấn năm 2021

Khẳng định vị thế Tư vấn tài chính doanh nghiệp trên thị trường: Trong năm 2021, Công ty đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam,... trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn truyền thống (bao gồm tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, đấu giá, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, niêm yết, đăng ký giao dịch UPCOM, phát hành cổ phiếu...). Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao, kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng khi tiếp cận và ký kết hợp đồng với các Ngân hàng, Định chế tài chính và khách hàng mới như: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á, CTCP Mía đường Lam Sơn, CTCP Điện cơ, CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP,... Kết thúc năm 2021, Công ty đã ký mới 80 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 46 hợp đồng tư vấn bao gồm 28 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 18 hợp đồng tư vấn truyền thống.

Hoạt động nguồn vốn bứt phá: Công ty có nhiều dấu ấn trong hoạt động kinh doanh vốn với sự bứt phát mạnh mẽ của mảng vay vốn nước ngoài, với hạn mức tín dụng được cấp bởi các ngân hàng tổ chức lớn nước ngoài khoảng 100 triệu USD. Với lại thế nguồn vốn ngoại giá rẻ đã giúp tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời thanh khoản của Công ty tiếp tục được cải thiện, duy trì ổn định và là tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty liên tục nhận được các khoản vay vốn từ các định chế tài chính trong nước với lãi suất cạnh tranh trên thị trường. Năm 2021, Công ty đã xây dựng được quan hệ tín dụng với trên 24 ngân hàng trong và ngoài nước, với dư nợ cuối năm 2021 đạt hơn 4.100 tỷ đồng, tăng 89,2% so với số dư nợ đầu năm. Hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm tăng hơn 60% so với năm 2020 và lãi suất vay vốn bình quân năm 2021 cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Vị thế của Công ty trên thị trường liên tục được cải thiện.

Hoạt động môi giới tăng trưởng mạnh mẽ: Trong năm 2021, ghi nhận dư nợ margin toàn Công ty lên tới 1.414 tỷ đồng, lãi margin toàn Công ty thu được 145,2 tỷ đồng, tương ứng tăng 153,2% và 187,6% so với năm 2020.

Định hướng đầu tư chứng khoán theo phân tích cơ bản: Tiếp tục định hướng đầu tư theo phân tích cơ bản cho cộng đồng các nhà đầu tư Việt Nam. Trong năm 2021, ngoài các bản tin phân tích, khuyến nghị định kỳ theo từng doanh nghiệp, từng ngành, VietinBank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

Nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng: Năm 2021, tiếp tục tận dụng lợi thế là công ty thành viên của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), VietinBank Securities tiếp tục nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Phòng Thị trường vốn VietinBank, Công ty Quản lý quỹ và các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc tìm kiếm, khai thác và cung cấp chuỗi sản phẩm Ngân hàng đầu tư toàn diện cho khách hàng, giúp khách hàng của VietinBank Securities nói riêng và VietinBank nói chung có được giải pháp tài chính toàn diện, tối ưu với chi phí cạnh tranh.

3. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ số	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021 so với 2020
Tổng tài sản	**2.576.740**	**2.799.853**	**4.273.706**	**6.685.686**	**56,44%**
Doanh thu thuần	**652.786**	**504.978**	**608.987**	**1.064.553**	**74,81%**
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	56.969	393.0.120	49.183	148.857	202,66%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	477.656	337.826	427.474	724.529	69,49%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	0	0	0	0	0%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	2.595	9.380	22.470	3.018	-86,57%
Doanh thu hoạt động tư vấn	17.483	8.558	3.624	5.167	42,58%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	15.835	34.512	27.22	36.558	30,93%
Doanh thu khác	82.247	75.582	78.314	146.424	86,97%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**181.456**	**139.212**	**148.950**	**481.103**	**222,99%**
Lợi nhuận khác	**642**	**430**	**1.563**	**853**	**-45,43%**
Lợi nhuận trước thuế	**182.099**	**139.642**	**150.513**	**481.957**	**220,21%**
Lợi nhuận sau thuế	**158.777**	**114.803**	**128.187**	**386.504**	**201,52%**
Thị phần môi giới	**1,09%**	**1,76%**	**1,60%**	**1,48%**	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	**12,8%**	**8,7%**	**9,3%**	**21,4%**	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	**70,72%**				
Tỷ lệ cổ tức	**10%**				

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

		2018	2019	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,45	2,07	1,50	1,38
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,08	1,22	0,59	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)					
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,49	0,53	0,66	0,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,96	1,13	1,97	2,69
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay/ Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,30	0,19	0,17	0,19
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	0,30	0,19	0,17	0,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,32	22,73	21,05	36,34
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	7,20	4,30	3,62	5,79
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,80	8,70	9,32	21,36

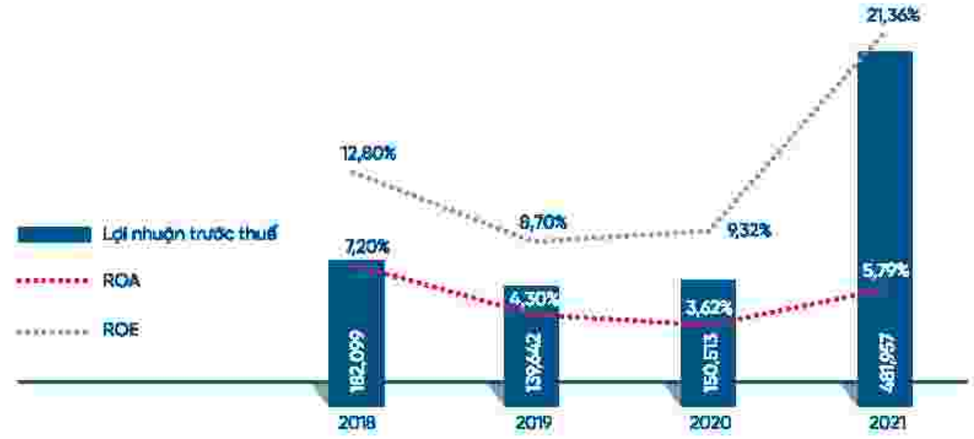

EPS (ĐỒNG/CỔ PHIẾU)

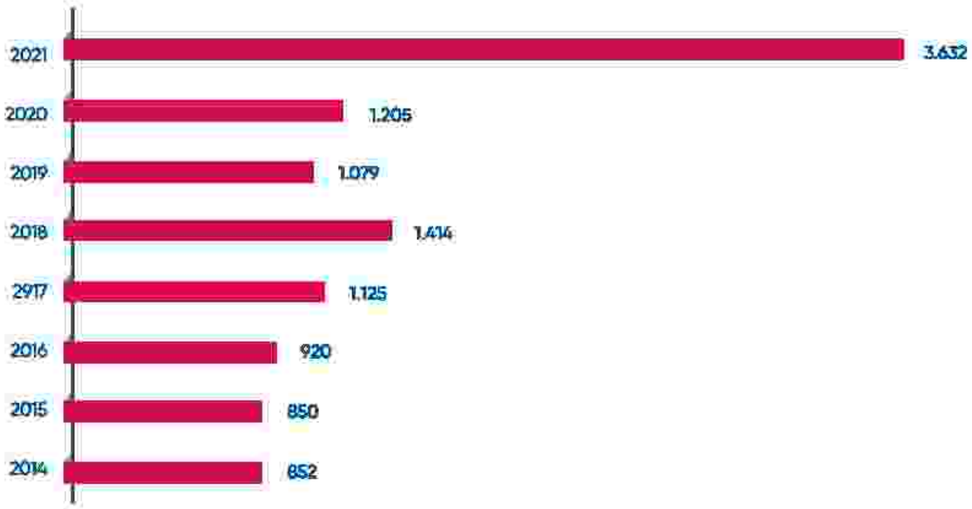

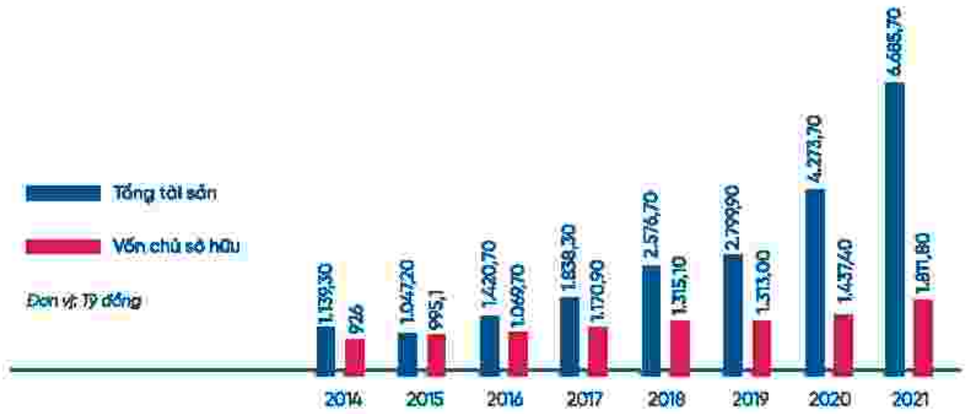

4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

TỶ ĐỒNG

6.685,68

Tổng tài sản cuối năm

Trong năm 2021, tổng tài sản của VietinBank Securities tăng trưởng mạnh. Tổng tài sản đầu năm đạt 4.273,7 tỷ đồng (trong đó tài sản ngắn hạn đạt 4.190,36 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 83,34 tỷ đồng), tổng tài sản cuối năm tăng 56% so với đầu năm, đạt 6.685,68 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 6.610,37 tỷ đồng, tăng 58% so với thời điểm đầu năm và tập trung chủ yếu ở các khoản các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, đồng thời công ty cũng có thêm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay; tài sản dài hạn đạt 75,3 tỷ đồng, giảm 10% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do giảm hoàn toàn tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong khi không có khoản đầu tư tài sản cố định mới.

TỶ ĐỒNG

1.064,55

Doanh thu thuần

481,95

Lợi nhuận trước thuế

386,5

Lợi nhuận sau thuế

Cũng trong năm 2021, nguồn vốn của VietinBank Securities có sự biến động lớn, tập trung chủ yếu ở khoản mục nợ vay ngắn hạn, tăng 89% so với thời điểm đầu năm. Mục đích của các khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Kết thúc năm 2021, tổng nợ phải trả của Công ty là 4.873,87 tỷ đồng tăng 72% so với thời điểm đầu năm.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, kết thúc năm 2021, doanh thu thuần của VietinBank Securities đạt 1.064,55 tỷ đồng, tăng 75% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế ở mức 481,95 tỷ đồng vượt 167% so với kế hoạch và tăng 220% so với lợi nhuận trước thuế năm 2020, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 386,5 tỷ đồng, tăng 202% so với năm 2020.

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ

5.1. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Năm 2021, VietinBank Securities tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2020, đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2021 đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời, các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước chậm triển khai kế hoạch chuyển nhượng vốn theo lộ trình đã được phê duyệt. Tuy nhiên, VietinBank Securities đã rất nỗ lực trong việc triển khai các hoạt động tư vấn, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển và tìm kiếm hướng đến khách hàng cũ và mới thông qua các kênh tiếp xúc, đấu thầu với các khách hàng tiêu biểu như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam,... và các Ngân hàng, Định chế tài chính lớn như Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á... Bên cạnh đó, Công ty đã tiếp cận và ký hợp đồng với các khách hàng mới như CTCP Mía đường Lam Sơn, CTCP Điện cơ, CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP,... Đây là những tiền đề cho việc mở rộng hoạt động sang các mảng tư vấn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty trong thời gian tới.

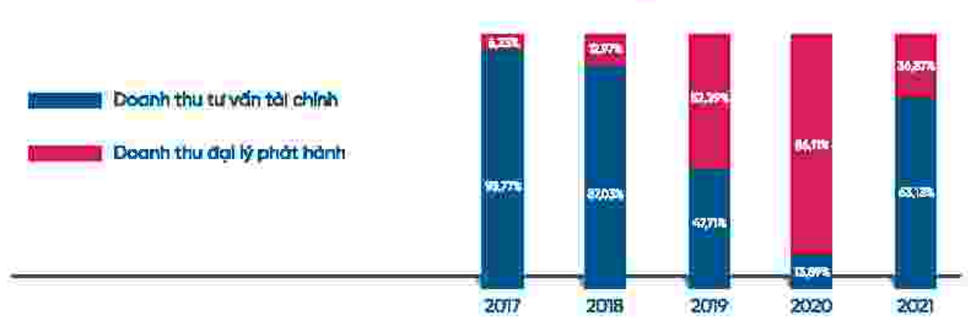

Cụ thể, Doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp năm 2021 ghi nhận 5.167 tỷ đồng, chiếm 63,01% tổng doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp và doanh thu đại lý phát hành đạt 3.018 tỷ đồng. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như trên là do Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities đã nỗ lực trong việc duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn đồng thời nỗ lực tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền khách hàng có tên tuổi tạo bàn đạp vững chắc cho sự phát triển thương hiệu của VietinBank Securities. Năm 2021, một số thành tựu tiêu biểu của Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp có thể kể đến như:

- Trong năm 2021, Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã thực hiện ký mới 80 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 46 hợp đồng tư vấn bao gồm 28 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 18 hợp đồng tư vấn truyền thống.
- Tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, thoái vốn, cổ phần hóa cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có kế hoạch tái cơ cấu như Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT),...
- Tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn như: CTCP STC Corporation, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va, Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á, CTCP Đất Xanh Miền Trung, CTCP Việt Vương, CTCP Địa ốc Châu Sơn... Công ty đã tư vấn thu xếp vốn thành công cho nhiều doanh nghiệp lớn với tổng giá trị thu xếp được là khoảng 7.500 tỷ đồng trái phiếu trong nước.

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Tình hình thị trường tư vấn tài chính trong năm 2022 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Do đó, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đặt ra, VietinBank Securities đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, bao gồm từ tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty thành viên của VietinBank, chủ động kết hợp với các chi nhánh của VietinBank và các công ty khác trong hệ thống VietinBank. Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp lớn, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với VietinBank. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính độc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới. Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.
- Năm 2022, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2021, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

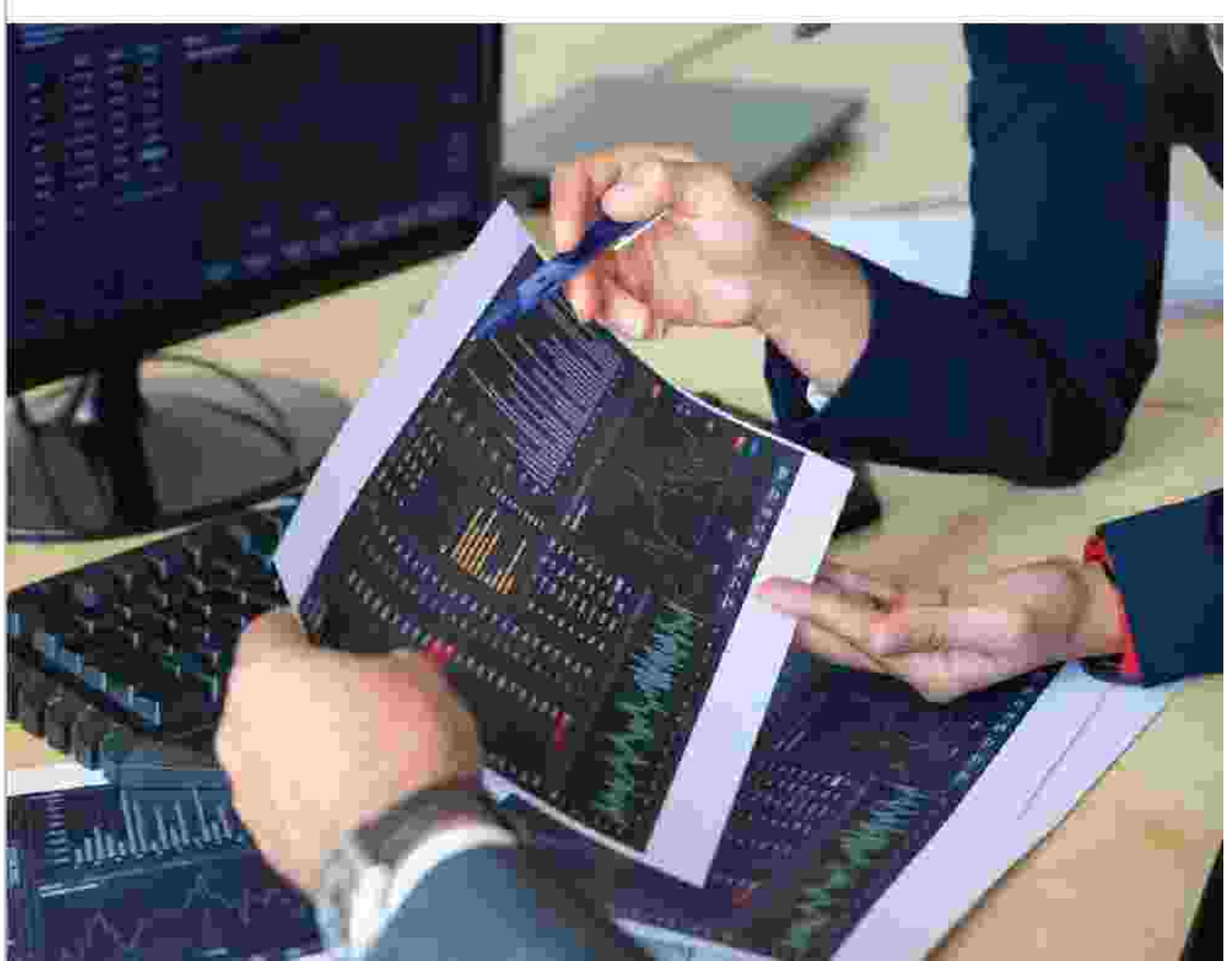

5.2. HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

Năm 2021, các ảnh hưởng bởi Covid-19 đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn tiếp tục theo hướng tiêu cực. Nếu như năm 2020 Việt Nam nổi lên là một điểm sáng duy trì được mức tăng trưởng trong nhóm cao nhất thế giới (GDP cả năm 2020 tăng 2,91%) thì sang năm 2021, Việt Nam đã không còn giữ được thành tích chống dịch, nên mức tăng trưởng GDP cả năm 2021 chỉ đạt 2,58%.

Về thị trường chứng khoán Việt Nam, các đợt bùng phát của dịch cũng gây ảnh hưởng ngắn hạn đến thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, VN INDEX sau đó đã xác lập sự phục hồi mạnh mẽ. Chỉ số chứng khoán VN INDEX chính thức khép lại năm 2021 với mốc 1.498,28 điểm, tăng gần 395 điểm (+36%) trong vòng 1 năm. Đến nay quy mô thị trường chứng khoán xấp xỉ 123% GDP, với 52 doanh nghiệp niêm yết lọt vào "câu lạc bộ" vốn hóa tỷ USD.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ VN INDEX TRONG NĂM 2021

Nguồn: TradingView

MUA/BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

Trong khi thị trường chứng khoán Việt Nam liên tiếp lập đỉnh về điểm số và thanh khoản, thì nhà đầu tư nước ngoài vẫn miệt mài bán ròng suốt 2 năm (2020 và 2021). Tổng cộng trong năm 2021, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục lên tới 62.237 tỷ đồng trên cả 3 sàn. Trong đó, trạng thái bán ròng được duy trì trong gần suốt cả năm khi chỉ có duy nhất tháng 4, khối này mua ròng nhẹ chỉ hơn 400 tỷ đồng, còn lại các tháng khác, giá trị bán ròng đều đạt vài nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, trong tháng 3 và tháng 5/2021 là tháng bán ròng mạnh nhất trong năm, lần lượt đạt 11.214 tỷ đồng và 11.567 tỷ đồng.

Riêng trên sàn HOSE, khối ngoại đã bán ròng kỷ lục hơn 1,2 tỷ cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị hơn 57.830 tỷ đồng, gấp 3,8 lần so với năm trước đó. Trong đó, cổ phiếu HPG bị bán ròng mạnh nhất trong năm qua, với giá trị lên đến 18.925 tỷ đồng; tiếp theo là VPB và VNM lần lượt bị bán ròng hơn 9.330 tỷ đồng và 6.630 tỷ đồng.

Trên sàn HNX, khối ngoại cũng không mấy khả quan khi bán ròng gần 3.100 tỷ đồng trong năm qua, tăng 26% so với năm 2020, đặc biệt giá trị bán ròng cao tập trung ở những tháng cuối năm do Pyn Elite Fund liên tục thực hiện chốt lời cổ phiếu CEO khi giá cổ phiếu này tăng mạnh mẽ, gấp 6-7 lần so với thời điểm đầu năm.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÒNG TỰ DOANH VÀ BLPH NĂM 2021

Năm 2021, mảng Tự doanh và BLPH của VietinBank Securities đạt kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu hoạt động cao nhất trong 5 năm gần đây. Doanh thu hoạt động mảng Tự doanh và BLPH năm 2021 đạt 631,726 tỷ đồng, tăng 40,4% so với cùng kỳ; lợi nhuận đạt 411,78 tỷ đồng, tăng 112% so với cùng kỳ.

Trong năm 2021, VietinBank Securities tập trung đánh giá và thực hiện chốt lời đối với các khoản đầu tư trong danh mục cổ phiếu có sự tăng trưởng vượt tiềm năng đánh giá của doanh nghiệp và triển khai thực hiện các cơ hội đầu tư mới. Mảng đầu tư trái phiếu vẫn được công ty duy trì nối tiếp bước phát triển năm 2020, góp phần mang lại hiệu quả chung cho hoạt động tự doanh của Công ty.

DOANH THU
(Đơn vị: Tỷ đồng)

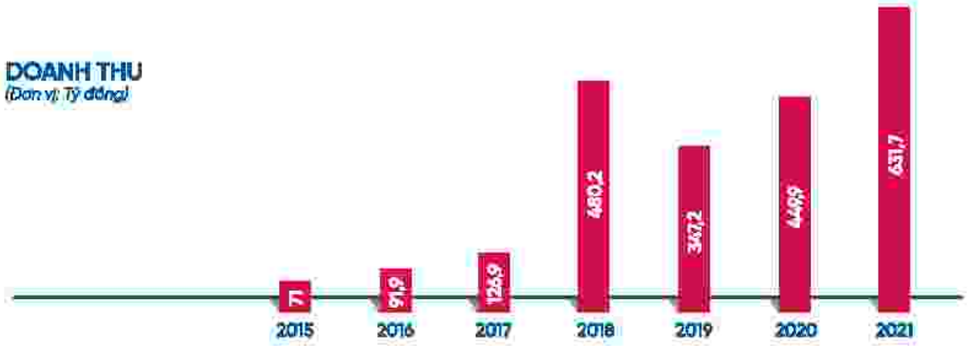

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Năm 2022 VN INDEX được kỳ vọng tiếp tục có sự tăng trưởng với việc dịch Covid-19 kết thúc trong nước và quốc tế. Các nền kinh tế thế giới đã bắt đầu trở lại bình thường. Ngoài ra, thị trường chứng khoán có khả năng sẽ đón các tin tốt từ việc khối ngoại quay trở lại và nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, do trong năm 2021, nhiều cổ phiếu của các ngành bất động sản, dầu khí... đã có mức tăng đột biến, phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư, do vậy, chắc chắn thị trường chứng khoán sẽ có sự phân hóa mạnh mẽ giữa các nhóm ngành, việc lựa chọn cổ phiếu để đầu tư sẽ trở nên khó khăn hơn.

Với những dự báo diễn biến thị trường như trên trong năm 2021, VietinBank Securities đặt kế hoạch đẩy mạnh đầu tư trái phiếu giảm dần sự phụ thuộc lợi nhuận vào việc tự doanh cổ phiếu. Đối với cổ phiếu, tiếp tục tái cơ cấu đối với các cổ phiếu kém triển vọng trong danh mục; tìm kiếm các cơ hội là các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và có triển vọng tăng trưởng trong dài hạn nhưng giá cổ phiếu chưa tăng nhiều trong năm 2021; Đối với trái phiếu tiếp tục hướng đến các doanh nghiệp các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng để hưởng lãi suất cao hơn và triển vọng việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp sẽ là mũi nhọn của hoạt động tự doanh năm 2022.

5.3. HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

TỶ ĐỒNG

89

Doanh thu năm 2021

44,9%

So với năm 2020

Trong năm 2021, hoạt động môi giới chứng khoán đã tập trung phát triển mạnh mảng khách hàng cá nhân và các khách hàng ưu tiên tại các đơn vị hỗ trợ kinh doanh ở 54 tỉnh thành khắp cả nước. Doanh thu cả năm 2021 từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt hơn 89 tỷ đồng, tăng 44,9% so với con số gần 49 tỷ đồng của năm 2020. Dịch Covid-19 diễn ra phức tạp cùng với tình hình kinh tế, chính trị thế giới năm 2021 đầy biến động, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và luôn tiềm ẩn yếu tố khó lường, hoạt động kinh doanh giữa các công ty chứng khoán cạnh tranh nhưng nhờ những nỗ lực đẩy mạnh phát triển mở rộng mạng lưới khách hàng mà thị phần giao dịch của VietinBank Securities đạt được 0,73% giảm nhẹ 10,98% so với năm 2020.

NGHÌN TỶ ĐỒNG

98,1

Giá trị giao dịch toàn công ty

Tuy nhiên, giá trị giao dịch toàn công ty tăng mạnh so với năm 2020, đạt 98,1 nghìn tỷ đồng, tăng tới 220,09%.

DOANH THU MÔI GIỚI QUA CÁC NĂM

Đơn vị: Tỷ đồng

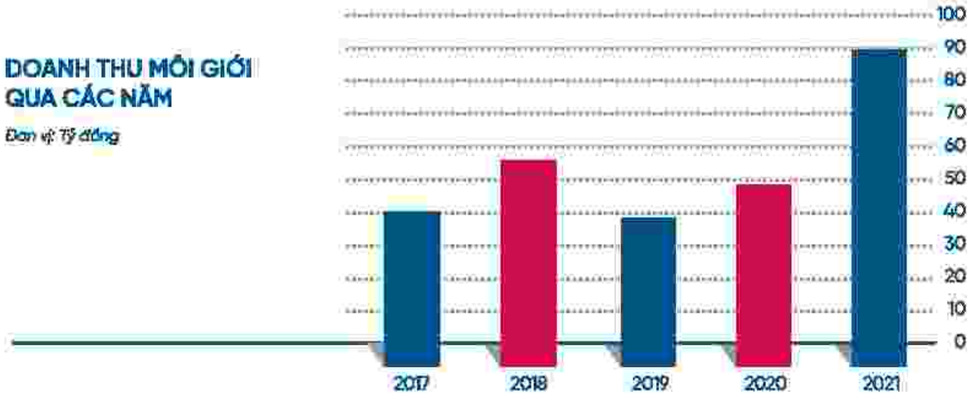

TỶ ĐỒNG

138,9

Doanh thu lãi margin toàn Công ty

79,49%

So với năm 2020

Tổng mức dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của VietinBank Securities tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 1.205,4 tỷ đồng, tăng 73,38% so với năm 2020. Doanh thu lãi margin toàn Công ty đạt gần 138,9 tỷ đồng, tăng 79,49% so với năm 2020.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021
1	Giá trị giao dịch	29,415	30,652	98,114
2	Phí giao dịch	38,5	48,6	153,2
3	Thị phần giao dịch	1,27%	0,82%	0,73%

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021
1	Dư nợ margin	657,7	695,2	1205,4
2	Lãi margin	75,4	77,3	138,9

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Năm 2022, hoạt động môi giới chứng khoán của VietinBank Securities sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh giao dịch của khách hàng cá nhân và khách hàng VIP thông qua các gói sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, phù hợp hơn cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ đẩy mạnh mảng bán lẻ trái phiếu nhằm tăng doanh thu cũng như tính cạnh tranh của mảng môi giới trên thị trường.

Kể từ năm 2018, hệ thống phần mềm Unicore của Công ty đã được nâng cấp và dần hoàn thiện với nhiều tính năng mới cũng như tốc độ được cải thiện đáng kể, giúp tăng năng suất lao động cũng như chất lượng dịch vụ. Từ thành công đó, trong năm 2022, Khối môi giới sẽ tiếp tục đưa ra các sản phẩm con thuộc hệ thống Unicore nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của khách hàng cũng như cải thiện chất lượng công việc của nhân viên môi giới.

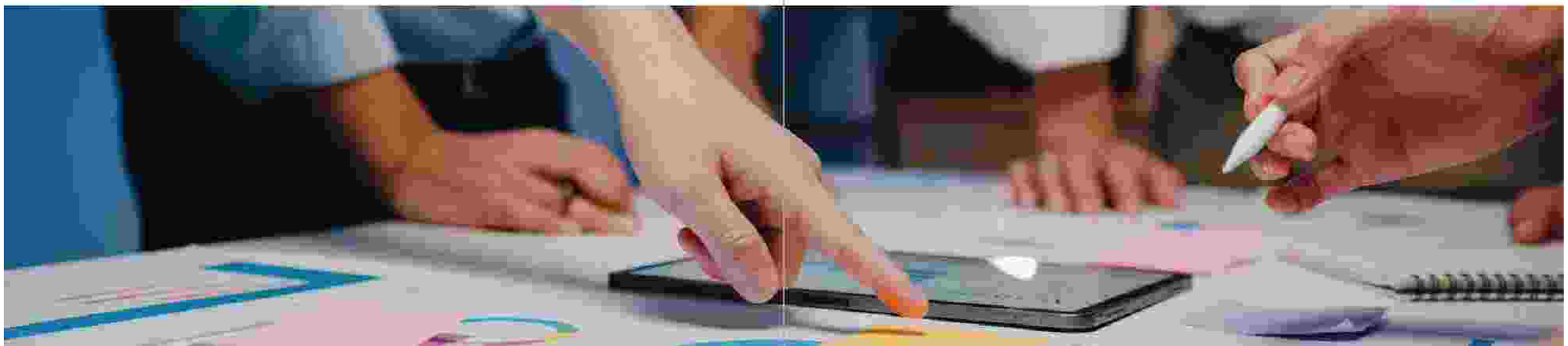

5.4 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN

DIỄN BIẾN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM 2021

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2021, đại dịch Covid – 19 vẫn diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh sản xuất trong nước. Điển hình trong quý III, dịch bệnh đã khiến nhiều tỉnh thành cả nước phải đóng cửa các hoạt động kinh tế để kiểm soát dịch bệnh, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh – đầu tàu kinh tế của cả nước và đây cũng là nguyên nhân chính dẫn tới tăng trưởng âm trong quý này. Song với nỗ lực kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ, kinh tế đã phục hồi trong quý IV, góp phần đưa GDP trong nước năm 2021 ước tăng 2,58% so với năm trước. Ngoài ra, năm 2021, với nỗ lực kiểm soát chặt chẽ về giá cả của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đã ghi nhận lạm phát Việt Nam bình quân 12 tháng chỉ tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng mạnh do nhu cầu hàng hóa tăng trở lại khi kinh tế thế giới mở cửa, đặc biệt các nhóm hàng ngành năng lượng. Đây là điểm sáng trong bối cảnh vĩ mô Việt Nam, tạo dư địa để Ngân hàng Nhà nước (NHNN) bình ổn lãi suất điều hành, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Năm 2021, với nền tảng vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, NHNN tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng thông qua duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp, không đổi so với năm 2020, đồng thời bơm tiền chủ yếu thông qua hoạt động mua USD trên thị trường ngoại hối. Nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường mở hầu như không có số dư, cho thấy thanh khoản hệ thống ngân hàng được đảm bảo trong suốt cả năm 2021. Tính đến hết 24/12/2021, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,97%, cho thấy nhu cầu vốn của nền kinh tế dần phục hồi. Bên cạnh đó, lãi suất huy động và lãi suất cho vay ghi nhận giảm tại hầu hết các tổ chức tín dụng, góp phần tiết giảm chi phí vốn cho toàn nền kinh tế, kích thích nhu cầu đầu tư, sản xuất và kinh doanh. Mặt bằng lãi suất trên thị trường Liên Ngân hàng có xu hướng tăng dần vào cuối năm, do tín dụng tăng trưởng mạnh, trong khi huy động vốn toàn nền kinh tế năm 2021 chỉ tăng 8,44%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của tín dụng. Song nhìn chung, lãi suất trên thị trường tiền tệ vẫn ở mức tương đối thấp so với các năm về trước, thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định, thị trường tiền tệ hoạt động thông suốt trong cả năm 2021.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trên thị trường sơ cấp, tổng khối lượng phát hành Trái phiếu Chính phủ thành công năm 2021 đạt 318.213 tỷ đồng, tương đương 98,15% so với kế hoạch sau điều chỉnh (324.000 tỷ đồng), xấp xỉ năm 2020. Lãi suất phát hành bình quân trong năm 2021 là 2,30%, giảm 0,53% so với mức bình quân năm 2020 (2,83%). Kỳ hạn phát hành bình quân cả năm 2021 đạt 13,92 năm, tương đương năm 2020 (13,91 năm), trong đó trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm vẫn được thị trường ưa chuộng và có khối lượng phát hành thành công cao nhất. Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 1.877.381 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước. Giá trị giao dịch bình quân một phiên đạt 7.479 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2020. Lợi suất phát hành bình quân trong năm đạt 2,83%/năm và lợi suất giao dịch tiếp tục giảm so với năm 2020.

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục xu hướng giảm trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp cho thấy nhu cầu Trái phiếu Chính phủ vẫn sôi động. Ngân hàng Nhà nước duy trì mặt bằng lãi suất điều hành và bơm tiền giữ mặt bằng lãi suất Liên Ngân hàng ở mức thấp góp phần thúc đẩy nhu cầu giao dịch Trái phiếu Chính phủ. Ngoài ra, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì mặt bằng lợi suất Trái phiếu Chính phủ ổn định. Lượng phát hành và tỷ lệ phát hành Trái phiếu Chính phủ thành công ở mức cao trong năm 2021 giúp cho Kho bạc huy động lượng vốn lớn trên thị trường, tạo dư địa cho Chính phủ mở rộng tài khóa, tăng cường đầu tư công, duy trì các gói miễn, giảm, gia hạn nộp thuế, kích thích tăng trưởng trong bối cảnh dịch bệnh vẫn ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động kinh tế cả nước.

CƠ CẤU KỲ HẠN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHÁT HÀNH NĂM 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

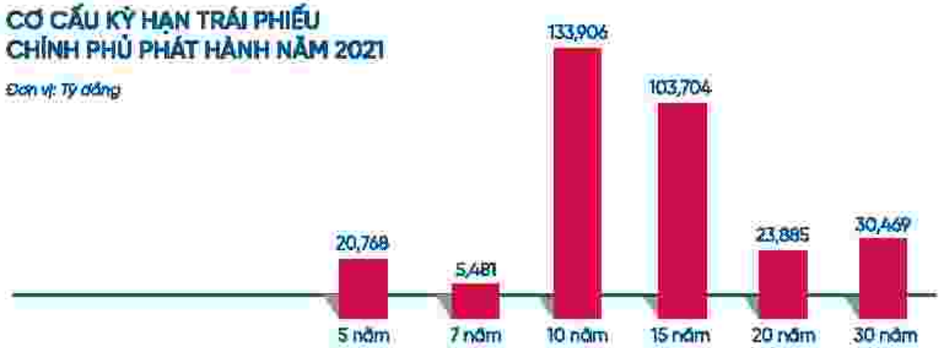

Nguồn: HNX

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN TRONG NĂM 2021

Năm 2021 đánh dấu một năm hoạt động đầy mới mẻ và tích cực với mảng Kinh doanh vốn của Công ty. Bộ phận Kinh doanh vốn hoạt động với 3 nghiệp vụ chính: (i) cân đối thanh khoản cho toàn Công ty; (ii) đầu tư kinh doanh các loại hình Giấy tờ có giá (GTCG) và (iii) Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp.

▸ **Về hoạt động cân đối thanh khoản cho toàn Công ty:** Năm 2021, Công ty có nhiều dấu ấn trong mở rộng hạn mức tín dụng với sự bứt phát mạnh mẽ của mảng vay vốn nước ngoài, với hạn mức được cấp bởi các ngân hàng nước ngoài khoảng 100 triệu USD. Với lợi thế nguồn vốn ngoại giá rẻ đã giúp tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời thanh khoản của Công ty tiếp tục được cải thiện, duy trì ổn định và là tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty liên tục nhận được các khoản vay vốn từ các định chế tài chính trong nước với lãi suất cạnh tranh trên thị trường. Năm 2021, Công ty đã xây dựng được quan hệ tín dụng với trên 24 ngân hàng trong và ngoài nước, với dư nợ cuối năm 2021 đạt hơn 4.100 tỷ đồng, tăng 89,2% so với số dư nợ đầu năm. Hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm tăng hơn 60% so với năm 2020 và lãi suất vay vốn bình quân năm 2021 cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Vị thế của Công ty trên thị trường liên tục được cải thiện.

▸ **Về hoạt động đầu tư kinh doanh GTCG:** Song hành với mảng phát triển hạn mức tín dụng, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư vào lớp tài sản thu nhập cố định nhằm tối ưu hóa nguồn vốn ngoại giá rẻ, đa dạng hóa danh mục tài sản và góp phần gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và các hợp đồng tiền gửi để hưởng chênh lệch lãi suất, giúp Công ty thu lãi coupon và lãi suất gửi tiền tổng cộng hơn 89,48 tỷ đồng trong năm 2021.

▸ **Về hoạt động phân phối Trái phiếu doanh nghiệp:** Năm 2021 tiếp tục là một năm phát triển trong mảng phân phối Trái phiếu doanh nghiệp. Công ty tiếp tục đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong việc thực hiện các giao dịch mua/bán Trái phiếu tăng vốn Cấp 2. Bên cạnh đó, hoạt động phân phối bán lẻ Trái phiếu doanh nghiệp khác không chỉ đóng góp vào lợi nhuận chung mà còn giúp Công ty đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cung ứng cho khách hàng. Năm 2021, nhu cầu đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp trên thị trường ghi nhận sự tăng trưởng mạnh khi lãi suất tiền gửi huy động giảm sâu, giảm tính cạnh tranh so với lãi suất Trái phiếu doanh nghiệp. Công ty đã nắm bắt được nhu cầu này và mở rộng hoạt động phân phối Trái phiếu doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các Nhà đầu tư. Năm 2021 là một năm khởi sắc của Công ty trong hoạt động Kinh doanh vốn. Hạn mức tín dụng tăng trưởng cả về chất và lượng, đặc biệt là hạn mức từ các Định chế tài chính nước ngoài, ngày càng củng cố vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường. Tiền đề này sẽ là động lực để Công ty sẽ tiếp tục bứt phát hơn nữa trong những tương lai.

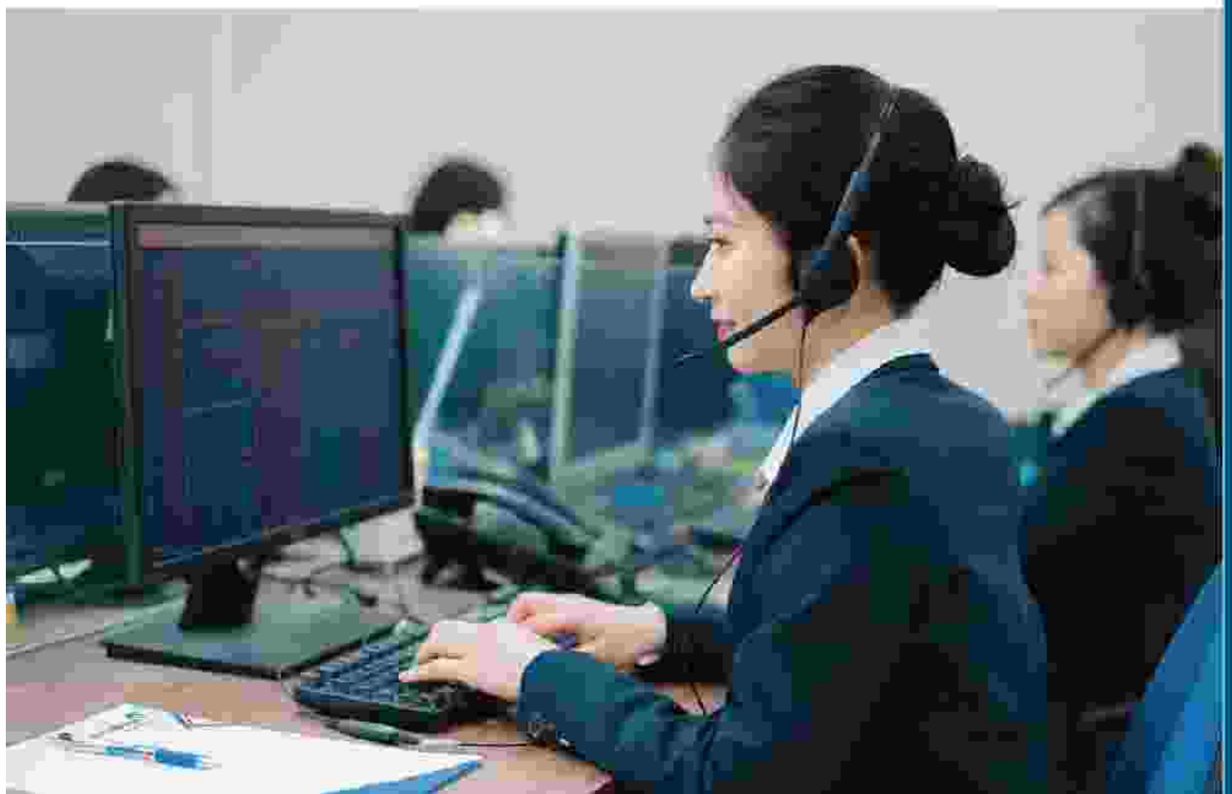

KẾ HOẠCH NĂM 2022

Năm 2021 khép lại với những thông báo của Fed về tăng lãi suất và giảm dần chương trình nới lỏng định lượng thông qua mua Trái phiếu, báo hiệu chu kỳ thắt chặt tiền tệ mới trên toàn cầu. Nhiều Ngân hàng trung ương trên thế giới đã và đang chuẩn bị tăng lãi suất. Đây cũng chính là áp lực cho Chính sách tiền tệ Việt Nam năm 2022 trong việc ổn định lãi suất điều hành để hỗ trợ tăng trưởng. Bên cạnh đó, lạm phát dự kiến tăng cao hơn so với năm 2021 cũng là những áp lực cho mặt bằng lãi suất và cho cả thị trường chứng khoán. Nhu cầu vốn năm 2022 có thể tăng mạnh với kỳ vọng hoạt động sản xuất kinh doanh được khôi phục trong kịch bản nền tảng kinh tế mở cửa liên tục, thích ứng với dịch Covid – 19. Vì vậy, năm 2022 có thể chứng kiến mặt bằng lãi suất tăng ở mức cao hơn. Do đó, VietinBank Securities đánh giá đây là một năm có rất nhiều thách thức về cung lớn trong việc cân đối lãi suất, quản trị thanh khoản trong kịch bản lãi suất tăng.

Với những nhận định trên, VietinBank Securities sẽ chú trọng khai thác và mở rộng hạn mức tín dụng, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng nhu cầu mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu và ổn định chi phí vốn cho Công ty, đồng thời, tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, kinh doanh lớp tài sản thu nhập cố định, hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để tạo lập hệ sinh thái VietinBank, nhằm cung cấp các gói sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho mọi đối tượng khách hàng, nâng tầm vị thế của Công ty trên thị trường.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp với kiến thức chuyên môn nghiệp vụ tốt, sâu rộng trong hoạt động Kinh doanh vốn sẽ luôn nền tảng được Công ty chú trọng và không ngừng củng cố, hoàn thiện, nhằm mang tới hình ảnh VietinBank Securities chuyên nghiệp, năng động.

Với một đội ngũ có trình độ cao, kết hợp giữa sức trẻ và kinh nghiệm, cùng với hệ thống công nghệ tiên tiến, Công ty sẽ tiếp tục nâng tầm hình ảnh Vietinbank Securities thân thiện, chuyên nghiệp và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của đối tác, nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

6. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

Kinh tế – xã hội năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi khi các nước đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc – xin phòng chống dịch Covid-19 nhưng sự xuất hiện các biến chủng mới làm cho quá trình phục hồi kinh tế có dấu hiệu chậm lại. Đại dịch gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu, làm tăng giá nguyên liệu sản xuất tạo ra thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Trong nước, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các tỉnh kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ,... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn, an sinh của người dân và phát triển kinh tế – xã hội.

GDP

GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Đơn vị: %

TỐC ĐỘ TĂNG CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÁC NĂM 2017-2021 (%)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, thể hiện rõ vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn và đảm bảo về nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu.
Năng suất lúa ước đạt 60,6 tạ/ha, tăng 1,8 tạ/ha; sản lượng lúa đạt 43,88 triệu tấn, tăng 1,1 triệu tấn.

Chăn nuôi cả nước nhìn chung ổn định. Ước tính tháng 12/2021, tổng số trâu cả nước giảm 3% so với cùng thời điểm năm trước; tổng số bò tăng 1,3%; tổng số lợn tăng 3%; tổng số gia cầm tăng 2%.

8.726,6 nghìn tấn

Hoạt động thủy sản phục hồi mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu chế biến phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 ước đạt 8.726,6 nghìn tấn, tăng 1% so với năm 2020.

277,8 nghìn ha

Hoạt động trồng rừng và khai thác gỗ phát triển tốt. Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước ước tính đạt 277,8 nghìn ha, tăng 2,8 % so với năm trước.

Sản xuất công nghiệp trong 2 tháng cuối năm 2021 khởi sắc ngay khi các địa phương trên cả nước thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ.

8,7%

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12/2021 ước tính tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, quý IV tăng 6,4%, đưa tốc độ tăng cả năm 2021 đạt 4,8% so với năm 2020 (năm 2020 tăng 3,3%); trong đó, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6% (năm 2020 tăng 4,8%).

Mặc dù tốc độ tăng chỉ số IIP năm 2021 thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của các năm 2017-2019 nhưng cho thấy ngành công nghiệp đã có sự phục hồi đáng kể trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp (năm 2017 tăng 11,3%; năm 2018 tăng 10,1%; năm 2019 tăng 9,1%).

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU

Vượt qua chặng đường đầy khó khăn bởi dịch Covid-19, năm 2021 tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả năm về đích với con số kỷ lục 668,54 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020.

Trong tháng 12/2021, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 66,2 tỷ USD, tăng 6% so với tháng trước và tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 12 đạt 34,6 tỷ USD, tăng 8,5% so với tháng trước và tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu đạt 31,6 tỷ USD, tăng 3,3% so với tháng trước, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,54 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 19%; nhập khẩu tăng 26,5%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2021 đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 91,09 tỷ USD, tăng 14,2%, chiếm 27,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 245,22 tỷ USD, tăng 20,9%, chiếm 72,9%. Trong năm 2021 có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2021 đạt 332,23 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 114,03 tỷ USD, tăng 21,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 218,21 tỷ USD, tăng 29,1%. Trong năm 2021 có 47 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 96,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 109,9 tỷ USD. Năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 23 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 53,9 tỷ USD, tăng 52,7%; nhập siêu từ Hàn Quốc 34,2 tỷ USD, tăng 22,9%; nhập siêu từ ASEAN 12 tỷ USD, tăng 63,1%; nhập siêu từ Nhật Bản 2,5 tỷ USD, tăng 140%.

Tháng 12 và năm 2021

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA NĂM 2021

19% ↑
336,25 tỷ USD
XUẤT KHẨU HÀNG HÓA

↑ 26,5%
332,25 tỷ USD
NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

TỔNG KIM NGẠCH **668,5 TỶ** USD

XUẤT SIÊU 4 TỶ USD

XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ NĂM 2021

51,7% ↓
3,67 tỷ USD
XUẤT KHẨU DỊCH VỤ

↑ 8,5%
19,41 tỷ USD
NHẬP KHẨU DỊCH VỤ

TỶ TRỌNG TỔNG KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ NĂM 2021 Ở CÁC THỊ TRƯỜNG CHỦ YẾU (%)

Trung Quốc	24,8%
Hoa Kỳ	16,6%
Hàn Quốc	11,7%
ASEAN	10,5%
EU	8,5%
Nhật Bản	6,4%
Các nước khác	21,5%

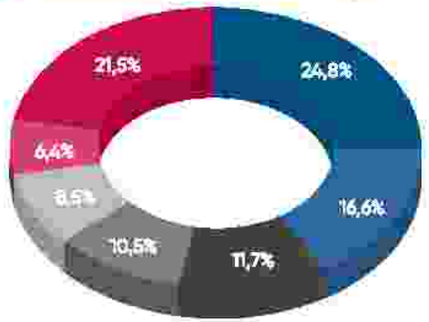

MẶT HÀNG XUẤT KHẨU năm 2021 (tỷ USD)

Điện thoại và linh kiện	57,5
Điện tử, máy tính và linh kiện	51,0
Máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng	38,3

MẶT HÀNG NHẬP KHẨU năm 2021 (tỷ USD)

Điện tử, máy tính và linh kiện	75,9
Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng	46,2
Điện thoại và linh kiện	21,6

Nguồn: Tổng cục thống kê

THU HÚT VỐN FDI

TỶ USD

31,15

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt nam

9,2%

So với năm 2020

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam: Tính đến ngày 20/12/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020.

- Vốn đăng ký cấp mới: Có 1.738 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 15,25 tỷ USD, giảm 31,1% về số dự án và tăng 4,1% về số vốn đăng ký so với năm trước.
- Vốn đăng ký điều chỉnh: Có 985 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 9,01 tỷ USD, tăng 40,5% so với năm trước.
- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài: Có 3.797 lượt với tổng giá trị góp vốn 6,89 tỷ USD, giảm 7,7% so năm trước. Trong đó, có 1.535 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 5,03 tỷ USD và 2.262 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,86 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2021, ước đạt 19,74 tỷ USD, giảm 1,2% so với năm trước.

Năm 2021

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM NĂM 2021

19,74 tỷ USD
1,2%

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện

31,15 tỷ USD
9,2%

Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

2523
Dự án cấp mới
31,1%

Vốn đăng ký cấp mới **15,25** tỷ **USD**
4,1%

1140
Lượt dự án, điều chỉnh vốn
13,6%

Vốn điều chỉnh **9,01** tỷ **USD**
40,5%

6141
Lượt góp vốn, mua cổ phần
38,2%

Tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần **6,89** tỷ **USD**
7,7%

Nguồn: Tổng cục thống kê

CPI

Kiểm soát lạm phát thấp là một thành công trong năm 2021.

Giá xăng dầu, giá gas trong tháng 12/2021 giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước; học phí học kỳ I năm học 2021-2022 tiếp tục được miễn, giảm tại một số địa phương là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,16% so với tháng trước và tăng 1,81% so với tháng 12/2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.

TỐC ĐỘ TĂNG CPI CỦA CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2021

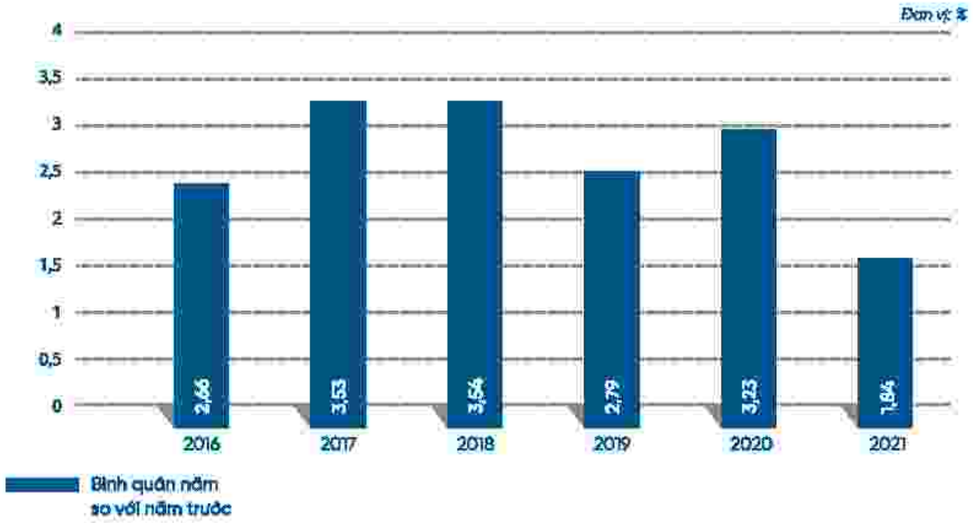

Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công.

CPI bình quân năm 2021 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước (làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm), giá gas tăng 25,89% (làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm);
- Giá gạo tăng 5,79% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội;
- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào (làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm);
- Giá dịch vụ giáo dục tăng 1,87% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

TỶ GIÁ

Trong năm 2021, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đồng USD do NHNN công bố tăng 0.1%, trong khi tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm khoảng 1.6% so với đầu năm.

GIÁ MUA VÀO USD TỰ DO TỪ ĐẦU NĂM 2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2021

Nguồn: tygiadola.net

Yếu tố tác động lên tỷ giá trong năm nay chủ yếu đến từ thị trường quốc tế, trong đó hai yếu tố chính là tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn giữ chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích nền kinh tế bị ảnh hưởng từ đại dịch khiến đồng USD chỉ tăng nhẹ 0.1% so với đầu năm.

Diễn biến tỷ giá trung tâm trong năm 2021 biến động khá mạnh (tạo 4 sóng lớn) so với năm 2020.

Tại mỗi đỉnh sóng tương ứng với sự kiện giá USD trên thị trường thế giới tăng mạnh khi công tác tiêm chủng vắc-xin Covid-19 và gói kích thích kinh tế khổng lồ của Mỹ hỗ trợ kỳ vọng về sự phục hồi mạnh mẽ của nước này sau đại dịch. Tuy nhiên, với việc duy trì lãi suất ở mức thấp để kích thích nền kinh tế Mỹ còn gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch, giá USD trên thị trường thế giới nhanh chóng suy yếu sau mỗi lần chạm đỉnh.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021 VÀ DỰ BÁO NĂM 2022

VN INDEX

TOP 10

Thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới

36%

So với cuối năm 2020

NGHÌN TỶ ĐỒNG

9,31

Mức vốn hóa thị trường

TỶ USD

2,3

Phiên giao dịch kỷ lục

TTCK trong năm 2021 nhìn chung vẫn tiếp tục duy trì đà hồi phục và tăng điểm khả quan của năm 2020. Chỉ số VN INDEX mở đầu năm 2021 với mức 1.100 điểm và kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2021 đạt gần ngưỡng 1.500 điểm; tương đương mức tăng gần 11,6% trong Quý IV. Dòng tiền tham gia vào TTCK được duy trì tốt và phần lớn đến từ các nhà đầu tư mới mở tài khoản là một trong những nguyên nhân chính giúp chỉ số liên tục hồi phục và tăng điểm mạnh đồng thời liên tiếp đạt được các mức điểm mới cao hơn và thúc đẩy TTCK Việt Nam tăng trưởng. Tính chung cả năm 2021, VN-Index đã tăng gần 36% so với thời điểm cuối năm 2020 và lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới.

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 31/12/2021, mức vốn hóa thị trường đạt 9,31 nghìn tỷ đồng; tăng 39,4% so với cuối năm 2020, tương đương 149,8% GDP. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 12 đạt 1.727 triệu tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020 với 749 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 89 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Bên cạnh đó, thanh khoản trên thị trường chứng khoán năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 25.960 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản tăng 250% so với năm 2020, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á. Trong năm 2021, số lượng nhà đầu tư tham gia TTCK tăng mạnh đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Tính đến hết tháng 11 của năm 2021, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên tới con số 4,08 triệu tài khoản, tăng 47,3% so với cuối năm 2020. Cùng với đó, các mảng thị trường khác như trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm và TTCK phái sinh cũng có nhiều diễn biến tích cực theo hướng tăng trưởng trong năm 2021.

Thị trường chứng khoán phái sinh đón nhận thêm sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Nếu trong năm 2020 chỉ có 18 hợp đồng của sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm thì sang năm 2021, sự có mặt của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm đánh dấu sự quan tâm của nhà đầu tư đối với sản phẩm mới khi có 1.172 hợp đồng của hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm được giao dịch trong 3 tháng đầu sau khi niêm yết, OI có thời điểm lên tới 149 hợp đồng. Thị trường trái phiếu niêm yết duy trì ổn định, quy mô niêm yết đạt hơn 1,51 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2020, trong đó quy mô niêm yết của thị trường trái phiếu Chính phủ đạt 1,48 triệu tỷ đồng; chiếm 98,3% quy mô toàn thị trường. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 11,25 nghìn tỷ đồng; tăng 9,7% so với năm 2020 với giao dịch repo chiếm 34% tổng giá trị toàn thị trường.

Về tình hình hoạt động kinh doanh của các CTCK: Trong Quý IV/2021, với dư địa hồi phục và tăng điểm tiếp tục được duy trì của TTCK Việt Nam, kết quả kinh doanh của các CTCK cũng trở nên khả quan hơn với nhiều mã cổ phiếu chứng khoán ghi nhận diễn biến tăng giá tích cực. Bên cạnh đó, danh mục tự doanh của nhiều công ty cũng duy trì được đà phục hồi/tăng trưởng tốt với kết quả của năm 2021 vô cùng tích cực giúp khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh trong năm 2021 của khối CTCK khả quan.

Trong nhóm CTCK, dẫn đầu về thị phần môi giới chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm) trên 2 sàn HOSE và HNX, 5 công ty báo lãi trước thuế vượt mức nghìn tỷ đồng trong năm 2021, bao gồm: CTCK SSI (mã chứng khoán SSI) với 2.672 tỷ đồng; CTCK VNDIRECT (mã chứng khoán VND) với 2.178 tỷ đồng; CTCK Bản Việt (mã chứng khoán VCI) với 1.499 tỷ đồng; CTCK TP.HCM (mã chứng khoán HCM) với 1.147 tỷ đồng; CTCK Sài Gòn – Hà Nội (mã chứng khoán SHS) với 1.028 tỷ đồng. Những kết quả này đa phần đều tăng trưởng từ vài chục tới hơn trăm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020 như VCI (146%), HCM (135%) SHS (103%).. Sự tăng trưởng diễn ra ở cả 3 hoạt động chủ lực là môi giới, cho vay giao dịch ký quỹ (margin) và tự doanh. Trong đó, mảng tự doanh tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản cũng như cơ cấu doanh thu, cho dù xét về tỷ lệ tăng trưởng, môi giới và cho vay margin có phần nổi trội hơn.

Trong năm "vàng" của thị trường chứng khoán, không chỉ các CTCK lớn bứt phá, nhiều công ty nhỏ cũng tận dụng cơ hội thị trường để hồi sinh sau một giai đoạn dài gian khó, trong đó không ít công ty ghi nhận lợi nhuận bằng cả 10 năm trước cộng lại. Nhiều CTCK khác cũng ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ sau nhiều năm ảo vật như CTCK Dầu KH (mã chứng khoán PSI) lãi sau thuế tăng 4,07 lần so với năm 2020; CTCK Everest (mã chứng khoán EVS) lãi năm 2021 tăng 6,38 lần; CTCK Hòa Bình (mã chứng khoán HBS) có lãi tăng 93%. Bên cạnh sự tích cực của thị trường chung giúp các mảng kinh doanh chính tăng trưởng, còn 2 yếu tố quan trọng khác giúp khối CTCK cải thiện thị phần môi giới trong năm 2021. Một là sự cố nghẽn lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) diễn ra từ cuối năm 2020. Trong giai đoạn này, do cơ chế phân bổ lệnh của HOSE cho các CTCK, khi lệnh tại các CTCK lớn đã nghẽn do dùng hết lưu lượng được phân bổ, nhà đầu tư tại nhiều CTCK nhỏ, chưa dùng hết dung lượng được cấp, vẫn có thể vào lệnh. Điều này tạo nên một làn sóng nhà đầu tư chủ động tìm đến mở tài khoản và phân bổ giao dịch sang các CTCK vốn ít tên tuổi. Hai là, khi dòng tiền đổ mạnh vào thị trường, nhu cầu sử dụng margin tăng nhanh, khiến các CTCK lớn lần lượt "cạn room" cho vay. Lúc này, một lần nữa nhà đầu tư tìm đến các CTCK nhỏ còn dư địa margin để sử dụng đòn bẩy tài chính. Hai "lợi thế" trên đã thúc đẩy mảng môi giới và cho vay ký quỹ của nhiều CTCK vốn chiếm thị phần nhỏ, ít được nhà đầu tư chú ý tăng mạnh, từ đó cải thiện kết quả kinh doanh cũng như thị phần. Theo đó, hàng loạt CTCK nhỏ cũng thực hiện/lên kế hoạch tăng vốn để phục vụ nhu cầu mở rộng đầu tư của khách hàng. Tuy nhiên, tương tự các CTCK lớn, không phải môi giới hay cho vay margin, mà tự doanh mới là mảng đóng góp lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận, tạo nên động lực tăng trưởng cho phần lớn CTCK vừa và nhỏ.

CƠ HỘI ĐẦU TƯ NĂM 2022

Năm 2022, kinh tế vĩ mô và sức khỏe doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi dựa trên đà hồi phục nối tiếp từ Quý III và Quý IV của năm 2021, nên TTCK Việt Nam năm 2022 vẫn được dự báo rất tích cực. Theo đó, các trụ cột được coi là động lực cho tăng trưởng kinh tế năm 2022 là kỳ vọng sức cầu nội địa phục hồi và sẽ hoạt động hết công suất sau khi Việt Nam đạt mục tiêu tiêm chủng đầy đủ cho hơn 70% dân số. Xuất khẩu của Việt Nam sẽ duy trì đà tăng tích cực nhờ nhu cầu toàn cầu phục hồi. Dòng vốn trực tiếp nước ngoài (FDI) sẽ phục hồi vào năm 2022, trong khi Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ. Đặc biệt, các dự báo kỳ vọng động lực đến từ chính sách hỗ trợ từ Chính phủ trong năm 2022 sẽ mạnh hơn, hiệu quả hơn năm 2021. Cụ thể, quy mô các gói hỗ trợ tại khóa Covid-19 của Việt Nam mà Chính phủ đề xuất mới chỉ chiếm khoảng 2,85% GDP, thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế châu Á, trong khi tỷ lệ nợ công/GDP của Việt Nam mới khoảng 45% GDP.

Đáng chú ý hơn, cổ phiếu ngân hàng được kỳ vọng sẽ là lực đẩy chính giúp VN INDEX lập đỉnh mới. Trong đó, ngân hàng sẽ là một trong những ngành dẫn dắt, hỗ trợ VN INDEX vượt đỉnh 1.500 điểm để tiến tới 1.700 điểm trong năm 2022 vì dự báo tăng trưởng tín dụng sẽ tăng mạnh khi kinh tế phục hồi. Cùng với đó, đây là nhóm có vốn hóa lớn nhất thị trường, nên chỉ số chung tiến lên các mức cao mới không thể thiếu sự góp sức của cổ phiếu "vua". Bên cạnh đó, xu hướng đầu tư năm nay sẽ tiếp nối ở các nhóm đã tăng trưởng tốt nhưng còn tiềm năng như đầu tư công, xây dựng, phân đạm, năng lượng sạch... Thêm một xu hướng đầu tư đối với các ngành hồi phục từ đáy đại dịch như xuất khẩu (ngành dệt may, thủy sản...) và các nhóm hỗ trợ hạ tầng như cảng biển, bất động sản khu công nghiệp.

Dưới góc nhìn định giá, TTCK Việt Nam đang được giao dịch ở mức P/E là 17 lần, cao hơn bình quân 10 năm kể từ 2011 là 15 lần và do đó, xu hướng được dự báo cho năm 2022 là mức định giá P/E sẽ điều chỉnh giảm về tương đương với mức trung bình. Cụ thể hơn, chỉ số VN-Index được dự báo sẽ điều chỉnh về mức P/E khoảng 15,73 lần cho năm 2022 với dự phóng lợi suất TPCP 10 năm đạt 3,02% (+1,00% so với cuối năm 2021). Theo đó, với mức tăng trưởng lợi nhuận bình quân sau thuế là 26% thì chỉ số VN-Index được kỳ vọng sẽ đóng cửa tại 1.689 điểm vào cuối năm 2022; tương đương với mức tăng 11,9% so với mức điểm mở cửa 1.509 điểm tại ngày 04/01/2022.

3

TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

A. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp hiện đang là thế mạnh lớn của VietinBank Securities, nhận được đánh giá cao trên TTCK Việt Nam. Với hơn 20 năm kinh nghiệm và lịch sử hoạt động hiệu quả, VietinBank Securities không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ và nỗ lực cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp sản phẩm tư vấn đa dạng và toàn diện với giá trị gia tăng cao, bao gồm:

1 TƯ VẤN MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

VietinBank Securities thực hiện vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. Kết hợp với Khối ngân hàng đầu tư (IB) của VietinBank, VietinBank Securities tin tưởng sẽ mang đến dịch vụ Tư vấn M&A chuyên nghiệp với chất lượng cao.

2 TƯ VẤN PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN & ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

VietinBank Securities sẽ hỗ trợ các Doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính; bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án; mở rộng hoạt động, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ....

Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, rộng khắp, VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện thành công phương án huy động vốn khả thi và có lợi nhất. VietinBank Securities sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp, VietinBank Securities sẽ cung cấp dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu).

3 TƯ VẤN NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp có nhu cầu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCOM theo một lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường.

4 TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA/ CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

Với một đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, VietinBank Securities tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các giải pháp chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

VietinBank Securities tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chiến lược cổ phần hóa, xây dựng phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông... Ngoài ra, VietinBank Securities còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp trước và sau cổ phần hóa, tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng cho doanh nghiệp.

5 TƯ VẤN CHUYỂN NHƯỢNG CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

VietinBank Securities cung cấp dịch vụ Tư vấn Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và Bán đấu giá cổ phần. Bằng sự am hiểu về thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện thành công rất nhiều thương vụ Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho nhiều Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian qua như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam...

6 TƯ VẤN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

IR là hoạt động chuyên biệt trong hoạt động quan hệ công chúng (PR) của doanh nghiệp bao gồm hai nghiệp vụ Tài chính và Truyền thông có vai trò xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh doanh nghiệp.

Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do nhà đầu tư quyết định mà thông tin chính là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn giữ chân cổ đông hiện hữu và thu hút thêm ngày càng nhiều cổ đông mới không thể không quan tâm đến IR.

VietinBank Securities cung cấp Dịch vụ Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR) trọn gói cho Quý doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn soạn thảo kế hoạch IR hàng năm.
- Phân tích và đánh giá dòng thông tin, tình hình tài chính, tình hình hoạt động chung của DN từ đó đưa ra giải pháp, thông điệp cần truyền tải.
- Chuẩn bị bộ tài liệu cho báo chí, cho cổ đông trong các cuộc họp báo, hội thảo, đại hội đồng cổ đông.
- Biên tập các bài phát biểu của Lãnh đạo doanh nghiệp tại các sự kiện đối ngoại và hoạt động IR khác.
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, hội thảo, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức.
- Tư vấn lên kế hoạch ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng.
- Tư vấn Đánh giá và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu.
- Tư vấn xây dựng màng IR online.
- Tư vấn xây dựng Báo cáo thường niên.
- Các hoạt động có liên quan khác.

7 TƯ VẤN ĐẦU TƯ & CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Trung tâm Nghiên cứu phân tích đã xây dựng được vị thế là một đơn vị cung cấp thông tin nhanh, kịp thời chính xác cho các nhà đầu tư. Với định hướng xây dựng phong cách đầu tư giá trị bằng những tư vấn chuyên sâu thông qua hoạt động phân tích cơ bản, phân tích ngành, VietinBank Securities đang trở thành địa chỉ đáng tin cậy của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Phát hành Báo cáo phân tích cổ phiếu, ngành, thị trường, vĩ mô;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn chiến lược tài chính cho doanh nghiệp;
- Tổ chức hội thảo chuyên ngành chứng khoán.

8 TƯ VẤN KHÁC

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, VietinBank Securities cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án;
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường;
- Tư vấn đăng ký chứng khoán;
- Tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký công ty đại chúng,...

B. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc VietinBank Securities hỗ trợ khách hàng thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại, hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

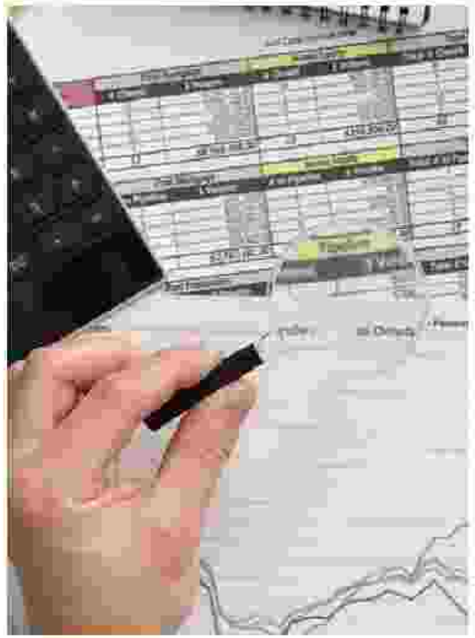

Là một trong những công ty chứng khoán có bề dày kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, VietinBank Securities luôn tự hào là đơn vị sở hữu đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm và được đào tạo bài bản. Các chuyên gia tư vấn của chúng tôi đã tham gia thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước như Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu,...Bên cạnh đó, với năng lực tài chính vững mạnh và mạng lưới khách hàng phủ sóng rộng khắp trong cả nước, VietinBank Securities luôn tin tưởng vào khả năng thực hiện thành công các đợt bảo lãnh phát hành chứng khoán cho khách hàng theo tất cả các phương thức: bảo lãnh theo phương thức cam kết chắc chắn; bảo lãnh theo phương thức cố gắng tối đa; bảo lãnh theo phương thức tất cả hoặc không,..

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Từ giai đoạn 2015 trở lại đây, VietinBank Securities đã đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, đặc biệt là mảng nghiệp vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu. Nhờ kinh nghiệm, năng lực nội tại và sự am hiểu trên thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của các đơn vị, doanh nghiệp, Tập đoàn lớn trong nước như: thực hiện bảo lãnh phát hành thành công 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2015; thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của doanh nghiệp, tập đoàn lớn với tổng giá trị phát hành của các đợt lên tới gần 4.000 tỷ đồng như Trái phiếu Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế C&T, Công ty Cổ phần An Viên, Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang,..

C. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

1. MÔI GIỚI

Với đội ngũ chuyên viên môi giới tận tâm, được đào tạo chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, VietinBank Securities luôn tận tâm hỗ trợ khách hàng mở tài khoản và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Dịch vụ môi giới bao gồm:

- *Môi giới giao dịch cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ;*
- *Môi giới Trái phiếu niêm yết;*
- *Môi giới chứng khoán phái sinh;*
- *Môi giới các sản phẩm tài chính khác.*

Giao dịch thỏa thuận, tìm khách hàng đối ứng trực tiếp: Đây là sản phẩm dành cho những khách hàng cần tư vấn tìm đối tác thực hiện giao dịch mua/bán cổ phần của Công ty. Nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch trái phiếu trên các sàn; các loại chứng khoán giao dịch qua kênh: Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương; Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu (niêm yết, OTC ...).

2. TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với sứ mệnh tạo dựng những giá trị thành công cho khách hàng, VietinBank Securities luôn lắng nghe nhu cầu của khách hàng và tạo dựng những giá trị gia tăng cho khách hàng. VietinBank Securities thường xuyên cập nhập thông tin để nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư; VietinBank Securities tổ chức các chương trình gặp gỡ trực tiếp doanh nghiệp nhằm giúp khách hàng tiếp cận, tìm hiểu thông tin để lựa chọn những cơ hội đầu tư; Với mạng lưới đối tác là các quỹ, định chế tài chính, VietinBank Securities hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán, nhằm giúp các giao dịch của doanh nghiệp diễn ra thành công và nhanh chóng.

3. QUẢN LÝ CHỨNG KHOÁN

Quản lý cổ đông/quản lý trái chủ

VietinBank Securities là đối tác tin cậy cho các công ty cổ phần sử dụng dịch vụ Quản lý cổ đông. Với nền tảng công nghệ hiện đại, cổ đông có thể tra cứu thông tin trực tuyến, chuyển nhượng cổ phần với chi phí thấp nhất. Hiện tại, dịch vụ Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán là nghiệp vụ mà trong đó VietinBank Securities được ủy quyền một phần hoặc toàn bộ từ Tổ chức phát hành (TCPH) để thực hiện các công việc cụ thể sau: Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán; Quản lý thực hiện quyền; Quản lý chuyển nhượng cổ phần; Thực hiện chế độ báo cáo; Lưu ký tập trung khi niêm yết hoặc có yêu cầu.

Lưu ký chứng khoán

VietinBank Securities thực hiện theo các yêu cầu của khách hàng đối với việc lưu ký chứng khoán; rút chứng khoán đã lưu ký; Chuyển khoản chứng khoán; Bán chứng khoán lô lẻ; Phong tỏa chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba...

Thực hiện quyền

Nhà đầu tư luôn được nhận kịp thời, đầy đủ các quyền phát sinh từ chứng khoán lưu ký trên tài khoản tại VietinBank Securities.

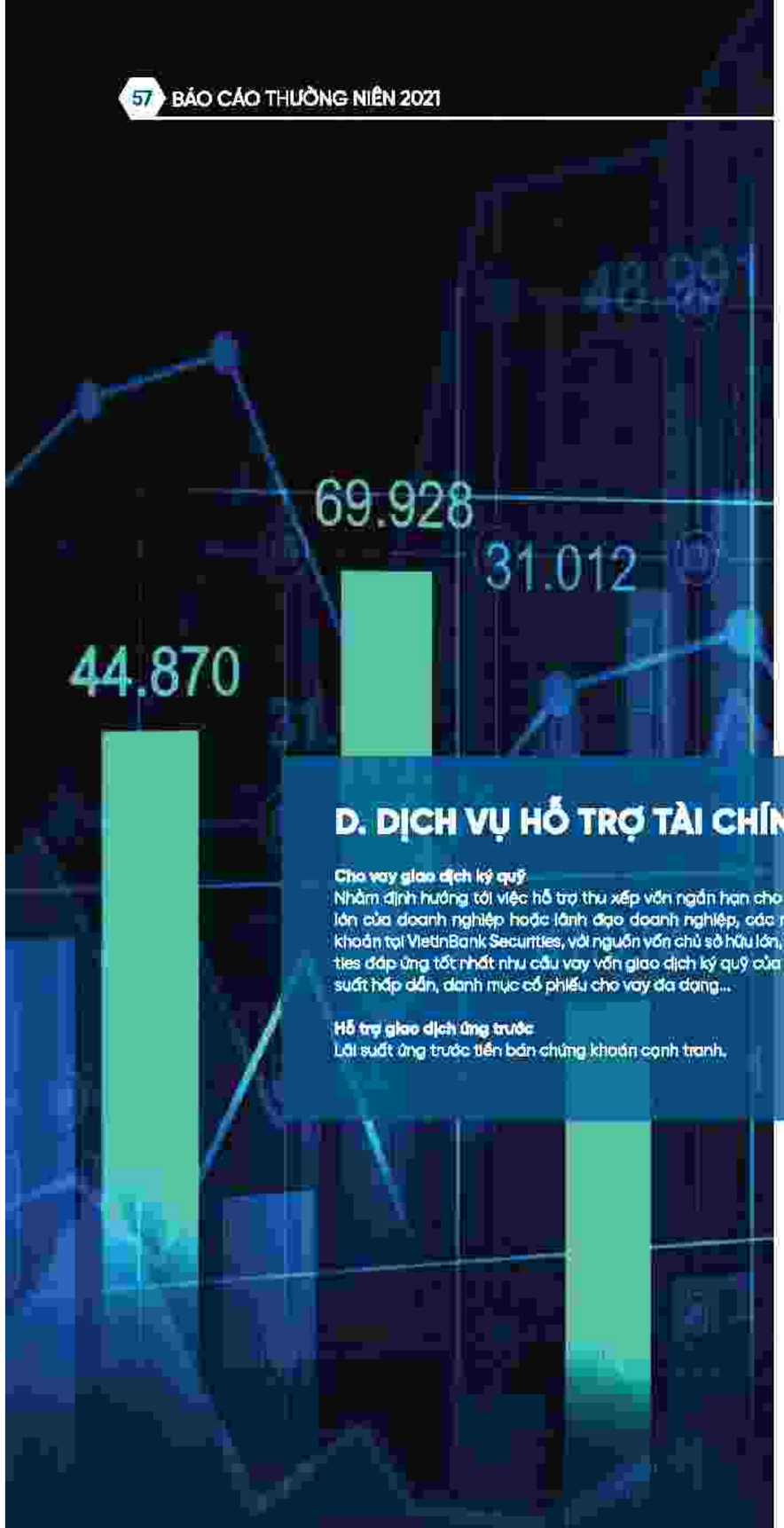

D. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Cho vay giao dịch ký quỹ
Nhằm định hướng tới việc hỗ trợ thu xếp vốn ngắn hạn cho những nhà đầu tư lớn của doanh nghiệp hoặc lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở tài khoản tại VietinBank Securities, với nguồn vốn chủ sở hữu lớn, VietinBank Securities đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng...

Hỗ trợ giao dịch ứng trước
Lãi suất ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh.

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

4

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN CỦA VIETINBANK SECURITIES

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

1.064.365.760.000 ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

106.436.576 CỔ PHIẾU
KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

106.399.614 CỔ PHIẾU
KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH

36.962 CỔ PHIẾU
KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBank Securities tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông 31/12/2021

Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐKDN/MGD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	80.486.470	75,61%
Đại diện bởi:			
- Ông Trần Phúc Vinh	040089000043	32.194.588	30,25%
- Ông Vũ Đức Mạnh	025081000187	24.145.941	22,68%
- Bà Hà Thu Phương	001180016818	24.145.941	22,68%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBank Securities:

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN CỦA VIETINBANK SECURITIES

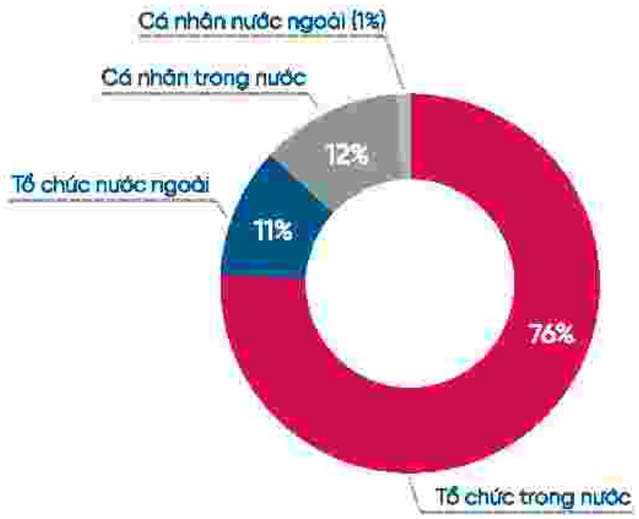

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu như sau:

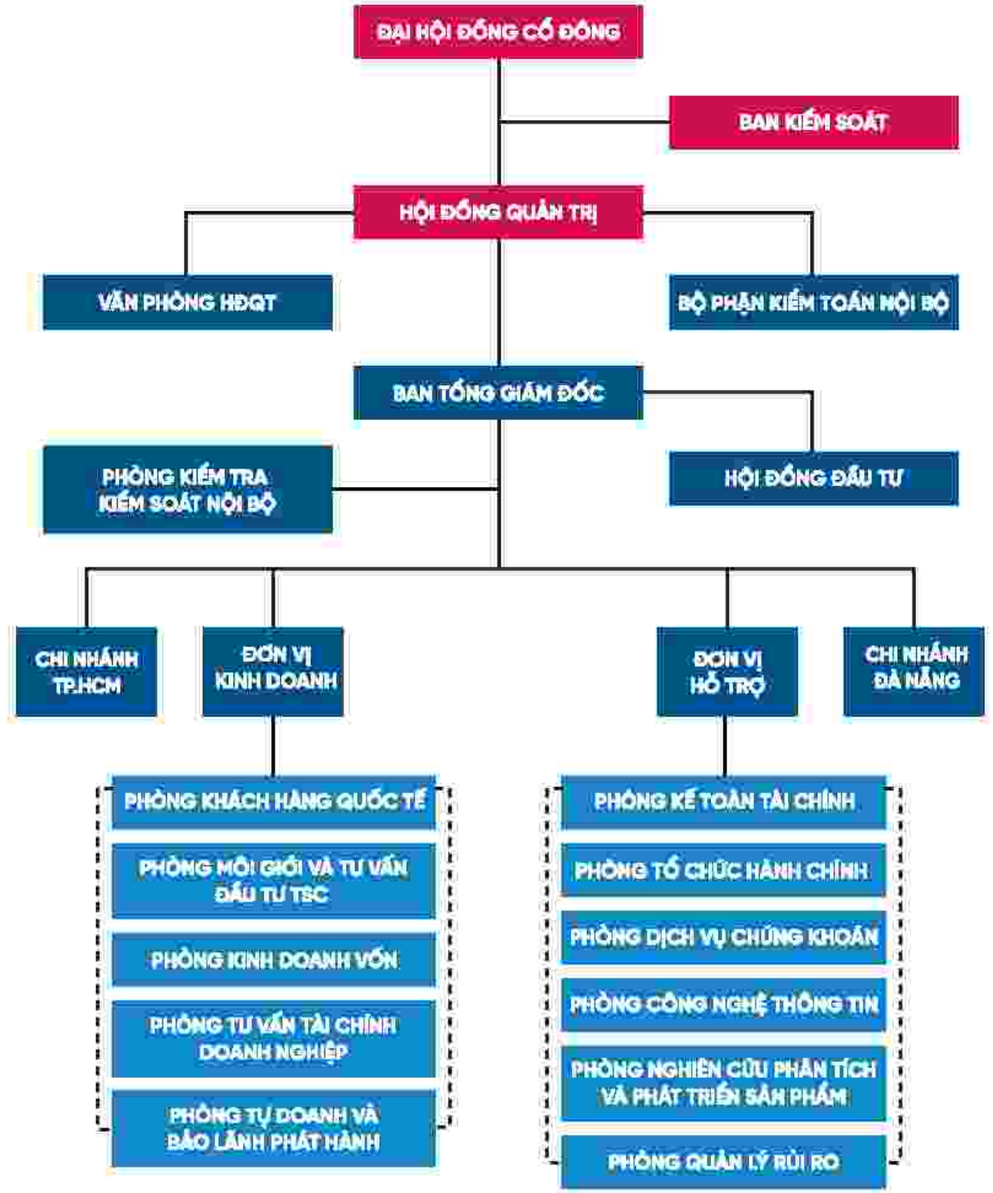

3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN PHÚC VINH

1989

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cử nhân chương trình tiên tiến Tài chính Ngân hàng.

Ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 11/11/2021 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc VietinBank Securities, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội, Phó phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH

1981

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 10/01/2022 đến nay và chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 11/11/2021 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

ÔNG ĐẶNG ANH HÀO

1984

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính.

Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 27/04/2020 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc CN (Bán lẻ) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Cán bộ giúp việc Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

BÀ HỒ THỊ THU HIỀN

1980

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sĩ Ngân hàng Tài chính.

Bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 11/11/2021 đến nay đồng thời đảm nhận vị trí Trưởng phòng Kinh doanh vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản VietinBank Securities, TTr Tổ Nghiên cứu & phát triển – Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

BÀ TRẦN THỊ THÌN

1964

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sĩ Kinh tế.

Bà giữ chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 27/04/2021 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc (phụ trách Kế toán – Ngân quỹ) tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội, Phó Giám đốc Ngân hàng Phục vụ người nghèo trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc ngân hàng phục vụ người nghèo, Giám đốc sở giao dịch ngân hàng chính sách xã hội.

BÀ NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

1974

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Bà giữ chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 27/04/2020 đến hết ngày 26/04/2021.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

Hiện tại, bà đang đảm nhận vị trí Phó phòng Quản lý rủi ro hoạt động – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

BÀ HÀ THU PHƯƠNG

1980

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 27/04/2020 đến hết ngày 09/01/2022.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị VietinBank Securities, Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam,...

Hiện tại, bà đang đảm nhận vị trí Phó phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

4. BAN KIỂM SOÁT

BÀ PHAN THỊ THU HẰNG

1981

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Cử nhân Kế toán doanh nghiệp.

Bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 10/04/2019 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Chuyên viên chính phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Phó phòng Tài chính - Kế toán - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank,...

ÔNG NGUYỄN THẾ HƯNG

1976

KIỂM SOÁT VIÊN

Thạc sĩ Kinh tế.

Ông giữ chức vụ Kiểm soát viên từ ngày tháng 6/2014 đến hết ngày 10/01/2022.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,...

BÀ LÂM THỊ THU HƯỜNG

1984

KIỂM SOÁT VIÊN

Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Bà giữ chức vụ Kiểm soát viên từ ngày tháng 6/2014 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Phòng Môi giới và lưu ký, Tổ trưởng Tổ giám sát giao dịch Phòng Dịch vụ Chứng khoán, nhân viên phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam, Thành viên Ban Kiểm soát kiêm cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ VietinBank Securities, Nhân viên phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ VietinBank Securities,...

5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG VŨ ĐỨC MẠNH

1981

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Xem thông tin chi tiết tại mục Hội đồng quản trị

ÔNG ĐẶNG ANH HÀO

1984

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính.

Xem thông tin chi tiết tại mục Hội đồng quản trị

BÀ PHAN HẢI SÂM

1975

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Tài chính – Tín dụng.

Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 10/2015 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, Phó phòng Chế độ kế toán – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,Chi nhánh Ba Đình, Phó phòng Thanh toán Ngân Quỹ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,...

ÔNG THÁI HOÀNG LONG

1970

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 09/2016 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán IB, Tổng Giám đốc – Công Ty Chứng khoán Nhất Việt, Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Công ty LD Secom VietNam, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Công ty LD TAC Pantas,...

ÔNG PHẠM NGỌC HIỆP

1978

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng.

Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 11/2019 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tư Vấn – Công ty TNHH Quản lý Quỹ VietinBank, Thành viên BKS – Công ty Cổ phần giao nhận hàng hóa Nasco, Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng công ty Cơ điện xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty CP Đầu tư công đoàn NHCT, Trưởng phòng phòng PC-KSNB - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank,...

ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH

1983

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 08/2020 đến nay.

Trước đó, ông từng giữ chức vụ Chuyên viên cao cấp Phòng Định chế Tài chính, Chuyên viên cao cấp Phòng Thị trường Vốn, Tổ phó Định chế Tài chính Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,...

6. KẾ TOÁN TRƯỞNG KIÊM TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

BÀ NGUYỄN THỊ ANH THƯ

1984

KẾ TOÁN TRƯỞNG KIÊM TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Tài chính từ ngày 22/09/2020 đến nay.

Trước đó, bà từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank, cán bộ phòng Phát triển sản phẩm, cán bộ phòng Dịch vụ Kiều hối Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

7. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc Công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

▸ *HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:*

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tổ chức ngày 27/04/2021 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 tổ chức ngày 10/01/2022 của Công ty đã miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ Công ty. Theo đó, 05 thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	**Ông Trần Phúc Vinh**	Chủ tịch HĐQT	Không
2	**Ông Vũ Đức Mạnh**[1] *(Bổ nhiệm từ 10/01/2022)*	Thành viên HĐQT	Không
3	**Ông Đặng Anh Hào**	Thành viên HĐQT	Không
4	**Bà Hồ Thị Thu Hiền**	Thành viên HĐQT	Trưởng phòng Kinh doanh vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
5	**Bà Trần Thị Thìn**[2] *(Bổ nhiệm từ 27/04/2021)*	Thành viên độc lập HĐQT	Không

(1) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty tổ chức ngày 10/01/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị, theo đó:
- *Thành viên HĐQT được miễn nhiệm từ 10/01/2022: Bà Hà Thu Phương.*
- *Thành viên HĐQT được bầu từ 10/01/2022: Ông Vũ Đức Mạnh.*

(2) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty tổ chức ngày 27/04/2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị, theo đó:
- *Thành viên độc lập HĐQT được miễn nhiệm từ 27/04/2021: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.*

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 03 (ba) thành viên là Ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch HĐQT, Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thành viên HĐQT và Bà Trần Thị Thìn – Thành viên độc lập HĐQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 03 (ba) thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

▶ Thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.

▶ Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ,...

▶ Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thành viên độc lập HĐQT Công ty đã thực hiện vai trò của thành viên độc lập trước những quyết sách của Công ty.

▶ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc /Quyền Tổng Giám đốc.

▶ Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định tại Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

▶ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã:

▶ Tiếp tục thực hiện họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch kinh doanh, bám sát với diễn biến thị trường.

▶ Giám sát và đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định, đảm bảo cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

▶ Tăng cường công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

▶ CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	**Ông Trần Phúc Vinh**	10/10	100%	
2	**Bà Hồ Thị Thu Hiền**	10/10	100%	
3	**Ông Đặng Anh Hào**	10/10	100%	
4	**Bà Hà Thu Phương**	10/10	100%	
5	**Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng** *(Từ 01/01/2021 đến 26/04/2021)*	3/3	100%	
6	**Bà Trần Thị Thìn** *(Từ 27/04/2021 đến 31/12/2021)*	7/7	100%	

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị đã:

▶ Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị.

▶ Cử bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – thành viên độc lập HĐQT phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro tại Công ty (sau khi bà Nguyễn Thị Thúy Hằng được ĐHĐCĐ bầu là thành viên độc lập HĐQT ngày 27/04/2020) và cử Bà Hà Thu Phương – Thành viên HĐQT phụ trách hoạt động này thay cho Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng sau khi Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng thôi không còn là thành viên HĐQT Công ty. Hiện tại, người được cử phụ trách mảng hoạt động này trong HĐQT là Ông Đặng Anh Hào – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

▶ Tiếp tục đẩy mạnh phát huy vai trò của Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT (được thành lập theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 31/12/2013 của HĐQT của Công ty). Bộ phận Kiểm toán nội bộ hiện tại thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và Quy chế kiểm toán nội bộ tại Công ty Chứng khoán Công thương.

▶ NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP (*):

STT	Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
1	**21/01/2021**	Đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của các Đơn vị và các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị Công ty	100%
2	**16/03/2021**	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 03/2021	100%
3	**26/04/2021**	Thông qua chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty và một số vấn đề liên quan	100%
4	**04/05/2021**	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT	100%
5	**28/06/2021**	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 06/2021	100%
6	**30/09/2021**	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 09/2021	100%
7	**10/11/2021**	Công tác cán bộ; Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam nhiệm kỳ 2019 – 2024	100%
8	**11/11/2021**	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; Phê duyệt các nội dung trình của Tổng Giám đốc về việc Ủy quyền, phân công nhiệm vụ và giải quyết công việc đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc	100%
9	**15/12/2021**	Điều chỉnh và kiện toàn mô hình tổ chức các Đơn vị nghiệp vụ tại Công ty Chứng khoán Công thương; Thông qua nội dung dự thảo và phê duyệt ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các Đơn vị thuộc Trụ sở chính Công ty	100%
10	**29/12/2021**	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 12/2021	100%

(*) Không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

▶ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 27/04/2021, *Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam năm 2021: Tối đa 5% lợi nhuận sau thuế Công ty năm 2021.*

Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021, số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động Ban Kiểm soát dự kiến như sau:

(Đvt: đồng)

Nội dung	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế năm 2021	386.503.773.570
Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị	5.937.604.018
Tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát	1.483.487.535

▶ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH:

- Bổ nhiệm Ông Vũ Đức Mạnh giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 11/11/2021.
- Thôi giữ chức vụ Quyền Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Trần Phúc Vinh kể từ ngày 11/11/2021.

8. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

▶ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

TỶ ĐỒNG

481,956

Lợi nhuận trước thuế

Kết thúc năm 2021, Công ty đạt 481,956 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, hoàn thành 267% kế hoạch năm được ĐHĐCĐ giao.

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

TỶ ĐỒNG

153,230

Doanh thu từ phí giao dịch chứng khoán môi giới năm 2021

↑ 213,76%

So với năm 2020

TỶ ĐỒNG

139

tổng doanh thu từ lãi margin thu được trong năm 2021

↑ 79,49%

So với năm 2020

Trong năm 2021, cùng với những tín hiệu tích cực từ thị trường, hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty đã được đẩy mạnh, đặc biệt là mảng khách hàng cá nhân tiếp tục phát triển hơn trước. Kết thúc năm, doanh thu từ phí giao dịch chứng khoán môi giới đạt 153,230 tỷ đồng, tăng 213,76% so với mức 48,837 tỷ đồng của năm 2020. Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cũng được Công ty thúc đẩy. Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tại thời điểm cuối năm 2021 của Công ty đạt xấp xỉ 1.488 tỷ đồng, tăng hơn 73% so với thời điểm 31/12/2020, trung bình trong năm 2021, dư nợ margin bình quân của Công ty là 1.205,4 tỷ đồng, tổng doanh thu từ lãi margin thu được trong năm đạt gần 139 tỷ đồng, tăng 79,49% so với năm 2020.

Với sự cạnh tranh ngày càng lớn trên thị trường tới từ các Công ty chứng khoán có lợi thế quy mô vốn lớn (tăng vốn rất mạnh trong năm 2021) cũng như cơ chế thu hút khách hàng linh hoạt, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đổi mới để hoàn thiện các chính sách, đồng thời phát triển dựa trên việc nghiên cứu đưa ra các sản phẩm linh hoạt, nâng cao chất lượng dịch vụ môi giới tư vấn cho từng nhóm đối tượng, phục vụ đầy đủ nhu cầu của khách hàng.

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TỶ ĐỒNG

8.2

Tổng doanh thu năm 2021

Doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp năm 2021 ghi nhận 5,167 tỷ đồng, doanh thu đại lý phát hành đạt 3,018 tỷ đồng. Với tổng doanh thu năm 2020 ghi nhận hơn 26 tỷ đồng, tổng doanh thu năm 2021 đạt gần 8,2 tỷ đồng giảm 68,46% so với năm 2020.

HỢP ĐỒNG

80

Hợp đồng ký mới năm 2021

Trong hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam...; các Ngân hàng, Định chế tài chính lớn như Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bắc Á... Bên cạnh đó, Công ty đã tiếp cận và ký hợp đồng với các khách hàng mới như CTCP Mía đường Lam Sơn, CTCP Điện cơ, CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP,... cũng như tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao, kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2021, Công ty đã ký mới 80 hợp đồng và hoàn thành 46 hợp đồng tư vấn TCDN bao gồm 28 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 18 hợp đồng tư vấn truyền thống như thoái vốn, chào bán cổ phiếu, đăng ký giao dịch UPCom, niêm yết...

Với kỳ vọng thị trường TPDN sôi động trở lại trong thời gian tới thì đây cũng sẽ là mảng kinh doanh trọng tâm của VietinBank Securities trong năm 2022 với lợi thế từ tệp khách hàng doanh nghiệp lớn, nhiều tiềm năng của Ngân hàng mẹ – VietinBank cũng như các khách hàng tiềm năng mà Công ty đã tiếp cận từ giai đoạn 2021 trở về trước nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn có nhiều ưu việt hơn so với nguồn vốn tín dụng, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận được những cơ hội đầu tư tốt. Đồng thời, Công ty cũng sẽ chú trọng cung cấp các dịch vụ khác liên quan nhằm tư vấn và đưa đến cho các doanh nghiệp giải pháp trọn gói để thu xếp vốn một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ mở rộng tệp khách hàng Nhà đầu tư nước ngoài với dịch vụ M&A: Tìm kiếm và tư vấn mua bán, sáp nhập với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước trong bối cảnh dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Ngoài ra, hoạt động tư vấn truyền thống như tư vấn cổ phần hóa, bán đấu giá, thoái vốn, niêm yết, phát hành chứng khoán,... cũng sẽ vẫn được duy trì và tận dụng các cơ hội mở rộng để đặt nền móng phát triển thêm tệp khách hàng cho hoạt động môi giới cũng như góp phần quảng bá thương hiệu của VietinBank Securities trên thị trường.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

TỶ ĐỒNG

711,7

Tổng giá trị mua trong năm 2021

Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục theo nghị quyết của HĐQT, đồng thời thực hiện mua và bán một số mã cổ phiếu chủ yếu thuộc ngành ngân hàng, ngành chăn nuôi...

Tổng giá trị mua trong năm 2021 (gồm cả mua phát hành thêm) là 711,7 tỷ đồng, tổng giá trị bán đối các cổ phiếu theo giá vốn xấp xỉ ~657,8 tỷ đồng, giá trị bán theo giá bán là ~820,3 tỷ đồng và lãi ròng 162,5 tỷ đồng trên giá vốn đầu tư.

TỶ ĐỒNG

162,5

Lãi ròng trên giá vốn đầu tư

TỶ ĐỒNG

12,18

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trái phiếu năm 2021

Hoạt động đầu tư trái phiếu năm 2021 tiếp tục được đẩy mạnh với hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Trong năm 2021, Công ty thực hiện đầu tư mới 735 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện bán lại trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành là 554 tỷ đồng. Tính chung cả năm 2021, hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp đã đem lại cho Công ty 12,18 tỷ đồng lợi nhuận. Tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong danh mục đầu tư kinh doanh của Công ty tại cuối kỳ 31/12/2021 tính theo giá vốn là 807.178 triệu đồng (giảm nhẹ ~0,05% so với cuối kỳ năm 2020).

Do vậy, hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh vẫn tiếp tục là mảng kinh doanh quan trọng, đóng góp lớn vào tổng doanh thu hoạt động của Vietinbank Securities trong năm 2021.

Theo định hướng chiến lược, năm 2022 đối với danh mục cổ phiếu, VietinBank Securities tiếp tục tập trung, theo sát diễn biến thị trường thực hiện cơ cấu một cách hiệu quả và tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao. Bên cạnh đó, VietinBank Securities định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác và đa dạng hóa sản phẩm bằng việc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và tạo ra nhiều công cụ cho hoạt động đầu tư.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VỐN

TRIỆU USD

100

Hạn mức tín dụng được cấp bởi các ngân hàng nước ngoài

TỶ ĐỒNG

4.100

Dư nợ cuối năm 2021

↑ 89,2%

So với dư nợ đầu năm 2021

Năm 2021, Công ty có nhiều dấu ấn trong hoạt động kinh doanh vốn với sự bứt phát mạnh mẽ của mảng vay vốn nước ngoài, với hạn mức tín dụng được cấp bởi các ngân hàng nước ngoài khoảng 100 triệu USD. Với lợi thế nguồn vốn ngoại giá rẻ đã giúp tối ưu hóa chi phí vốn, đồng thời thanh khoản của Công ty tiếp tục được cải thiện, duy trì ổn định và là tiền đề quan trọng để mở rộng các hoạt động kinh doanh trọng yếu của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục nhận được các khoản vay vốn từ các định chế tài chính trong nước với lãi suất cạnh tranh trên thị trường. Năm 2021, Công ty đã xây dựng được quan hệ tín dụng với trên 24 ngân hàng trong và ngoài nước, với dư nợ cuối năm 2021 đạt hơn 4.100 tỷ đồng, tăng 89,2% so với số dư nợ đầu năm. Hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm tăng hơn 60% so với năm 2020 và lãi suất vay vốn bình quân năm 2021 cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Vị thế của Công ty trên thị trường liên tục được cải thiện.

Song hành với mảng phát triển hạn mức tín dụng, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư vào lớp tài sản thu nhập cố định nhằm tối ưu hóa nguồn vốn ngoại giá rẻ, đa dạng hóa danh mục tài sản và góp phần gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, Công ty thực hiện đầu tư chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi để hưởng chênh lệch lãi suất, giúp Công ty thu lãi coupon và lãi suất gửi tiền tổng cộng hơn 89,48 tỷ đồng trong năm 2021.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc các các công việc đột xuất, Ban Lãnh đạo cùng các tuyến kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh vốn, cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp, rủi ro trong các sản phẩm, dịch vụ dự kiến triển khai ... để đưa ra các cảnh báo, biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả. Mặt khác, năm 2021, dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, công tác quản trị rủi ro hoạt động được đặc biệt chú trọng trong việc triển khai các biện pháp ứng phó phòng chống dịch bệnh phù hợp nhằm bảo vệ nguồn nhân lực và duy trì/đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

QUẢN LÝ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Năm 2021, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. VietinBank Securities thực hiện cơ cấu lại mô hình tổ chức hoạt động của Công ty, thực hiện việc sắp xếp, điều động và bố trí nhân sự linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng, nâng cao nghiệp vụ. Cơ chế tiền lương của Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo kết quả đánh giá KPIs, đảm bảo đánh giá đúng năng lực, đóng góp của cán bộ, nhân viên vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức lương bình quân năm 2021 cũng được tăng lên nhằm đảm bảo đời sống của cán bộ, nhân viên Công ty, tăng mức cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và giữ chân người lao động có năng lực và kinh nghiệm, tạo nền tảng phát triển vững mạnh cho Công ty hiện tại và tương lai.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

Năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa, trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

- Hiến máu tình nguyện nhân ngày thành lập đoàn 26/3 mang tên "Trao giọt máu đào – Tiếp thêm sự sống": Chương trình với sự tham gia của Công ty cùng nhiều chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương trên địa bàn Hà Nội;
- Quyên góp, ủng hộ Quỹ phòng chống Covid -19 trường Đại học Y Hà Nội;
- Tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên và cán bộ hưu trí của Công ty tháng 12/2021;
- Tổ chức tiêm Vacxin Covid cho 100% cán bộ, nhân viên Công ty. Thực hiện test Covid hàng tuần trong các đợt dịch cao điểm, nhằm phát hiện và cách ly kịp thời các trường hợp F0, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được thông suốt.

▶ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết thúc năm 2021 tổng tài sản bằng 156,4% so với cùng kỳ năm 2021, tài sản ngắn hạn bằng 160,3% so với cùng kỳ. Trong đó chỉ tiêu tài chính ngắn hạn bằng 167,3% so với cùng kỳ. Tổng Nguồn vốn kết thúc năm 2020 bằng 156,4% so với cùng kỳ năm, nợ phải trả bằng 171,8% so với cùng kỳ. Vốn chủ sở hữu tăng bằng 126% so với cùng kỳ, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do ghi nhận lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

▶ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bước sang năm 2022, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả, thành tựu mà công ty đã đạt được trong năm 2021. Ngoài ra, Công ty cũng xác định sẽ tập trung duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi. Với một số định hướng phát triển chính của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Tập trung khai thác mảng tư vấn dịch vụ đối với tệp khách hàng của Vietinbank, bao gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán sát nhập, tư vấn cổ phần hóa.
- Tiếp tục tăng trưởng thị phần mảng môi giới cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán... trên cơ sở nâng cấp hạ tầng công nghệ phục vụ giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn phục vụ khách hàng.
- Đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh vốn, thu phí dịch vụ, tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất.
- Tìm kiếm các cơ hội phù hợp để tái cấu trúc danh mục tự doanh theo hướng đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao, đa dạng hoá danh mục trái phiếu nhằm tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.
- Tiếp tục xây dựng và khẳng định thương hiệu của Công ty chứng khoán uy tín trên thị trường, cung cấp đầy đủ dịch vụ tài chính, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất.

9. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ban Kiểm soát có 03 (ba) kiểm soát viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát và 01 kiểm soát viên chuyên trách tại Công ty; 01 kiểm bộ soát viên là cán quản lý của VietinBank kiêm nhiệm kiểm soát viên của Công ty. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên được ĐHĐCĐ bầu là 5 (năm) năm.

Danh sách các kiểm soát viên, tỷ lệ nắm giữ cổ phần và chứng khoán khác do Công ty phát hành:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là kiểm soát viên	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần và sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành
1	**Bà Phan Thị Thu Hằng**	Trưởng Ban Kiểm soát	10/4/2019	0%
2	**Bà Lâm Thị Thu Hường**	Thành viên BKS	16/6/2014	0%
3	**Ông Nguyễn Thế Hưng**	Phó phòng KTKSNB VietinBank kiêm TV BKS Công ty	16/6/2014	0%

Năm 2021, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ để triển khai thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Công tác giám sát của BKS được triển khai thông qua các nội dung chính sau:
- Giám sát hoạt động kinh doanh và việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Công ty, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- Thẩm định BCTC năm 2020 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán độc lập;
- Giám sát định kỳ, triển khai các Đoàn kiểm tra để rà soát, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

▶ *KẾT QUẢ GIÁM SÁT:*

Giám sát hoạt động kinh doanh, việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong quản trị, điều hành của HĐQT, BĐH, việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

BKS đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:
- *Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình HĐKD của Công ty, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BĐH*

BKS thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp theo thư mời của HĐQT. BKS đã đưa ra quan điểm độc lập về các nội dung xin ý kiến, các tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty, từ đó kiến nghị các giải pháp cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Nhìn chung trong năm 2021, HĐQT, BĐH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong công tác quản trị, điều hành, đã triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp với tình hình thị trường, phát triển kinh doanh song hành cùng quản trị rủi ro chặt chẽ.
- *Rà soát các văn bản chính sách, xem xét Nghị quyết HĐQT*

BKS đã thực hiện rà soát các Nghị quyết của HĐQT, rà soát một số văn bản chính sách của HĐQT/TGĐ ban hành mang tính trọng yếu. Qua xem xét, BKS nhận thấy về cơ bản các Nghị quyết của HĐQT, văn bản chính sách được ban hành trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Thẩm định Báo cáo tài chính

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, trong năm 2021 BKS đã thành lập Tổ thẩm định BCTC năm 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021. Thông qua thẩm định, BKS đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.

Giám sát, kiểm tra hoạt động của Công ty

BKS đã phối hợp với bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra nghiệp vụ một số Phòng ban tại Trụ sở chính Công ty, đồng thời thông qua kết quả giám sát định kỳ của Ban kiểm soát đã kiến nghị HĐQT, BĐH xử lý các tồn tại và chỉ đạo các phòng ban khắc phục, chỉnh sửa các kiến nghị của các Đoàn kiểm tra/kiểm toán nội/ngoại ngành.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác

- BKS tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo thư mời, về cơ bản các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BĐH khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời được gửi cho BKS;
- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BĐH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS;
- Trên cơ sở kết quả giám sát, kiểm tra, BKS đã đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn trong hoạt động của Công ty. HĐQT, BĐH đã xem xét, chỉ đạo cá nhân, đơn vị liên quan triển khai các nội dung kiến nghị, đề xuất của BKS.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

- BKS đã tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện hệ thống văn bản quy chế, quy định đối với các hoạt động của Công ty để phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan cũng như thực tế hoạt động của Công ty;
- Tham gia ý kiến với các hồ sơ, văn bản BĐH trình HĐQT;
- Tăng cường công tác đào tạo, bổ sung kiến thức, nâng cao năng lực kiểm soát viên để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

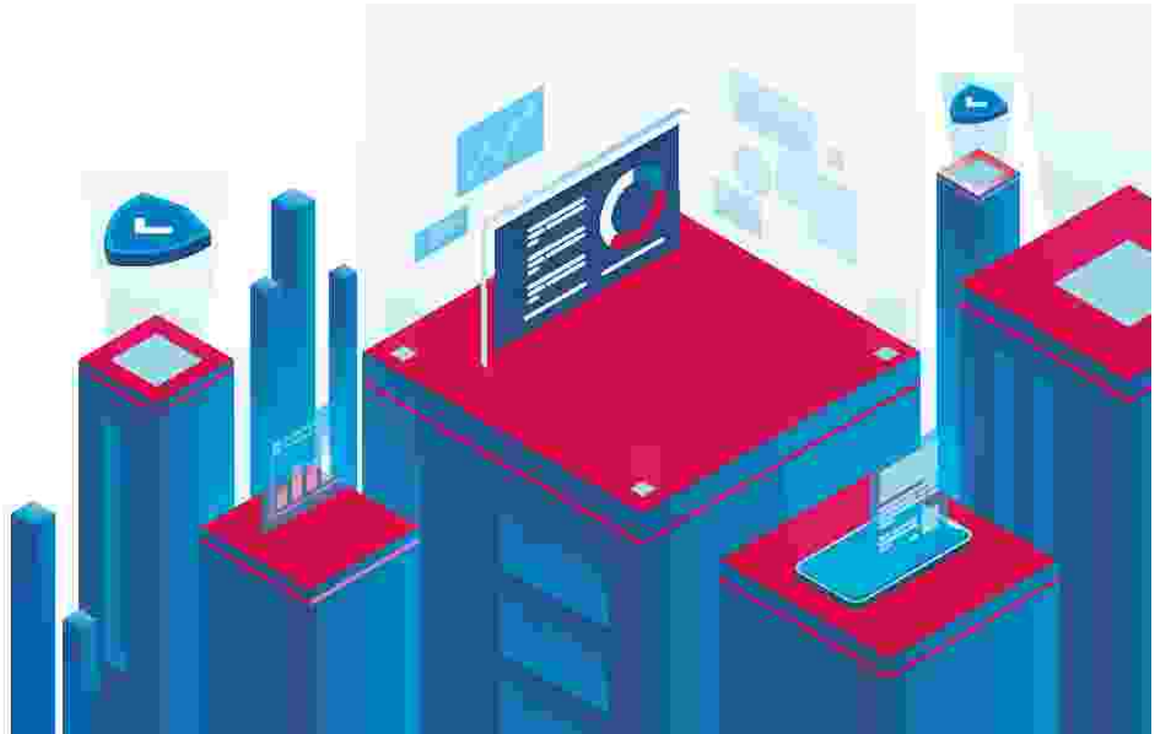

10. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kiểm tra kiểm soát nội bộ: Năm 2021, công tác Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại VietinBank Securities được thực hiện một cách độc lập, khách quan và trung thực. Qua quá trình kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro tiềm ẩn, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Ban Lãnh đạo chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát đối với từng mảng hoạt động nghiệp vụ. Việc cảnh báo sớm các rủi ro đã giúp VietinBank Securities hạn chế các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động.

Công bố thông tin: với vị thế một công ty niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VietinBank Securities cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ cả bên trong VietinBank Securities đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của VietinBank Securities.

VietinBank Securities luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, VietinBank Securities nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

11. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2021, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities tiếp tục thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và Pháp luật có liên quan. Công tác quản trị rủi ro luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro được cụ thể hóa bằng quy định/quy trình trong đó xác định các bước công việc thực hiện trong phân tích, đánh giá, xếp loại, kiểm soát và xử lý rủi ro... Ngoài ra, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng hoạt động kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2022, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

Rủi ro hoạt động

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động. Năm 2022, dự kiến dịch bệnh Covid 19 tiếp tục diễn biến phức tạp, công tác quản trị rủi ro hoạt động được đặc biệt chú trọng trong việc triển khai các biện pháp ứng phó phòng chống dịch bệnh phù hợp nhằm bảo vệ nguồn nhân lực và duy trì/đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

Rủi ro thị trường

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý.

Rủi ro thanh toán

VietinBank Securities thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities được thực hiện định kỳ tháng. Rủi ro thanh toán được giảm thiểu thông qua hệ thống Quản trị rủi ro, thực hiện theo quy trình yêu cầu đối tác phải duy trì tài sản thế chấp ở mức hợp lý, phải thanh toán các khoản công nợ đúng như cam kết và có những điều khoản phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro thanh khoản

VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Định kỳ, VietinBank Securities thực hiện lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của VietinBank Securities trong kỳ báo cáo.

Rủi ro pháp lý

Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật.

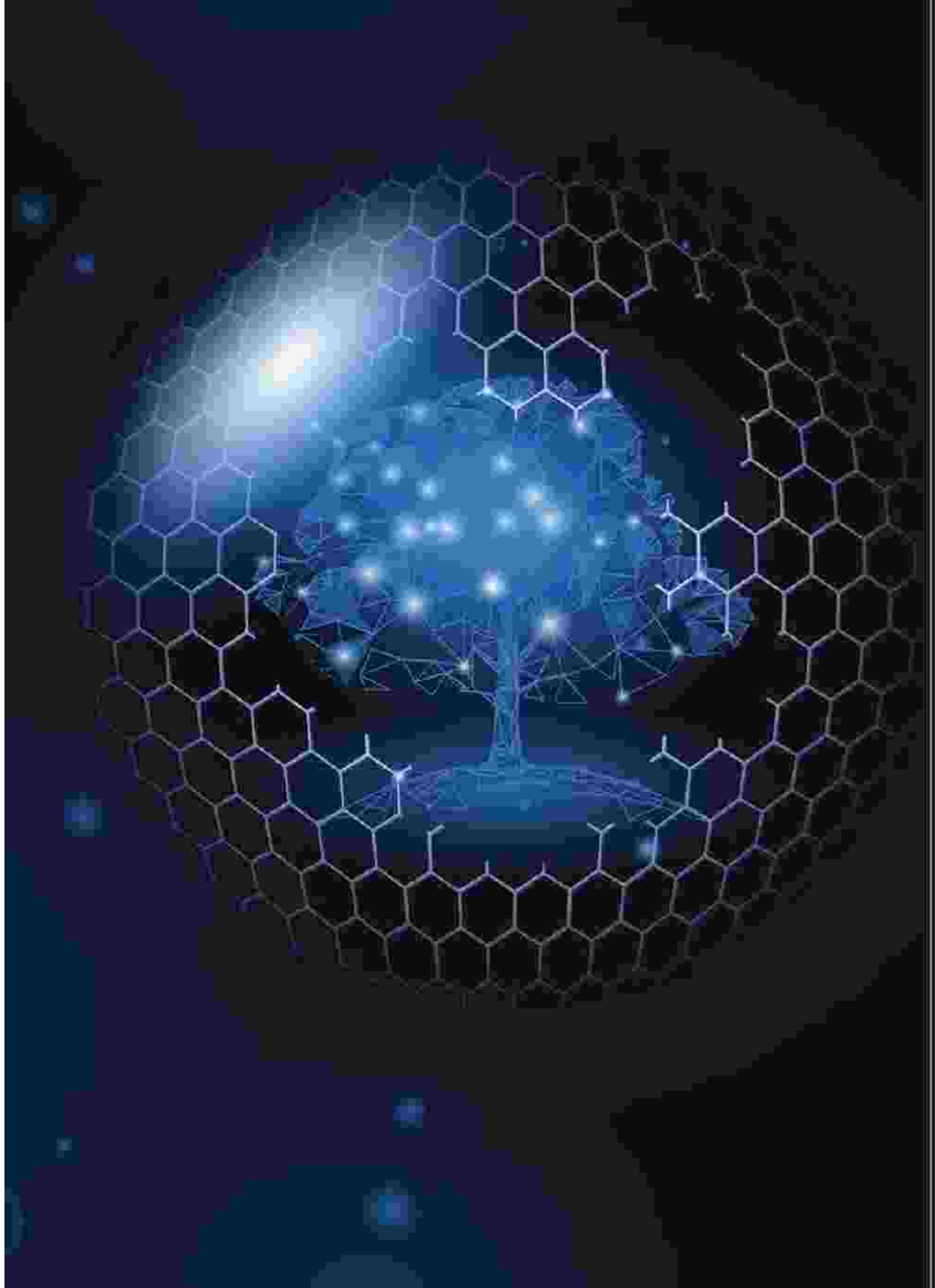

5 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

A. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO

1. NỘI DUNG BÁO CÁO

Năm 2021 là năm VietinBank Securities thành công trong việc triển khai các định hướng xây dựng những giá trị bền vững của doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bền vững, có sức ảnh hưởng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho sự phát triển của mỗi thành viên trong Công ty, cho khách hàng, cho thị trường và cho toàn xã hội thông qua các hoạt động thiết thực.

Các lĩnh vực được trình bày trong báo cáo gồm: Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

2. PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2021 được thực hiện và công bố như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của Công ty. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và các năm trước đó của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2021, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Công ty trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh.

Nội dung phát triển bền vững của VietinBank Securities có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm tra kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

LIÊN HỆ MỌI THÔNG TIN

Mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững, vui lòng liên hệ:

Bộ phận Công bố thông tin – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84.24) 3974 1771
Email: IR@cts.vn

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIETINBANK SECURITIES

1. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề "phát triển bền vững" đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng.

VietinBank Securities có lịch sử hoạt động hiệu quả với thành tích liên tục báo lãi trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập. Bên cạnh các cơ hội phát triển có được từ các thế mạnh, năng lực cạnh tranh cao, kinh nghiệm thị trường, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đội ngũ nhân sự giỏi và tận tâm với công việc, Công ty cũng phải đối diện với các rủi ro nội bộ và bên ngoài như rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý (xem thêm mục Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ – Báo cáo Thường niên 2021).

Việc nhận diện các tác động, rủi ro và cơ hội giúp Công ty đánh giá tình hình hiện tại, từ đó xây dựng mô hình và các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được định hướng căn cứ vào tầm nhìn "Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư".

Mô hình phát triển bền vững được VietinBank Securities xây dựng dựa trên mục tiêu hướng đến tạo lập thành công cho các đối tượng: Doanh nghiệp, Thị trường và Xã hội.

2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

- Tăng trưởng ổn định;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động;
- Chú trọng hoạt động đào tạo nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ nhân viên;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng tính minh bạch.

3. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG CHO THỊ TRƯỜNG

- Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông;
- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tăng cường kênh huy động vốn cho doanh nghiệp;
- Đóng góp phát triển thị trường và nền kinh tế Việt Nam;
- Đóng góp bền vững cho xã hội;
- Hoàn thành trách nhiệm với nhà nước;
- Chia sẻ với cộng đồng;
- Bảo vệ môi trường.

Phục vụ cho lợi ích cổ đông

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời.

Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.
- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin – phân tích – nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cán cân thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.
- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định – đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.
- Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.
- Báo cáo khuyến nghị CTS – Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch:

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.
- Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.
- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Kể từ năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.

VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE... Ngoài ra, Vietinbank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

C. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình quản trị về phát triển bền vững

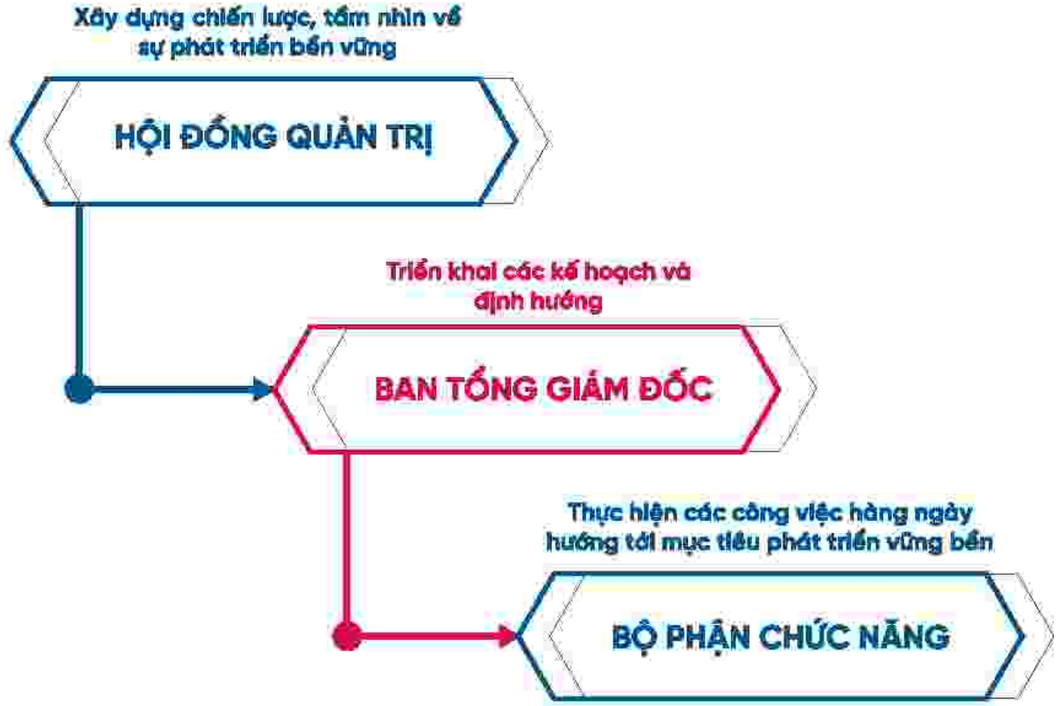

Tại VietinBank Securities, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo vấn đề phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Công ty từ các Bộ phận chức năng đến từng nhân viên, theo mô hình dưới đây:

Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi các chính sách, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động. Tất cả các chính sách, văn bản quy định trong Công ty được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và các quy định khác của pháp luật như Nghị định số Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành,...

Trên cơ sở các chính sách, quy chế, quy định, quy trình, kết hợp với Phòng Quản lý rủi ro, Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ (KTKSNB) sẽ đưa ra các rủi ro chính và các hoạt động kiểm soát rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra gắn liền với các mục tiêu.

Bộ phận KTKSNB trực tiếp giám sát, trao đổi, làm việc với các bộ phận có liên quan để phát hiện ra các sai sót và đưa ra giải pháp điều chỉnh nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt hơn, đảm bảo sự an toàn cho khách hàng, cũng như cho hoạt động của Công ty.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động Quản trị rủi ro nội bộ.

D. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

VietinBank Securities nhận thấy mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Công ty thường xuyên trao đổi, tương tác với các bên liên quan thông qua các hoạt động. Đây cũng là hình thức để VietinBank Securities xác định nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2021:

1 TƯƠNG TÁC VỚI NHÂN VIÊN

- Họp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, hội nghị người lao động;
- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Duy trì hoạt động bếp ăn cho các cán bộ nhân viên;
- Thông tin, trao đổi qua Internet, điện thoại, email nội bộ;
- Các chương trình đào tạo nội bộ;
- Tổ chức các chương trình khảo sát lấy ý kiến;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ nhằm tăng cường tinh đoàn kết: chương trình 20/10, 1/6, trung thu, Giáng sinh, du lịch.

2 TƯƠNG TÁC VỚI CỔ ĐÔNG

- Đại hội cổ đông thường niên;
- Báo cáo định kỳ Cổ đông lớn;
- Cán bộ chuyên trách quản lý Cổ đông;
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ Trao đổi qua điện thoại với bộ phận Quan hệ Cổ đông;
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

3 TƯƠNG TÁC VỚI KHÁCH HÀNG/NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo tư vấn đầu tư, giới thiệu cơ hội đầu tư;
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp/Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, nhân viên chăm sóc khách hàng và Phòng Dịch vụ;
- Hỗ trợ khách hàng qua website, trang Trợ giúp http://www.cts.vn/InvestorCorner.aspx;
- Email gửi khách hàng.

4 TƯƠNG TÁC VỚI BÁO CHÍ

- Phỏng vấn trả lời báo chí;
- Tham gia các Diễn đàn do các báo tổ chức;
- Trao đổi qua điện thoại, email với bộ phận Truyền thông;
- Thông cáo báo chí.

5 TƯƠNG TÁC VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ HIỆP HỘI

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ, các cơ quan quản lý tổ chức;
- Tham gia các hội thảo xây dựng thị trường do các cơ quan quản lý tổ chức.

6 TƯƠNG TÁC VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn do ngân hàng mẹ VietinBank tổ chức;
- Tham gia các hoạt động cộng đồng.

E. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

TỶ ĐỒNG

1.067,647

Doanh thu hoạt động 2021

TỶ ĐỒNG

385,503

Lợi nhuận sau thuế năm 2021

VietinBank Securities đã gặt hái những kết quả tích cực về mặt kinh tế:

Năm 2021 là năm thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động, tuy nhiên kết quả kinh doanh của VietinBank Securities vẫn đạt mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục kể từ khi Công ty được thành lập đến nay. Năm 2021, doanh thu thoạt động của VietinBank Securities đạt 1.067,647 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ở mức 481,957 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 385,503 tỷ đồng.

BIỂU ĐỒ DOANH THU LỢI NHUẬN

Đơn vị: Tỷ đồng

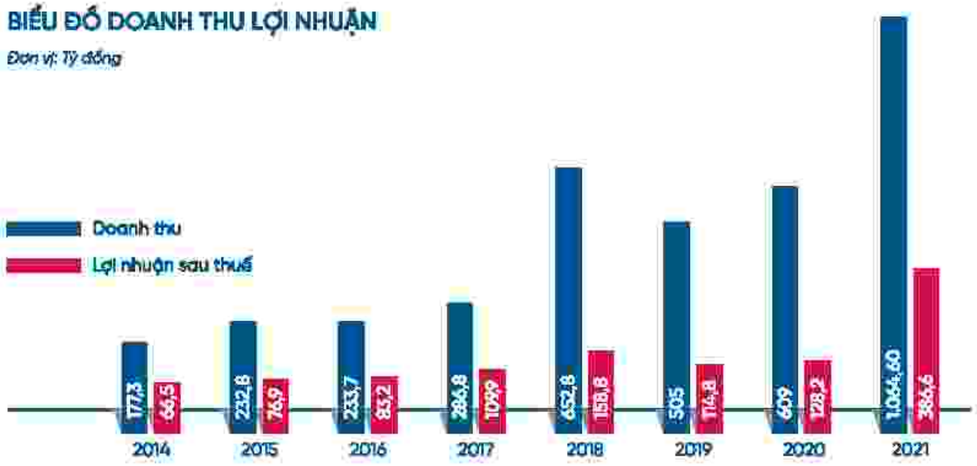

Để xem chi tiết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021, vui lòng tìm đọc trong nội dung Kết quả hoạt động kinh doanh và Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận - Báo cáo thường niên năm 2021, trang 26.

Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận gia tăng qua các năm, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông. VietinBank Securities tự hào là một trong những công ty chứng khoán duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định qua các năm, kể cả ở những thời điểm TTCK khó khăn nhất.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn mang tính thanh khoản cao, do vậy mà các chỉ số khả năng thanh toán luôn đạt hơn 2 lần qua các năm, đây cũng chính là đặc thù chung đối với các công ty chứng khoán để luôn đáp ứng đầy đủ các điều kiện về một thanh khoản theo quy định của Pháp luật chuyên ngành.

Với nguồn vốn dồi dào trong khi nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán, cơ cấu về nguồn vốn linh hoạt đó, giúp Công ty có thể chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn khi thị trường thuận lợi.

ĐẢM BẢO THU NHẬP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Để bảo đảm quyền lợi về lương, thưởng cho người lao động, Công ty đã thành lập và duy trì hoạt động tích cực của Hội đồng lương Công ty, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

TRIỆU ĐỒNG

32,844

Thu nhập bình quân của các cán bộ nhân viên

Dịch Covid 19 đã tàn phá nền kinh tế của toàn thế giới, có thể nói năm 2021 là một năm đầy thách thức của nền kinh tế nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng. Mặc dù vậy, kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty đã tăng 74,43% so với năm 2020. Thu nhập bình quân năm 2021 VietinBank Securities tăng 32% so với năm 2020, đời sống cho người lao động được đảm bảo với mức thu nhập bình quân của các cán bộ nhân viên đạt 32,844 triệu đồng.

HỘI ĐỒNG LƯƠNG CÔNG TY

Hội đồng lương Công ty được thành lập với mục đích:

► Áp dụng thống nhất hệ thống bậc lương theo vị trí công việc, cơ chế quản lý và chi trả tiền lương đối với các đơn vị, người lao động làm việc tại Công ty;

► Gắn việc chi trả tiền lương với chức năng, nhiệm vụ đảm nhiệm; năng lực cá nhân; kết quả và hiệu quả thực hiện công việc của đơn vị, cá nhận cũng như kết quả kinh doanh, chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty;

► Đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc; thu hút và giữ lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Công ty;

► Xác định trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý và chi trả tiền lương. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo nguyên tắc: tiền lương đảm bảo mức sống cơ bản của người lao động, gắn chặt với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và hiệu quả làm việc của từng cá nhân, vừa tuân thủ theo đúng quy định nhà nước vừa nâng cao tính công bằng và cạnh tranh. Trong năm 2021, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương theo KPIs (lương theo hiệu quả công việc), tạo động lực cho người lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và tính cạnh tranh trên thị trường.

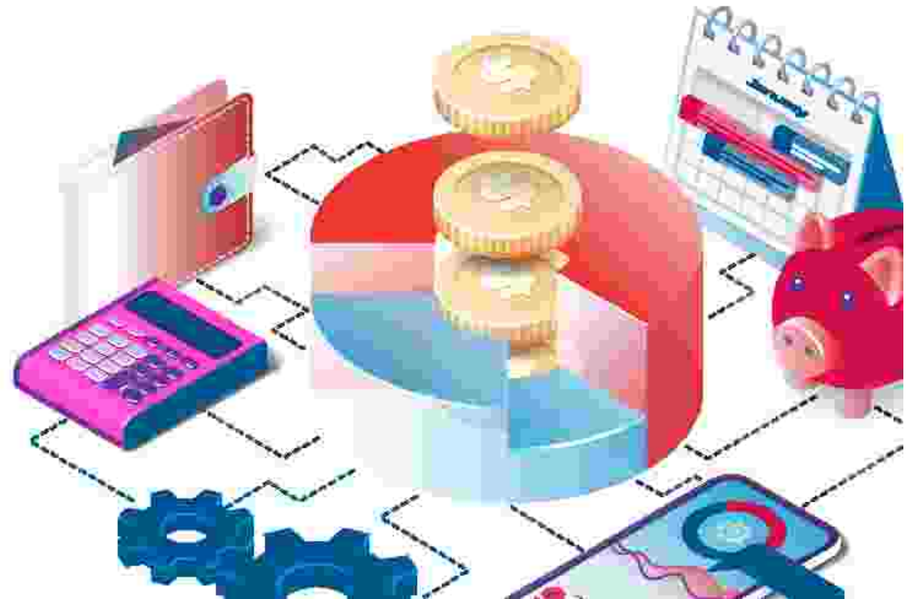

HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

Hội đồng thi đua – Khen thưởng Công ty được thành lập với mục đích:

- Đảm bảo công tác thi đua khen thưởng trong Công ty được thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thi đua khen thưởng.

- Tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty tích cực thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng làm việc theo nguyên tắc:

- Công khai, chính xác, công bằng, kịp thời.

- Khen thưởng định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở so sánh, lựa chọn trong đơn vị; Bộ quy định về hoạt động thi đua khen thưởng của Công ty với đầy đủ các hạng mục và hướng dẫn về đánh giá khen thưởng được ban hành và áp dụng nghiêm túc. Nguyên tắc thi đua tại Công ty được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.

Hoạt động thi đua khen thưởng trở thành hoạt động quan trọng thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả của cán bộ nhân viên Công ty.

CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Ngoài việc tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật lao động, từ 07 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho cán bộ nhân viên và người thân. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

Chế độ hiếu hỷ luôn được Công ty và Ban chấp hành Công đoàn quan tâm và thực hiện đầy đủ nhằm thường xuyên thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời đối với tất cả cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt thể thao, tham quan, nghỉ mát,... nhằm mục đích tạo động lực, nâng cao đời sống tinh thần và giúp cán bộ nhân viên gắn bó hơn với Công ty. Các chương trình hoạt động tập thể, xây dựng đội nhóm như Chương trình hội nghị người lao động, đối thoại định kỳ, bếp ăn tập thể, Chúc mừng sinh nhật hàng tháng, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu,... luôn được Công ty chú trọng nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển bản thân.

TẠO MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP CHO NHÂN VIÊN

Công tác nhân sự, tuyển dụng

Xác định con người chính là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa thành công của công ty, VietinBank Securities luôn chú trọng chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những nhân sự có năng lực, trình độ. Trong năm 2021, Công ty thực hiện bổ nhiệm theo thẩm quyền của NHCT VN và Công ty trong năm qua là: Bổ nhiệm mới 01 vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty; Tiếp nhận và bổ nhiệm mới 01 Tổng Giám đốc Công ty. Đồng thời, Công ty đã tuyển dụng được 26 nhân sự mới là những cán bộ trẻ được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước. Cơ cấu nhân sự của công ty dần được trẻ hóa, các nhân sự trong công ty luôn được tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất để phát huy được năng lực của mình. Trong năm 2021, Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với 19 lao động theo nguyện vọng cá nhân; thực hiện tốt thi đua, khen thưởng cán bộ nhân viên đạt thành tích qua các đợt phát động thi đua ngắn ngày tại Công ty phát động.

Công tác quy hoạch lần đầu giai đoạn 2016-2021 đối với các cán bộ thuộc các chức danh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty quản lý.

Bên cạnh đó VietinBank Securities cũng thực hiện chính sách đãi ngộ, đề bạt cán bộ một cách công bằng, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp qua chỉ tiêu kinh doanh, có cơ chế thu hút nhân tài và cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng.

Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung của công ty.

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN

Cử nhân	73,72%
Thạc sĩ	21,71%
Khác	4,57%

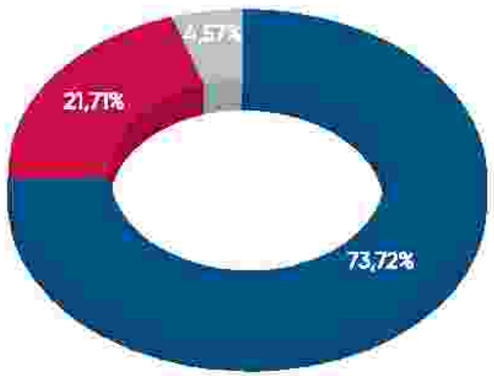

Hoạt động đào tạo

Năm 2021, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ về chứng khoán cho cán bộ nhân viên nhằm bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho các vị trí.

BẢNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NĂM 2021

Nội dung	Số lượng
Số lượng khóa đào tạo	09
Số lượng lượt học viên tham gia trên tổng số lớp học	28
Tổng số chứng chỉ hành nghề	72

Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Năm 2021 hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc, bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo các hoạt động của công ty được thực hiện và tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, pháp luật mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất. 100% cán bộ, nhân viên hành nghề chứng khoán tại VietinBank Securities có chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

2. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

PHỤC VỤ CHO LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation – IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

CUNG CẤP SẢN PHẨM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VỚI SỰ THẤU HIỂU VÀ TẬN TÂM

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời.

Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin – phân tích – nhận định – dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.
- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin – phân tích – nhận định – dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cán cân thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.
- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định – đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.
- Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.

Báo cáo khuyến nghị CTS – Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ GIAO DỊCH

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.
- Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.
- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2022, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Kể từ năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.

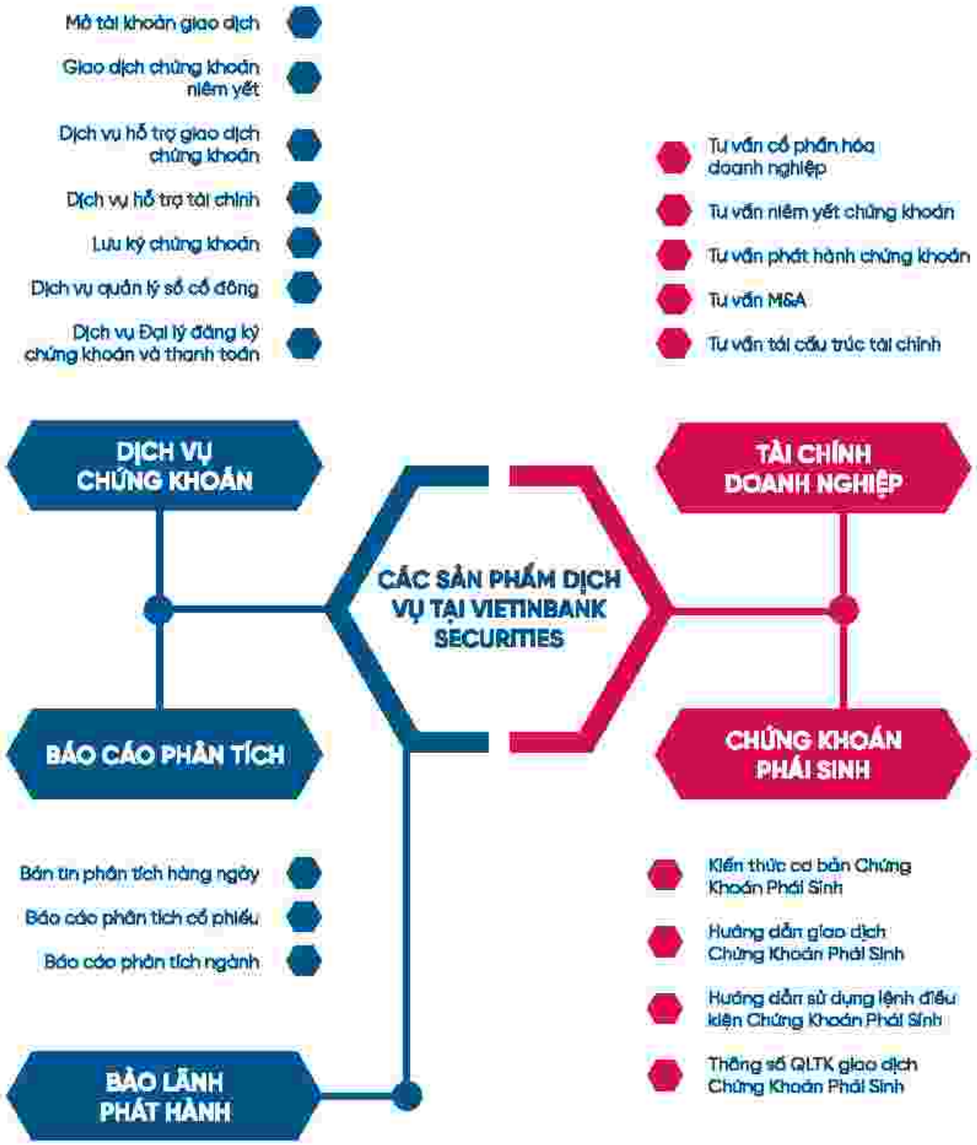

ĐÓNG GÓP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE...

Ngoài ra, Vietinbank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

3. ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA XÃ HỘI

Hoạt động tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, tăng trưởng xanh không chỉ nằm ở một lĩnh vực và không phải chỉ trong ngắn hạn. Đó là một chương trình lâu dài, liên tục, cần có sự tham gia của nhiều đơn vị, nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Giống như nhiều sản phẩm phục vụ con người khác được thiết kế và sản xuất theo hướng ngày càng thân thiện với môi trường, có giá trị sử dụng giúp con người sống an hòa với mẹ thiên nhiên, sản phẩm chứng khoán xanh cũng có những đặc tính tương tự.

Sự xuất hiện của những sản phẩm này trên thị trường vốn quốc tế, không chỉ làm thay đổi phương thức huy động và sử dụng vốn cho các công trình, dự án "xanh" như thủy lợi, trồng rừng, chống phát thải nhà kính..., mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư có trách nhiệm hơn với môi trường và sự sống của con người từ phía nhà đầu tư cá nhân cho đến các nhà đầu tư tổ chức.

Vì những giá trị thiết thực đó, những sản phẩm chứng khoán xanh đầu tiên đã dần hình thành tại Việt Nam. Nếu như trước năm 2016, câu chuyện phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam chỉ dừng lại ở mức độ ý tưởng của nhà quản lý, lần các tổ chức có ý định phát hành, thì đến nay đã có những chứng khoán xanh đầu tiên được đưa ra thị trường, qua đó không chỉ mở ra triển vọng mới cho nhà phát hành trong huy động vốn để triển khai các dự án xanh, mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư. Đồng thời, đến năm 2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong đó đã đưa ra khung pháp lý về trái phiếu xanh.

Để khuyến khích sự phát triển của thị trường chứng khoán xanh và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, CTS đã và đang tìm kiếm cơ hội/thực hiện đầu tư các loại cổ phiếu, trái phiếu xanh trên thị trường.

Danh mục các cổ phiếu xanh trong danh mục đầu tư của Công ty năm 2021

Các cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nông nghiệp: Công ty Cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.

Yếu tố xanh: Cung cấp các sản phẩm hoa quả, dinh dưỡng tự nhiên, thân thiện với môi trường

Cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nước sạch: Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tái tạo

Yếu tố xanh: Cung cấp các sản phẩm nước sạch trong khu công nghiệp

Kế hoạch đầu tư cổ phiếu xanh năm 2022:

Công ty tiếp tục đầu tư lựa chọn doanh nghiệp cổ phiếu xanh do những doanh nghiệp này thường sẽ có quy trình sản xuất bài bản, đầu tư công nghệ tiên tiến và ít chịu rủi ro phải đền bù thiệt hại liên quan đến môi trường.

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 07 năm 2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 782934.000.000 đồng và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 02 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 1.064.365.760.000 đồng ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 31 tháng 07 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 06 năm 2017.

Ngày 20 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 06 năm 2017). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.064.365.760.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.064.365.760.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:
- Môi giới chứng khoán,
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán,
- Tự doanh chứng khoán,
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán,
- Lưu ký chứng khoán, và
- Các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Phúc Vinh	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách** (Bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 04 năm 2020, Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách từ ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Hồ Thị Thu Hiền	**Thành viên** (Bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 04 năm 2020, Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách từ ngày 27 tháng 04 năm 2020 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2021)
Ông Vũ Đức Mạnh	**Thành viên** (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Bà Hồ Thu Phương	**Thành viên** (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Ông Đặng Anh Hào	**Thành viên**
Bà Trần Thị Thìn	**Thành viên độc lập** (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	**Thành viên độc lập** (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phan Thị Thu Hằng	**Trưởng Ban**
Bà Trần Thị Kim Oanh	**Thành viên** (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Ông Nguyễn Thế Hưng	**Thành viên** (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Bà Lâm Thị Thu Hường	**Thành viên**

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Đức Mạnh	**Tổng Giám đốc** (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Ông Trần Phúc Vinh	**Quyền Tổng Giám đốc** (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Ông Đặng Anh Hào	**Phó Tổng Giám đốc**
Bà Phan Hải Sâm	**Phó Tổng Giám đốc**
Ông Thái Hoàng Long	**Phó Tổng Giám đốc**
Ông Phạm Ngọc Hiệp	**Phó Tổng Giám đốc**
Ông Nguyễn Tuấn Anh	**Phó Tổng Giám đốc**
Bà Nguyễn Thị Anh Thư	**Kế toán Trưởng**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 11 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này, ông Trần Phúc Vinh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty (thay cho bà Hồ Thị Thu Hiền).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") phê duyệt báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ông Vũ Đức Mạnh
Tổng Giám đốc

Ông Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số tham chiếu: 61599120/22723378

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 63, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: **2400-2018-004-1**

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: **0761-2018-004-1**

Hà Nội, Việt Nam, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 — *B01-CTCK*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.610.378.958.756**	**4.190.363.065.641**
110	***I. Tài sản tài chính***		***6.025.551.542.658***	***3.601.647.476.384***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	336.585.016.517	21.929.566.336
111.1	*1.1 Tiền*		*336.585.016.517*	*21.929.566.336*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	1.719.909.976.075	1.486.998.817.719
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	2.137.635.599.500	761.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	1.594.936.417.382	922.989.735.587
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.4	160.000.000.000	280.363.606.514
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
117	7. Các khoản phải thu		76.086.630.982	130.844.612.778
117.1	*7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính*	*8.1*	–	*82.302.909.500*
117.2	*7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*8.2*	*76.086.630.982*	*48.541.703.278*
117.4	*7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*76.086.630.982*	*48.541.703.278*
118	8. Trả trước cho người bán	12	1.352.156.000	1.328.540.000
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8.3	4.217.522.852	3.869.427.363
122	10. Các khoản phải thu khác	8.4	350.013.731	220.456.483
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(691.422.243)	(3.086.918.258)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***		***584.827.416.098***	***588.715.589.257***
132	1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	12	21.587.500	22.482.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.602.598.028	2.635.920.398
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.1	69.968.901	48.194.522
138	4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	10	576.133.261.669	586.008.992.337
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**75.307.443.085**	**83.343.345.969**
220	***I. Tài sản cố định***		***44.850.014.302***	***52.855.312.447***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.581.642.429	12.171.903.097
222	*1.1 Nguyên giá*		*54.484.411.579*	*53.885.304.279*
223a	*1.2 Giá trị khấu hao luỹ kế*		*(46.902.769.150)*	*(41.713.401.182)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	37.268.371.873	40.683.409.350
228	*2.1 Nguyên giá*		*73.195.467.896*	*72.785.467.896*
229a	*2.2 Giá trị hao mòn lũy kế*		*(35.927.096.023)*	*(32.102.058.546)*

250	***II. Tài sản dài hạn khác***		***30.457.428.783***	***30.468.033.522***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	220.265.000	220.265.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	178.859.514	227.875.408
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13.1	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	13.2	10.058.304.269	10.039.893.114
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.685.686.401.841**	**4.273.706.411.610**
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.873.877.661.077**	**2.836.266.612.921**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***4.796.207.530.558***	***2.793.059.884.573***
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	4.100.407.343.338	2.166.722.913.838
312	*1.1 Vay ngắn hạn*		*4.100.407.343.339*	*2.166.722.913.838*
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	13.251.925.841	2.863.560.862
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	987.636.758	438.621.449
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.430.411.520	1.632.911.520
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	41.471.584.347	8.877.065.084
323	6. Phải trả người lao động		24.080.726.542	13.596.915.264
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	15.566.996.156	4.301.729.901
327	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.259.658.133	5.166.187.853
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.100.613.769	2.470.325.599
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.641.969.489	821.532.689
332	11. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	20.2	592.008.664.665	586.168.120.514
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***77.670.130.519***	***43.206.728.348***
351	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		4.225.293.527	5.364.735.199
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	73.444.836.992	37.841.993.149
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.811.808.740.764**	**1.437.439.798.689**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	21	***1.811.808.740.764***	***1.437.439.798.689***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.070.285.524.053	1.070.285.524.053
411.1	*1.1 Vốn góp của chủ sở hữu*		*1.064.365.760.000*	*1.064.365.760.000*
411.1a	*1.1.1 Cổ phiếu phổ thông*		*1.064.365.760.000*	*1.064.365.760.000*
411.2	*1.2 Thặng dư vốn cổ phần*		*6.178.512.734*	*6.178.512.734*
411.5	*1.3 Cổ phiếu quỹ*		*(258.748.681)*	*(258.748.681)*
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		42.878.917.232	38.928.580.372
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		42.878.917.232	38.928.580.372
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	21.2	655.765.382.247	289.297.113.892
417.1	*4.1 Lợi nhuận đã thực hiện*		*381.288.685.482*	*157.231.792.497*
417.2	*4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*274.476.696.765*	*132.065.321.395*
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**6.685.686.401.841**	**4.273.706.411.610**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	Cổ phiếu đang lưu hành	21.3	1.063.996.140.000	1.063.996.140.000
007	Cổ phiếu quỹ	21.3	369.620.000	369.620.000
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK	22.1	270.823.380.000	523.055.330.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	22.2	77.914.920.000	77.915.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	22.3	985.702.640.000	1.169.962.640.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		813.590.000	60.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22.4	17.140.741.431.000	17.312.013.267.000
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*12.001.842.989.000*	*13.018.992.341.000*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*1.958.292.060.000*	*1.051.069.840.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*1.184.888.533.000*	*931.268.200.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*1.826.813.330.000*	*2.166.765.730.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*168.904.519.000*	*143.917.156.000*
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*149.830.290.000*	*205.452.150.000*
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	22.5	172.675.219.000	159.966.808.000
024.b	*Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư*		*3.064.140.000*	*547.150.000*
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	22.6	78.770.670.000	31.567.100.000
026	Tiền gửi của khách hàng	22.7	674.823.503.136	620.346.752.576
027a	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*306.471.461.887*	*379.910.903.376*
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	22.7	317.751.587.134	204.911.353.489

029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	22.7	46.355.339.520	31.225.344.011
029.1	*Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước*		*46.175.563.597*	*31.109.967.574*
029.2	*Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài*		*179.775.923*	*115.376.437*
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	22.8	4.245.114.595	4.299.151.700
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.9	670.578.388.541	616.047.600.876
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*668.693.185.010*	*614.899.880.678*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*701.322.595*	*586.917.671*
031.3	*Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh*		*1.183.880.936*	*560.802.527*
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	22.9	4.245.114.595	4.299.151.700

Người lập:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Trần Phúc Vinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 — *B02-CTCK*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		635.039.421.361	399.720.625.736
01.1	*1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*23.1*	*190.352.149.692*	*41.434.658.014*
01.2	*1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*23.2*	*378.092.726.917*	*301.560.482.965*
01.3	*1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*23.3*	*66.594.544.752*	*56.725.484.756*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	23.5	73.832.381.083	14.450.013.693
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.4	145.284.661.510	77.385.943.795
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	23.5	15.657.534.247	13.304.383.562
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	24	148.857.330.498	49.182.648.099
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		3.018.000.000	22.470.000.000
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		36.558.225.634	27.921.526.759
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	25	5.166.590.907	3.623.592.656
11	9. Thu nhập hoạt động khác	26	1.139.216.796	927.954.723
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**1.064.553.362.036**	**608.986.689.022**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		216.064.889.509	249.972.648.734
21.1	*1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*23.1*	*14.683.138.405*	*8.312.543.073*
21.2	*1.2 Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*23.2*	*200.078.507.704*	*240.084.666.099*
21.3	*1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*	*23.6*	*1.303.243.400*	*1.575.439.562*
24	2. (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(2.700.000.000)	2.700.000.000
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		7.072.031.493	5.434.932.796
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	91.360.892.257	45.885.853.847
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	570.000.000
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		26.539.495.617	14.337.602.392
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		10.087.893.929	9.265.708.805
32	8. Chi phí hoạt động khác	28	304.503.985	334.659.326
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**348.729.706.790**	**328.501.405.900**

	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	29	2.239.749.188	1.510.548.019
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**2.239.749.188**	**1.510.548.019**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	1. Chi phí lãi vay	30	129.079.706.653	68.391.008.737
55	2. Chi phí tài chính khác	30	25.904.264.076	8.592.274.901
60	Cộng chi phí tài chính		154.983.970.729	76.983.283.638
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**31**	**81.975.963.066**	**66.062.516.618**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**481.103.470.640**	**148.950.031.885**
	VII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		853.396.721	1.563.141.918
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**		**853.396.721**	**1.563.141.918**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**481.956.867.361**	**150.513.173.803**
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		303.942.648.148	89.037.356.937
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		178.014.219.213	61.475.816.866
100	**IX. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**		**95.453.093.791**	**22.325.783.109**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	59.850.249.948	10.030.619.736
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.2	35.602.843.843	12.295.163.373
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**386.503.773.570**	**128.187.390.694**
300	**XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	1. Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS		-	-
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		-	-
501	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**33**	**3.633**	**1.205**

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Đào Thị Yến	**Bà Nguyễn Thị Anh Thư**	**Ông Trần Phúc Vinh**
Kế toán	Kế toán Trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 B03-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**481.956.847.361**	**150.513.173.803**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản**		**28.315.484.312**	**(9.255.906.989)**
03	Khấu hao tài sản cố định		9.398.698.145	11.249.308.782
04	Các khoản dự phòng		(2.395.496.015)	3.034.659.326
06	Chi phí lãi vay		136.950.445.608	76.837.007.976
07	Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư		15.793.266.842	(1.365.281.448)
08	Dự thu tiền lãi		(131.431.430.268)	(99.011.601.625)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**200.078.507.704**	**240.084.666.099**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	23.2	200.078.507.704	240.084.666.099
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	23.2	**(378.092.726.917)**	**(301.560.482.965)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(378.092.726.917)	(301.560.482.965)
30	**5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(1.967.850.264.977)**	**(1.347.149.414.922)**
31	(Tăng)/Giảm tài sản tài chính FVTPL		(54.896.939.143)	69.541.548.267
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(1.376.635.599.500)	(761.000.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(671.946.681.795)	(265.288.861.690)
34	Giảm/(Tăng) tài sản tài chính AFS		120.363.606.514	(280.363.606.514)
35	Giảm/(Tăng) phải thu từ bán tài sản tài chính		82.302.909.500	(82.302.909.500)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		103.886.502.564	73.789.469.135
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(348.095.489)	(1.870.805.302)
39	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu khác		(129.557.248)	2.797.945.302
40	Giảm các tài sản khác		894.500	35.800.000
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		8.596.920.763	36.984.036
42	Giảm chi phí trả trước		(5.917.661.736)	(798.646.947)
43	Thuế TNDN đã nộp	18	(32.089.746.746)	(11.632.942.219)
44	Lãi vay đã trả		(152.315.625.237)	(78.133.627.237)
45	Tăng/(Giảm) phải trả cho người bán		19.820.315.374	(26.145.464.869)

47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	4.834.016.061	7.262.005.845
48	Tăng/(Giảm) phải trả người lao động	10.483.811.278	(1.490.592.823)
50	(Giảm)/Tăng phải trả, phải nộp khác	(13.964.377.003)	15.421.224.937
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	134.000.000	21.000.000
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(10.028.937.534)	(7.026.935.343)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**	**(1.635.592.112.417)**	**(1.267.366.964.974)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
61	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(1.393.400.000)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	509.091	1.009.091
65	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.239.749.188	1.510.548.019
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**846.858.279**	**1.511.557.110**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
72	1. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	-	(3.006.577)
73	2. Tiền vay gốc	21.306.995.826.911	11.089.215.714.215
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	(19.357.595.122.592)	(9.818.652.708.706)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**	**1.949.400.704.319**	**1.270.559.998.932**
90	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**	**314.655.450.181**	**4.704.591.068**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**21.929.566.336**	**17.224.975.268**
101.1	Tiền	21.929.566.336	17.224.975.268
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM** 5	**336.585.016.517**	**21.929.566.336**
103.1	Tiền	336.585.016.517	21.929.566.336

VietinBank Securities

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		114.701.254.645.247	35.606.323.715.949
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(116.934.920.684.709)	(35.844.847.498.966)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.297.106.671.621	670.221.452.126
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.909.844.494)	(8.793.531.264)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		15.559.716.088.926	11.798.208.930.169
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(15.559.770.126.031)	(11.797.047.809.863)
20	**Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm**		**54.476.750.560**	**424.065.258.151**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng**		**620.346.752.576**	**196.281.494.425**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		620.346.752.576	196.281.494.425
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		379.910.903.376	155.405.690.031
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		204.911.353.489	35.856.544.461
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		31.225.344.011	1.881.228.539
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.299.151.700	3.138.031.394
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**		**674.823.503.136**	**620.346.752.576**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		674.823.503.136	620.346.752.576
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		306.471.461.887	379.910.903.376
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		317.751.587.134	204.911.353.489
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		46.355.339.520	31.225.344.011
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.245.114.595	4.299.151.700

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đào Thị Yến	**Bà Nguyễn Thị Anh Thư**	**Ông Trần Phúc Vinh**
Kế toán	Kế toán Trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

VietinBank Securities

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-CTCK

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số cuối năm	
			Năm trước		Năm nay			
	01/01/2020 VND	01/01/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2020 VND	31/12/2021 VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000	-	-	-	-	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000	-	-	-	-	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	6.163.512.734	6.178.512.734	15.000.000	-	-	-	6.178.512.734	6.178.512.734
3. Cổ phiếu quỹ	(255.742.104)	(258.748.681)	-	(3.006.577)	-	-	(258.748.681)	(258.748.681)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	36.613.580.756	38.928.580.372	2.314.999.616	-	3.950.336.860	-	38.928.580.372	42.878.917.232
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	36.613.580.756	38.928.580.372	2.314.999.616	-	3.950.336.860	-	38.928.580.372	42.878.917.232
6. Lợi nhuận chưa phân phối	169.541.692.874	289.297.113.892	128.187.390.694	(8.431.969.676)	386.503.773.570	(20.035.505.215)	289.297.113.892	655.765.382.247
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	*86.657.024.972*	*157.231.792.497*	*79.006.737.201*	*(8.431.969.676)*	*244.092.398.200*	*(20.035.505.215)*	*157.231.792.497*	*381.288.685.482*
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	*82.884.667.902*	*132.065.321.395*	*49.180.653.493*	*-*	*142.411.375.370*	*-*	*132.065.321.395*	*274.476.696.765*
TỔNG CỘNG	**1.313.042.385.016**	**1.437.439.798.689**	**132.832.389.926**	**(8.434.976.253)**	**394.404.447.290**	**(20.035.505.215)**	**1.437.439.798.689**	**1.811.808.740.764**

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đào Thị Yến	**Bà Nguyễn Thị Anh Thư**	**Ông Trần Phúc Vinh**
Kế toán	Kế toán Trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 07 năm 2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 789934.000.000 đồng và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 02 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 1.064.365.760.000 đồng ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 31 tháng 07 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 06 năm 2017. Ngày 20 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 06 năm 2017).

Công ty có trụ sở chính tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 175 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 168 người).

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

QUY MÔ VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.064.365.760.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.064.365.760.000 đồng).

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 CÁC CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

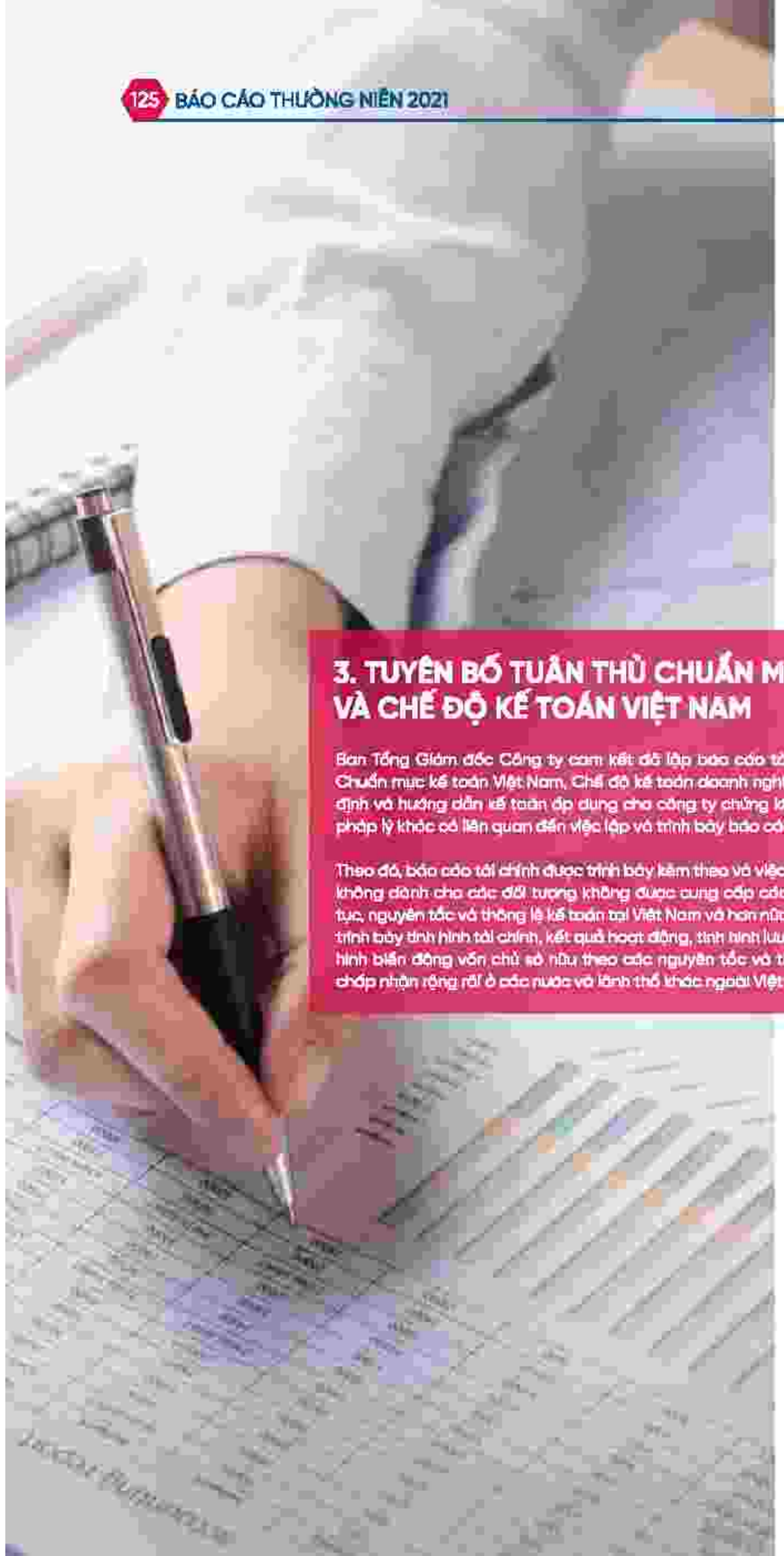

3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chính bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với Năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với Năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 CÁC KHOẢN CHO VAY

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.5 TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẴN SÀNG ĐỂ BÁN ("AFS")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
a) Các khoản cho vay và phải thu;
b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục *"Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS"* thuộc phần thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. 'Đáng kể' dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và 'kéo dài' được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giát suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở *Thuyết minh số 4.6*. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN ("HTM")

Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.7 GIÁ TRỊ HỢP LÝ/GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên phương pháp định giá nội bộ của Công ty.

4.8 NGỪNG GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc

Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 PHÂN LOẠI LẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ ĐEM ĐI THẾ CHẤP

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí hoạt động"* trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Quyền sử dụng đất (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Các tài sản khác	03 năm

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.14 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.15 CÁC HỢP ĐỒNG BÁN VÀ CAM KẾT MUA LẠI

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.17 CÁC KHOẢN VAY

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc, bao gồm khoản tiền thu được trừ đi chi phí phát hành, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

4.18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

4.19.1 TRỢ CẤP NGHỈ HƯU

Cán bộ công nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chi trợ cấp cho cán bộ nhân viên đủ điều kiện nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Pháp luật.

4.19.2 TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.19.3 BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.20 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty ("VND") được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Trong trường hợp Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.21 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.22 CHI PHÍ TIỀN LÃI

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi phải trả tiền vay và các khoản tiền lãi phát sinh từ các dịch vụ khác của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuếvà các ưu đãi thuế sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.24 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.25 CÁC KHOẢN MỤC KHÔNG CÓ SỐ DƯ

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt tại quỹ	297.642.884	178.743.906
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	336.085.384.117	21.556.835.877
Tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	201.989.516	193.986.553
	336.585.016.517	**21.929.566.336**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của Công ty	**297.332.222**	**27.598.202.048.800**	**140.244.960**	**14.127.804.449.800**
Cổ phiếu	63.017.222	1.532.110.688.800	11.604.960	223.051.069.800
Trái phiếu	234.320.000	26.066.091.360.000	128.640.000	13.904.753.380.000
Của Nhà đầu tư	**4.697.563.516**	**98.114.865.652.500**	**2.259.648.921**	**30.443.307.261.400**
Cổ phiếu	4.643.681.416	97.825.941.513.500	2.237.125.021	30.393.716.306.200
Trái phiếu	1.255.000	129.707.930.000	135.000	14.719.785.000
Chứng chỉ quỹ	143.200	3.346.979.000	48.360	659.033.400
Chứng quyền đảm bảo	52.473.900	155.869.130.000	22.240.540	35.412.136.800
Tổng cộng	**4.994.890.738**	**125.713.067.601.300**	**2.399.793.881**	**44.571.111.711.200**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu				
Niêm yết	449.205.448.033	671.859.422.850	313.791.104.868	336.714.960.620
Chưa niêm yết	115.604.780.620	240.872.339.560	195.740.555.760	342.724.014.552
Trái phiếu				
Chưa niêm yết	807.178.213.665	807.178.213.665	807.559.842.547	807.559.842.547
Tổng cộng	**1.371.988.442.318**	**1.719.909.976.075**	**1.317.091.503.175**	**1.486.998.817.719**

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn	2.137.635.599.500	761.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 7 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 4,30% đến 5,80%/năm. Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 14).

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cho vay hoạt động ký quỹ	1.487.700.628.583	1.482.890.260.445	922.989.735.587	918.179.367.449
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	107.235.788.799	107.235.788.799	-	-
Tổng cộng	**1.594.936.417.382**	**1.590.126.049.244**	**922.989.735.587**	**918.179.367.449**

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.4 Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Giấy tờ có giá	160.000.000.000	160.000.000.000	280.363.606.514	280.363.606.514

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số dư đầu năm	**4.810.368.138**	**4.810.368.138**
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**4.810.368.138**	**4.810.368.138**

Chi tiết số dư dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách năm nay (VND)	Số dư dự phòng năm nay (VND)	Số dư dự phòng năm trước (VND)
Khách hàng Hà Thị Lan	2.070.939.349	2.070.939.349	2.070.939.349
Khách hàng Nguyễn Đương Nghĩa	1.679.344.261	1.679.344.261	1.679.344.261
Khách hàng Nguyễn Như Tình	1.060.084.528	1.060.084.528	1.060.084.528
Cho vay hoạt động ký quỹ	**4.810.368.138**	**4.810.368.138**	**4.810.368.138**

7.6 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính tại thời điểm cuối năm như sau:

Các loại tài sản tài chính	Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
FVTPL				
Cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	449.205.448.033	242.618.754.008	(19.964.779.191)	671.859.422.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	115.604.780.620	136.158.517.023	(10.890.958.083)	240.872.339.560
Trái phiếu				
Trái phiếu chưa niêm yết	807.559.842.547	-	-	807.178.213.665
AFS				
Giấy tờ có giá	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
Tổng cộng	**1.531.988.442.318**	**378.777.271.031**	**(30.855.737.274)**	**1.879.909.976.075**

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính tại thời điểm đầu năm như sau:

Các loại tài sản tài chính	Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
FVTPL				
Cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	313.791.104.868	69.642.136.651	(46.718.280.899)	336.714.960.620
Cổ phiếu chưa niêm yết	195.740.555.760	171.598.300.048	(24.614.841.256)	342.724.014.552
Trái phiếu				
Trái phiếu chưa niêm yết	807.559.842.547	-	-	807.559.842.547
AFS				
Giấy tờ có giá	280.363.606.514	-	-	280.363.606.514
Tổng cộng	**1.597.455.109.689**	**241.240.436.699**	**(71.333.122.155)**	**1.767.362.426.233**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

8.1 Phải thu bán các tài sản tài chính

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu bán cổ phiếu	-	15.302.909.500
Phải thu bán trái phiếu	-	67.000.000.000
Trong đó : – Phải thu khó đòi bán trái phiếu	-	9.000.000.000
	-	**82.302.909.500**

8.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Dự thu tiền lãi hoạt động ký quỹ	28.920.297.812	32.487.306.023
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước	186.431.544	
Dự thu tiền lãi giấy tờ có giá	756.164.384	1.604.383.562
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	46.223.737.242	14.450.013.693
	76.086.630.982	**48.541.703.278**

8.3 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	605.458.099	355.848.529
Phải thu hoạt động tư vấn	723.000.000	523.225.000
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	508.000.000	
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.317.650.526	1.311.691.830
Phải thu dịch vụ khác	1.063.414.227	1.678.662.004
	4.217.522.852	**3.869.427.363**

8.4 Phải thu khác

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu khác	350.013.731	220.456.483
	350.013.731	220.456.483

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính	-	2.700.000.000
Dự phòng phải thu khác	691.422.243	386.918.258
	691.422.243	**3.086.918.258**

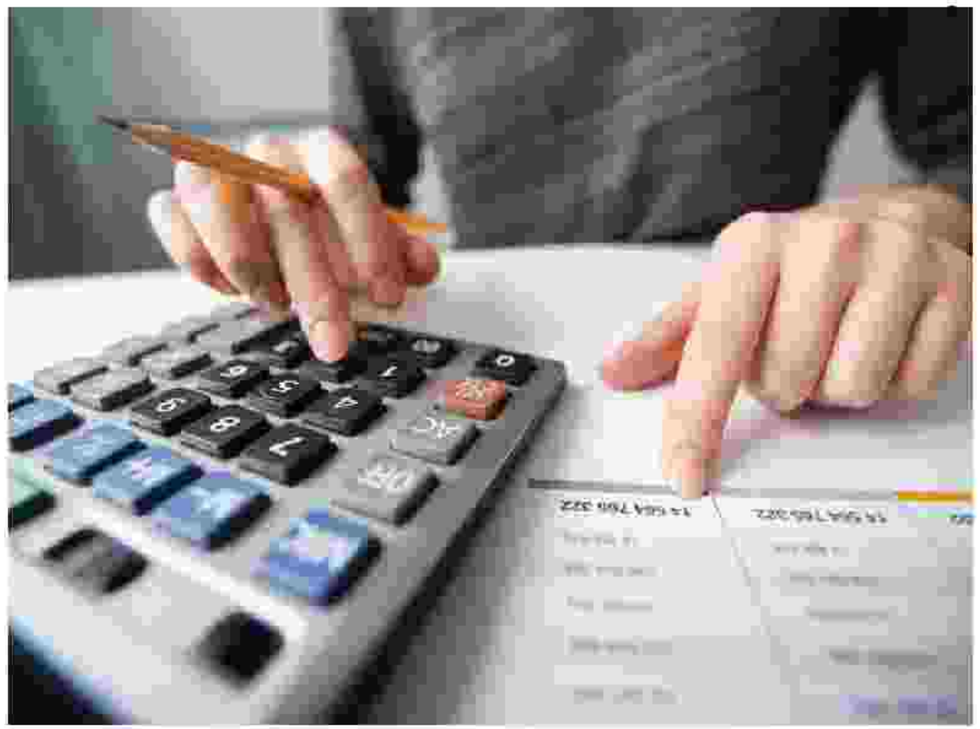

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm:

	Số đầu năm		Trích lập (VND)	Hoàn nhập (VND)	dự phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
	Giá trị phải thu khó đòi (VND)	Số dự dự phòng (VND)	-	(2.700.000.000)	-	
Phải thu bán các tài sản tài chính	**9.000.000.000**	**2.700.000.000**	**413.287.076**	**(108.783.091)**	**691.422.243**	**1.547.537.519**
CTCP Phú Đông Asia	9.000.000.000	2.700.000.000	255.600.000	-	255.600.000	852.000.000
Phải thu khác	**601.076.846**	**386.918.258**	6.600.000	-	6.600.000	22.000.000
CTCP Lavida Invest	-	-	17.968.667	(1.813.887)	113.594.113	150.604.698
CTCP Xây dựng và Đầu tư Bất động sản Việt Nam	-	-	133.118.409	(106.969.204)	315.628.130	522.932.821
Phí lưu ký và phí SMS – khách hàng tổ chức	116.241.244	97.439.333				
Phí lưu ký và phí SMS – khách hàng cá nhân	484.835.602	289.478.925				
Tổng cộng	**9.601.076.846**	**3.086.918.258**	**413.287.076**	**(2.808.783.091)**	**691.422.243**	**1.547.537.519**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.890.829.636	32.787.130.878	13.255.590.857	2.913.012.908	38.740.000	53.885.304.279
Mua trong năm	-	983.400.000	-	-	-	983.400.000
Thanh lý trong năm	-	-	13.255.590.857	2.913.012.908	38.740.000	53.885.304.279
Số dư cuối năm	4.890.829.636	32.787.130.878	-	(384.292.700)	-	(384.292.700)
Trong đó: Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	23.572.435.691	3.559.460.857	1.287.929.012	38.740.000	28.458.565.560
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	4.505.666.637	25.924.204.151	8.930.729.122	2.314.061.272	38.740.000	41.713.401.182
Khấu hao trong năm	385.162.999	3.263.133.451	1.616.021.676	309.342.542	-	5.573.660.668
Thanh lý trong năm	-	-	-	(384.292.700)	-	(384.292.700)
Số dư cuối năm	4.890.829.636	29.187.337.602	10.546.750.798	2.239.111.114	38.740.000	46.902.769.150
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	385.162.999	6.862.926.72	4.324.861.735	598.951.636	-	12.171.903.097
Số dư cuối năm	-	4.583.193.276	2.708.840.059	289.609.094	-	7.581.642.429

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là trụ sở văn phòng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	39.439.384.884	33.346.083.012	72.785.467.896
Mua trong năm	-	410.000.000	410.000.000
Số dư cuối năm	4.810.368.138	4.810.368.138	4.810.368.138
Trong đó:			
Tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	21.516.691.581	21.516.691.581
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	4.774.649.887	27.327.408.659	32.102.058.546
Hao mòn trong năm	790.396.368	3.034.641.109	3.825.037.477
Số dư cuối năm	5.565.046.255	30.362.049.768	35.927.096.023
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	34.664.734.997	6.018.674.353	40.683.409.350
Số dư cuối năm	33.874.338.629	3.394.033.244	37.268.371.873

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ứng trước cho người bán cung cấp dịch vụ	1.332.156.000	1.328.540.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	21.587.500	22.482.000
Chi phí trả trước	8.781.457.542	2.863.795.806
- Chi phí trả trước ngắn hạn	8.602.598.028	2.635.920.398
- Chi phí trả trước dài hạn	178.859.514	227.875.408
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	290.233.901	268.459.522
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	69.968.901	48.194.522
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	220.265.000	220.265.000
	336.585.016.517	**4.483.277.328**

13. TIỀN NỘP QUỸ

13.1 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD").

Theo Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán Tổng Giám đốc VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111
	20.000.000.000	**20.000.000.000**

13.2 Tài sản dài hạn khác

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSD. Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Giám đốc VSD về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 04 tháng 08 năm 2017 về việc sửa đổi Quyết định 97, thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu do VSD quy định cụ thể.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	58.304.269	39.893.114
	10.058.304.269	**10.039.893.114**

14. VAY NGẮN HẠN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số dư đầu năm	**2.166.722.913.838**	**4.810.368.138**
Trích lập trong năm	17.539.641.582.760	9.290.692.274.653
Trích lập trong năm	(15.605.957.153.260)	(7.913.969.360.815)
Số dư cuối năm	**4.810.368.138**	**2.166.722.913.838**

Các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm cuối năm bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1,371% đến 7,500%/năm và các hợp đồng chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi kèm cam kết mua lại với tổ chức tín dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Công ty đã sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng để phòng ngừa rủi ro hối đoái của khoản vay ngoại tệ. Theo đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không được đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái nêu trên.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản tài chính thuộc sở hữu của Công ty có giá trị hợp lý như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	399.693.462.000	494.978.624.000
Trái phiếu	70.000.000.000	140.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	2.137.635.599.500	761.000.000.000
	2.607.329.061.500	**1.395.978.624.000**

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	2.913.763.038	1.435.516.002
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	609.374.282	585.807.425
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	9.728.788.521	842.237.435
- Đặt cọc mua trái phiếu CTCP STC Corporation của Nhà đầu tư	2.200.000.000	-
- Phải trả tổ chức phát hành	6.324.526.800	194.800
- Phải trả các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong giao dịch chứng khoán	530.089.244	239.770.922
- Phải trả khác	674.172.477	602.271.713
	13.251.925.841	**2.863.560.862**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
CTCP Công nghệ Y học Hồng Đức	295.500.000	-
CTCP VNPAY	259.267.230	137.879.575
Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	245.591.000	-
Khác	187.278.528	300.741.874
	987.636.758	**438.621.449**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP	163.500.000	163.500.000
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dana Home Land (Home Land Group)	-	150.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	109.911.520	109.911.520
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	100.000.000	100.000.000
Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam	90.000.000	90.000.000
Khác	967.000.000	1.019.500.000
	1.430.411.520	**1.632.911.520**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	306.819.807	95.909.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	32.902.095.697	5.141.592.495
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	8.262.668.843	3.639.562.749
	41.471.584.347	8.877.065.084

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Phát sinh trong năm		Số đầu năm
		Tăng	Giảm	
Thuế GTGT	95.909.840	1.566.005.025	(1.355.095.058)	306.819.807
Thuế TNDN	5.141.592.495	59.850.249.948	(32.089.746.746)	32.902.095.697
Thuế TNCN	3.639.562.749	62.957.950.343	(58.334.844.249)	8.262.668.843
Thuế khác	-	575.838.747	(575.838.747)	
	8.877.065.084	**124.950.044.063**	**(92.355.524.800)**	**41.471.584.347**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	6.325.409.070	3.657.063.578
Chi phí phải trả khác (*)	9.241.587.086	644.666.323
	15.566.996.156	**4.301.729.901**

(*): Bao gồm chi phí phải trả đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh theo hợp đồng hoán đổi ngoại tệ của Công ty.

20. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

20.1. Tài sản giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo Trái phiếu Chính Phủ	576.133.261.669	586.008.992.337

Tài sản giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ bao gồm các khoản phải thu đối với các Trái phiếu Chính phủ mà Công ty đã mua và cam kết sẽ bán lại trong vòng 01 tháng và hưởng lãi suất từ 2,01%/năm đến 3,34%/năm.

20.2. Phải trả giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo Trái phiếu Chính Phủ	592.008.664.665	586.168.120.514

Phải trả giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ bao gồm các khoản phải trả đối với các Trái phiếu Chính phủ mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong vòng 01 tháng và chịu lãi suất từ 1,90%/năm đến 3,21%/năm.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 27 tháng 04 năm 2021.

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2020	**1.064.365.760.000**	**6.178.512.734**	**(258.748.681)**	**36.613.550.756**	**169.541.692.876**	**1.313.042.385.076**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	128.187.390.694	128.187.390.694
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.006.577)	-	-	(3.006.577)
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.314.999.616	(4.629.999.232)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-
Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.786.970.444)	(3.786.970.444)
Biến động khác	-	75.000.000	-	-	(15.000.000)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	**1.064.365.760.000**	**6.178.512.734**	**(258.748.681)**	**38.928.550.372**	**289.297.113.892**	**1.437.439.798.689**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	386.503.773.570	386.503.773.570
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	3.950.336.860	(7.900.673.720)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-
Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(12.134.831.765)	(12.134.831.765)
Biến động khác	-	-	-	-	270	270
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	**1.064.365.760.000**	**6.178.512.734**	**(258.748.681)**	**42.878.887.232**	**655.765.382.247**	**1.811.808.740.764**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

21.2. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Lợi nhuận đã thực hiện	381.288.685.482	157.231.792.497
Lợi nhuận chưa thực hiện	274.476.696.765	132.065.321.395
	655.765.382.247	**289.297.113.892**

21.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	36.962	369.620.000	36.962	369.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.962	369.620.000	36.962	369.620.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.399.614	1.063.996.140.000	106.399.614	1.063.996.140.000
- Cổ phiếu phổ thông	106.399.614	1.063.996.140.000	106.399.614	1.063.996.140.000

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

22.1. Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại trung tâm lưu ký chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán ("CTCK")

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	208.493.020.000	433.601.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	470.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	62.330.360.000	83.330.360.000
Tài sản tài chính chờ về	-	6.123.500.000
	270.823.380.000	**523.055.330.000**

22.2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	77.914.920.000	77.915.000.000
	77.914.920.000	**77.915.000.000**

22.3. tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	985.702.640.000	1.169962.640.000
	985.702.640.000	**1.169962.640.000**

22.4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	12.001.842.989.000	13.018.992.341.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.958.292.060.000	1.051.069.840.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.184.888.533.000	931.268.200.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.826.813.330.000	2.166.765.730.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	168.904.519.000	143.917.156.000
	17.140.741.431.000	**17.312.013.267.000**

22.5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	149.830.290.000	205.452.150.000
	149.830.290.000	**205.452.150.000**

22.6. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	172.675.219.000	159966.808.000
	172.675.219.000	**159966.808.000**

22.7. Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	306.471.461.887	379.910.903.376
– Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	304.766.034.279	378.878.559.615
– Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	521.546.672	471.541.234
– Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại VSD	1.183.880.936	560.802.527
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	317.751.587.134	204.911.353.489
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	46.355.339.520	31.225.344.011
– Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	46.175.563.597	31.109.967.574
– Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	179.775.923	115.376.437
	670.578.388.541	**616.047.600.876**

22.8. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	4.245.114.595	4.299.151.700
	4.245.114.595	**4.299.151.700**

22.9. Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	670.578.388.541	616.047.600.876
– Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*668.693.185.010*	*614.899.880.678*
– Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*701.322.595*	*586.917.671*
– Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	*1.183.880.936*	*560.802.527*
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.245.114.595	4.299.151.700
	674.823.503.136	**620.346.752.576**

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

23.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

23.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	30.163.700	523.173.465.000	371.508.001.090	151.665.463.910	15.180.791.899
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	7.848.000	104.166.820.000	79.264.800.000	24.902.020.000	-
3	Trái phiếu niêm yết	32.030.000	3.478.130.830.000	3.477.347.170.000	783.660.000	772.300.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	7.994.196	1.762.544.132.253	1.750.686.845.803	11.857.286.450	23.466.218.224
5	Repo trái phiếu	-	-	-	1.143.719.332	2.015.347.891
	Tổng cộng	**78.035.896**	**5.868.015.247.253**	**5.678.806.816.893**	**190.352.149.692**	**41.434.658.014**

23.1.2 Lỗ bán các tài sản tài chính fvtpl

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch (VND)	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	6.712.800	194.938.241.000	208.670.009.405	13.731.768.405	3.015.090.373
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	86.500	865.000.000	873.650.000	8.650.000	4.476.252.700
3	Trái phiếu niêm yết	52.330.000	5.796.539.670.000	5.797.482.390.000	942.720.000	821.200.000
	Tổng cộng	**59.129.300**	**5.992.342.911.000**	**6.007.026.049.405**	**14.683.138.405**	**8.312.543.073**

23.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VND)	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
FVTPL	**1.371.988.442.318**	**1.719.909.976.075**	**347.921.533.757**	**169.907.314.544**	**378.092.726.917**	**(200.078.507.704)**
Cổ phiếu niêm yết	***469.205.468.033***	***671.859.422.850***	***222.653.974.817***	***22.923.855.752***	***333.858.984.127***	***(134.128.865.062)***
CTCP Hoàng Anh Gia Lai	16.821.957.090	32.884.875.100	16.062.918.010	(40.809.133.440)	78.944.098.930	(22.072.047.480)
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	15.690.471.247	186.690.866.000	171.000.393.753	67.866.912.153	138.498.523.600	(35.365.042.000)
CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam	92.498.459.592	115.252.108.000	22.753.648.408	119.408	30.442.491.600	(7.688.962.600)
CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	74.780.492.500	(19.929.362.290)	(5.888.943.290)	30.705.785.900	(44.746.204.900)
CTCP Kiên Hùng	15.064.502.000	36.974.644.000	21.910.142.000	1.706.115.100	20.204.026.900	-
STB	67.555.595.637	76.054.324.500	8.498.728.863	457.568	14.006.871.125	(5.508.599.830)
Cổ phiếu khác	146.864.607.677	149.222.113.750	2.357.506.073	48.328.253	21.057.186.072	(18.748.008.252)

23.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính (tiếp theo)

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VND)	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	**115.604.780.620**	**240.572.339.560**	**125.267.558.940**	**146.983.468.792**	**41.069.048.896**	**(62.784.948.748)**
CTCP Ô tô Trường Hải	71.907.707.642	206.732.678.012	134.824.970.370	170.713.235.958	3.730.472.312	(39.618.737.900)
Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	-	-	-	(13.488.650.000)	29.210.740.000	(15.722.090.000)
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	35.065.711.200	30.150.900.000	(4.914.811.200)	(9.553.411.200)	7.421.760.000	(2.783.160.000)
CTCP Giải pháp Công nghệ Tái tạo	7.630.000.000	1.677.074.000	(5.952.926.000)	(1.542.786.000)	-	(4.410.160.000)
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	966.136.400	2.274.631.956	1.318.495.556	877.052.836	685.547.432	(244.104.712)
Cổ phiếu khác	45.225.378	37.055.592	(8.169.786)	(21.982.802)	20.529.152	(6.716.136)
Trái phiếu niêm yết	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.164.693.894**	**(3.164.693.894)**
Trái phiếu chưa niêm yết	**807.178.213.665**	**807.178.213.665**	**-**	**-**	**-**	**-**

23. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

23.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Cổ phiếu	5.126.738.419	17.456.615.389
Trái phiếu	61.467.806.333	39.268.869.367
	66.594.544.752	**56.725.484.756**

23.4. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	138.903.984.989	77.385.943.795
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ứng trước tiền bán	6.380.676.521	-
	145.284.661.510	**77.385.943.795**

23.5. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.657.534.247	13.304.383.562
– Chứng chỉ tiền gửi	*15.657.534.247*	*13.304.383.562*
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	73.832.381.083	14.450.013.693
– Tiền gửi có kỳ hạn	*73.832.381.083*	*14.450.013.693*
	89.489.915.330	**27.754.397.255**

23.6. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí giao dịch mua Repo trái phiếu	1.303.243.400	1.575.439.562
	1.303.243.400	**1.575.439.562**

24. DOANH THU NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	148.393.507.291	48.681.264.724
Doanh thu môi giới khác	463.823.207	501.383.375
	148.857.330.498	**49.182.648.099**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.166.590.907	3.623.592.656
	5.166.590.907	**3.623.592.656**

26. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Phí mua lại trước hạn Trái phiếu CTCP Đầu tư Bất động sản Đông Dương	–	278.918.556
Phí xác nhận	259.166.026	149.839.343
Phí SMS	367.716.910	209.288.508
Phí khác	512.333.860	289.908.316
	1.139.216.796	**927.954.723**

27. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	25.805.964.678	8.190.763.535
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	528.000.000	529.988.633
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	65.026.927.579	37.165.101.679
- Chi phí nhân viên	*16.318.505.320*	*12.214.369.194*
- Chi phí vật tư văn phòng	*158.770.727*	*74.333.877*
- Chi phí công cụ, dụng cụ	*1.232.927.400*	*255.934.998*
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	*5.738.044.169*	*6.843.543.967*
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	*36.859.643.438*	*15.262.889.412*
- Chi phí khác	*4.719.036.525*	*2.514.030.231*
	91.360.892.257	**45.885.853.847**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	304.503.985	334.659.326
	304.503.985	**334.659.326**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.239.749.188	1.510.548.019
	2.239.749.188	**1.510.548.019**

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi vay	129.079.706.653	62.618.953.944
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	-	5.772.054.793
Chi phí đại lý phát hành và phân phối trái phiếu	-	93.548.387
Chi phí lãi vay khác	25.904.264.076	8.498.726.514
	154.983.970.729	**76.983.283.638**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nhân viên	50.239.988.939	34.720.839.213
Chi phí văn phòng phẩm	965.068.091	738.402.982
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.322.984.100	1.911.958.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.660.653.976	4.405.764.815
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.976.148.887	1.319.108.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.277.495.546	5.365.801.160
Chi phí khác	12.533.623.526	7.600.640.661
	81.975.963.065	**56.062.515.618**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

32.1. *Thuế TNDN hiện hành*

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2019: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận thuần trước thuế TNDN	**481.966.867.361**	**150.513.173.803**
Cộng		
- Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	200.078.507.704	240.084.666.099
- Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ vượt mức trần theo quy định	289.440.012	289.440.012
- Chi phí không được trừ	145.900.000	-
- Kinh phí công đoàn năm 2019	-	80.846.159
Trừ		
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(378.092.726.917)	(301.560.482.965)
- Thu nhập từ cổ tức	(5.126.738.419)	(17.456.615.389)
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính năm hiện hành	**299.251.249.741**	**71.951.027.719**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**59.850.249.948**	**14.390.205.543**
Điều chỉnh giảm thuế TNDN cho năm 2018, 2019 theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	(4.359.585.807)
Tổng cộng	**59.850.249.948**	**10.030.619.736**

32.2. Thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thuế TNDN hoãn lại ròng đầu năm	**(37.841.993.149)**	**(25.546.829.776)**
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(178.014.219.213)	(61.475.816.866)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(35.602.843.843)	(12.295.163.373)
Thuế TNDN hoãn lại ròng cuối năm	**(73.444.836.992)**	**(37.841.993.149)**

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	386.503.773.570	128.187.390.694
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	106.399.620	106.399.620
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**3.633**	**1.205**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ

Số dư trọng yếu với các bên liên quan của Công ty tại thời điểm cuối năm và đầu năm như sau:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả) VND	Số đầu năm Phải thu/(Phải trả) VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán của Công ty	34.483.227.388	20.670.856.096
	Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	(615.543.197.191)	(576.110.706.627)
	Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	15.600.883	15.600.883
	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(530.661.864)	(240.343.542)
	Các khoản phải trả Doanh thu chưa thực hiện	(604.747.416)	(798.351.216)
	Doanh thu chưa thực hiện	(4.873.089.610)	(6.238.799.764)
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	(168.341.890)	(7.136.074)
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Chi phí trả trước	27.906.966	467.220.000
	Phải trả phí bảo hiểm	(69.026.559)	(2.865.000)

Giá trị các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay Thu nhập/(Chi phí) VND	Năm trước Thu nhập/(Chi phí) VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Thu lãi tiền gửi	1.698.075.904	702.778.845
	Doanh thu phí tư vấn phát hành	-	-
	Doanh thu phí đại lý đăng ký lưu ký, đại lý phát hành	-	-
	Doanh thu khác	259.166.026	199.839.343
	Chi phí thuê văn phòng	(903.168.000)	(858.112.000)
	Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	(29.642.489.772)	(9.548.510.119)
	Phí chuyển tiền	(65.349.392)	(6.817.348)
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	38.356.440	66.950.982
	Doanh thu chuyểnnhượng trái phiếu	176.034.051	-
	Chi phí lãi tiền gửi	(3.351.311)	(934.720)
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phải trả phí bảo hiểm	(736.152.236)	(548.007.968)
	Chi phí lãi tiền gửi	-	(365)
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Doanh thu khác	-	24.545.454
	Chi phí mua hàng	(1.746.600.000)	(410.763.000)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Phúc Vinh	Chủ tịch (i)	149.550.139	-
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch (ii)	1.582.141.219	550.955.850
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch (iv)	5.976.547	1.038.395.247
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (iii)	234.296.424	108.635.887
Ông Nguyễn Minh Giang	Thành viên (iv)	-	605.541.978
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên (iv)	59.372.810	108.635.887
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Thành viên (v)	-	42.394.493
Ông Lê Thế Mạnh	Thành viên (v)	-	42.394.493
Bà Đặng Thị Việt Hà	Thành viên (v)	-	42.394.493
Bà Trần Thị Thìn	Thành viên độc lập (iii)	354.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên độc lập (iv)	176.772.155	-
Ban Kiểm soát		**1.673.796.416**	**950.216.725**
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Vũ Đức Mạnh	Tổng Giám đốc (i)	152.724.911	-
Ông Trần Phúc Vinh	Quyền Tổng Giám đốc (ii)	1.271.568.392	463.043.182
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (iv)	5.976.547	940.687.789
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc (iii)	1.125.267.069	378.973.014
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	1.362.428.490	943.698.920
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	1.431.047.617	997.998.751
Ông Chu Mạnh Hiển	Phó Tổng Giám đốc (iv)	-	448.333.793
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1.175.479.241	563.648.779
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (iii)	969.061.303	227.039.091
		11.479.957.260	**8.452.988.372**

(i) Bổ nhiệm năm 2021;
(ii) Miễn nhiệm năm 2021;
(iii) Bổ nhiệm năm 2020;
(iv) Miễn nhiệm năm 2020;
(v) Miễn nhiệm năm 2019

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới chứng khoán (VND)	Đầu tư vào công cụ tài chính (VND)	Hoạt động kinh doanh vốn (VND)	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành (VND)	Hoạt động lưu ký (VND)	Hoạt động đầu tư khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	309.475.654.668	623.653.261.598	98.620.066.323	22.608.492.304	11.048.774.773	-	1.065.406.249.666
2. Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	2.240.258.279	2.240.258.279
3. Các chi phí trực tiếp	102.519.987.376	220.436.921.002	55.512.643.208	10.087.893.929	15.684.904.483	-	404.242.349.998
4. Khấu hao và các chi phí phân bổ	21.039.433.229	42.398.524.594	6.704.599.438	1.537.018.687	751.141.344	-	72.430.717.292
5. Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	109.016.573.294	109.016.573.294
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**185.916.234.063**	**360.817.816.002**	**36.402.823.677**	**10.983.579.688**	**(5.387.271.054)**	**(106.776.315.015)**	**491.956.867.361**

	Môi giới chứng khoán (VND)	Đầu tư vào công cụ tài chính (VND)	Hoạt động kinh doanh vốn (VND)	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành (VND)	Hoạt động lưu ký (VND)	Hoạt động đầu tư khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư cuối năm							
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	1.620.805.412.495	4.669967.457.742	-	1.231.000.000	960.641.131	1.063.414.227	6.294.027925.595
2. Tài sản bộ phận	113.681.189.832	229.089.570.541	36.226.586.201	8.304.886.884	4.058.599904	-	391.360.833.362
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	297.642.884	297.642.884
Tổng tài sản	**1.734.486.602.327**	**4.899.057.028.283**	**36.226.586.201**	**9.535.886.884**	**5.019.241.035**	**1.361.057.111**	**6.685.686.401.841**
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.442.551.559	4.692.416.008.003	-	11.115.363.180	609.374.282	-	4.714.583.297.024
2. Nợ phải trả bộ phận	40.695.130.630	82.008.554.036	12.968.246.197	2.972.949.677	1.452.881.110	-	140.097.761.650
3. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	19.196.602.403	19.196.602.403
Tổng nợ phải trả	**51.137.682.189**	**4.774.424.562.039**	**12.968.246.197**	**14.088.312.857**	**2.062.255.392**	**19.196.602.403**	**4.873.877.661.077**

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam và chủ yếu được thực hiện ở trụ sở chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không có các cam kết thuê hoạt động tại thời điểm cuối năm và đầu năm.

37. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

37.1 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư trái phiếu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

37.2 RỦI RO VỀ GIÁ CHỨNG KHOÁN

Các chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 912.731.762.410 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 679.438.975.172 đồng). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

37.3 RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị (VND)	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị (VND)	Quá hạn và bị suy giảm giá trị (VND)	Tổng cộng (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.585.016.517	-	-	336.585.016.517
Các khoản cho vay	1.590.126.049.244	-	4.810.368.138	1.594.936.417.382
Các khoản phải thu	76.086.630.982	-	-	76.086.630.982
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.800.658.235	869.327.098	1.547.537.519	4.217.522.852
Các khoản phải thu khác	350.013.731	-	-	350.013.731
Trả trước cho người bán	1.332.156.000	-	-	1.332.156.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	69.968.901	-	-	69.968.901
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	220.265.000	-	-	220.265.000
Chi phí trả trước	8.781.457.542	-	-	8.781.457.542
	2.015.352.216.152	**869.327.098**	**6.357.905.457**	**2.022.579.448.907**

37.4 RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại thời điểm cuối năm.

	Quá hạn (VND)	Đến 1 năm (VND)	Từ 1 - 5 năm (VND)	Trên 5 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	336.585.016.517	-	-	336.585.016.517
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	1.719.909.976.075	-	-	1.719.909.976.075
Các khoản cho vay	4.810.368.138	1.590.126.049.244	-	-	1.594.936.417.382
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.137.635.599.500	-	-	2.137.635.599.500
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
Các khoản phải thu	-	76.086.630.982	-	-	76.086.630.982
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.416.864.617	1.800.658.235	-	-	4.217.522.852
Các khoản phải thu khác	-	350.013.731	-	-	350.013.731
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	576.133.261.669	-	-	576.133.261.669
Tài sản ngắn hạn khác	-	91.556.401	-	-	91.556.401
Tài sản cố định	-	-	44.850.014.302	-	44.850.014.302
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	220.265.000	10.058.304.269	-	10.278.569.269
Tổng tài sản	**7.227.232.755**	**6.598.939.027.354**	**74.908.318.571**	-	**6.681.074.578.680**

	Quá hạn (VND)	Đến 1 năm (VND)	Từ 1 – 5 năm (VND)	Trên 5 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
NỢ PHẢI TRẢ					
Vay ngắn hạn	-	4.100.407.343.338	-	-	4.100.407.343.338
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	13.251.925.841	-	-	13.251.925.841
Phải trả người bán ngắn hạn	-	987.636.758	-	-	987.636.758
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	41.471.584.347	73.444.836.992	-	114.916.421.339
Phải trả người lao động	-	24.080.726.542	-	-	24.080.726.542
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	15.566.996.156	-	-	15.566.996.156
Phải trả, phải nộp khác	-	1.100.613.769	-	-	1.100.613.769
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.641.969.689	-	-	2.641.969.689
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	592.008.664.665	-	-	592.008.664.665
Tổng nợ phải trả	**-**	**4.791.577.460.905**	**73.444.836.992**	**-**	**4.865.962.297.897**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**7227232.755**	**1.807.421.566.449**	**(73.444.836.992)**	**74.908.318.571**	**1.816.112.280.783**

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Đào Thị Yến	**Bà Nguyễn Thị Anh Thư**	**Ông Trần Phúc Vinh**
Kế toán	Kế toán Trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày **28** tháng **02** năm **2022**